

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
APHRODITE SAILING**

Giáo viên hướng dẫn : Ths. Lê Thị Cẩm Giang

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Minh Trâm

MSSV : 2254010085

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06, năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
APHRODITE SAILING**

Giáo viên hướng dẫn : Ths. Lê Thị Cẩm Giang

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Minh Trâm

MSSV : 2254010085

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06, năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KINH TẾ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ MÔN KẾ TOÁN

Đà Nẵng, ngày tháng..... năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Minh Trâm
- Chuyên Ngành: Kế Toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài khóa luận tốt nghiệp: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Aphrodite Sailing”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp:

4. Các bảng biểu:

5. Cán bộ hướng dẫn: Ths. Lê Thị Cẩm Giang

6. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

Ths. Lê Thị Cẩm Giang

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

DANH MỤC HÌNH ẢNH

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

LỜI CẢM ƠN

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....1

1.1. Khái quát chung về kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....1

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh1

1.1.2. Các phương thức bán hàng2

1.1.3. Các phương thức thanh toán.....2

1.1.4. Nhiệm vụ, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....3

1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập khác.....3

1.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ3

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu8

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....10

1.2.4. Kế toán thu nhập khác.....14

1.3. Kế toán chi phí17

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán17

1.3.2. Kế toán chi phí bán hàng.....20

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....23

1.3.4. Kế toán chi phí tài chính.....26

1.3.5. Kế toán chi phí khác.....29

1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp31

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh33

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING35

2.1. Tổng quan về công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing35

2.1.1. Giới thiệu sơ lược về Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	35
2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	36
2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	36
2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty	36
2.1.3.2. Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban Công ty	36
2.1.4. Bộ máy kế toán của công ty Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	39
2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán	39
2.1.4.2. Nhiệm vụ và chức năng của từng bộ phận	39
2.1.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	40
2.1.6. Hình thức ghi sổ của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	41
2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	42
2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	42
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	42
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	54
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	55
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác	58
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	61
2.2.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng	61
2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng	67
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	67
2.2.2.4. Kế toán chi phí tài chính	80
2.2.2.5. Kế toán chi phí khác	84
2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	87
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	91
CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING	95
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing	95
3.1.1. Ưu điểm	95
3.1.2. Hạn chế	96

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing.....	97
KẾT LUẬN	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	102
MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI	103

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khi tiêu thụ trực tiếp	6
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp.....	6
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao đại lý	7
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị đại lý	7
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	10
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	13
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán các khoản thu nhập khác.....	16
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	19
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	20
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự hạch toán về chi phí bán hàng.....	22
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	25
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính	28
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ trình tự hạch toán Chi phí khác	30
Sơ đồ 1.14. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN.....	32
Sơ đồ 1.15. Sơ đồ trình tự hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh .	34
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing.....	36
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	39
Sơ đồ 2.3. Quy trình ghi sổ kế toán tại Công Ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing .	41
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ thực tế xử lý dữ liệu trên phần mềm Easybook	42

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Nghiệp vụ 1 Hóa đơn GTGT số 2 ngày 22/04/2025	47
Hình 2.2. Giao diện phần mềm sau khi hạch toán Nghiệp vụ 1.....	48
Hình 2.3. Nghiệp vụ 2 Hóa đơn GTGT số 25 ngày 08/02/2025	49
Hình 2.4. Giao diện phần mềm sau khi hạch toán xong Nghiệp vụ 2	50
Hình 2.5. Nghiệp vụ 3 Hóa đơn GTGT số 218 ngày 18/08/2025	51
Hình 2.6. Giao diện phần mềm sau khi hạch toán xong Nghiệp vụ 3	52
Hình 2.7. Trích sổ chi tiết TK5111	52
Hình 2.8. Trích sổ chi tiết TK5113	53
Hình 2.9. Trích sổ cái TK511	54
Hình 2.10. Sao kê ngân hàng về lãi tiền gửi ngân hàng tháng 6/2025	56
Hình 2.11. Hạch toán nghiệp vụ thu lãi tiền gửi.....	56
Hình 2.12. Trích sổ chi tiết TK515	57
Hình 2.13. Trích sổ cái TK515	58
Hình 2.14. Hạch toán nghiệp vụ xử lý chênh lệch.....	59
Hình 2.15. Hạch toán nghiệp vụ xử lý thu phí hủy vé.....	60
Hình 2.16. Trích sổ chi tiết TK711 năm 2025	60
Hình 2.17. Trích sổ cái TK711 năm 2025.....	61
Hình 2.18. Giao diện màn hình phần mềm khi tính giá xuất kho hàng hóa.....	62
Hình 2.19. Tập hợp chi phí sang TK154	63
Hình 2.20. Giá vốn dịch vụ được hiển thị trên phần mềm sau khi hoàn thành	64
Hình 2.21. Giá vốn của hàng hóa theo hóa đơn GTGT 25 ngày 08/02/2025.....	64
Hình 2.22. Phiếu xuất kho số XK005/25 - xuất kho bán hàng cho khách.....	64
Hình 2.23. Trích sổ chi tiết TK 632	65
Hình 2.24. Trích sổ cái TK632	66
Bảng 2.25. Bảng tóm tắt các khoản trích theo lương.....	68
Hình 2.26. Bảng chấm công.....	69
Hình 2.27. Bảng lương tháng 6/2025	70
Hình 2.28. Sau khi hạch toán chi phí bảo hiểm của bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 06/2025	71
Hình 2.29. Sau khi hạch toán chi phí lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 06/2025	71
Hình 2.30. Trích sổ chi tiết TK6421	72

Hình 2.31. Hạch toán nghiệp vụ phân bổ CCDC tháng 4 trên phần mềm.....	72
Bảng 2.32 . Bảng tính phân bổ CCDC tháng 4/2025.....	73
Hình 2.33. Nghiệp vụ phân bổ Tổng chi phí CCCD tháng 4 dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.....	73
Hình 2.34. Hạch toán nghiệp vụ phân bổ khấu hao tài sản tháng 01/2025	74
Bảng 2.35. Trích bảng tính phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 01/2025	74
Hình 2.36. Trích sổ chi tiết TK642	75
Hình 2.37. Phần mềm sau khi hạch toán phí môn bài năm 2025	75
Hình 2.38. Trích sổ chi tiết TK 6425	76
Hình 2.39. Hóa đơn giá trị gia tăng số 23349 ngày 28/01/2025	77
Hình 2.40. Đơn vị hạch toán nghiệp vụ trên phần mềm Easybook.....	78
Hình 2.41. Trích sổ chi tiết TK6427	78
Hình 2.42. Trích sổ cái TK642	79
Hình 2.43. Hóa đơn GTGT.....	81
Hình 2.44. Sao kê ngân hàng về trả lãi vay ngân hàng tháng 9/2025.....	82
Hình 2.45. Đơn vị hạch toán nghiệp vụ trả lãi vay.....	82
Hình 2.46. Trích sổ chi tiết TK 635	83
Hình 2.47. Trích sổ cái TK635	83
Hình 2.48. Thông báo.....	85
Hình 2.49. Hạch toán nghiệp vụ chi tiền TNCN năm 2025	86
Hình 2.50. Trích sổ chi tiết TK 811	86
Hình 2.51. Trích sổ cái TK 811	87
Hình 2.52. Tờ khai kê toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	89
Hình 2.53. Tờ khai kê toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	90
Hình 2.54. Tờ khai kê toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	91
Hình 2.55. Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025 trên phần mềm	92
Hình 2.56. Trích sổ chi tiết TK911	93
Hình 2.57. Trích sổ cái TK911	94

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

GTGT	Gía trị gia tăng
BVMT	Bảo vệ môi trường
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
CCDV	Cung cấp dịch vụ
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BTTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TSCĐ	Tài sản cố định
CCDC	Công cụ dụng cụ
NSNN	Ngân sách nhà nước
KC	Kết chuyển
CPBH	Chi phí bán hàng
CP QLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
BCTC	Báo cáo tài chính
DN	Doanh nghiệp
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TK	Tài khoản
TT-BTC	Thông tư – Bộ tài chính
HTK	Hàng tồn kho

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho em xin được gửi lời cảm ơn chân thành và kính trọng tới các quý thầy, cô giáo Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã tạo điều kiện cho sinh viên được có cơ hội tiếp xúc thực tế và nghiên cứu sâu sắc với chuyên ngành Kế toán thông qua môn Khóa luận tốt nghiệp.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến giáo viên hướng dẫn – cô Lê Thị Cẩm Giang, người đã hướng dẫn, hỗ trợ nhiệt tình, đưa ra lời khuyên giúp cho em hiểu rõ hơn về đề tài và phương pháp nghiên cứu trong suốt thời gian hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp. Những kiến thức quý báu và kinh nghiệm mà Cô chia sẻ đã giúp em rất nhiều trong việc hoàn thiện kỹ năng và hiểu biết của mình về chuyên ngành mà em theo đuổi.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến tập thể Công ty Cổ Phần Aphrodite Sailing vì đã tạo điều kiện cho em có cơ hội thực tập. Sự tận tâm, chuyên nghiệp và môi trường làm việc thân thiện tại công ty đã mang lại cho em những trải nghiệm thực tế quý giá. Em rất trân trọng sự hỗ trợ của các anh/chị đồng nghiệp trong suốt thời gian thực tập. Những bài học và kỷ niệm đẹp này sẽ là hành trang quý giá giúp em vững bước trên con đường sự nghiệp sau này.

Mặc dù bản thân đã rất cố gắng nhưng do thời gian, kiến thức và kinh nghiệm có hạn, và cũng là lần đầu tiên được tiếp xúc với Khóa luận tốt nghiệp nên bài làm của em còn có nhiều thiếu sót trong việc trình bày, đánh giá và đề xuất ý kiến. Em rất mong nhận được sự thông cảm và đóng góp ý kiến thầy/cô để bài làm được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hóa ngày càng phát triển mạnh mẽ, việc thành lập và vận hành doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở hoạt động khởi nghiệp đơn thuần mà còn là một hành trình đầy thách thức, đòi hỏi sự thích nghi linh hoạt trước những biến động không ngừng của thị trường. Mỗi doanh nghiệp ra đời đều mang theo những mục tiêu, định hướng và sứ mệnh riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng và năng động cho nền kinh tế

Bức tranh sôi động của nền kinh tế hiện đại, nơi mà sự cạnh tranh diễn ra từng giây từng phút, vai trò của kế toán doanh thu và chi phí trở nên thiết yếu hơn bao giờ hết. Mỗi con số, mỗi báo cáo tài chính không chỉ là những dữ liệu khô khan mà ẩn chứa trong đó là những câu chuyện về sự phát triển, thách thức và khát vọng của mỗi doanh nghiệp. Doanh thu thể hiện khả năng tạo ra giá trị và mức độ chấp nhận của thị trường đối với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp; trong khi đó, chi phí là yếu tố cần được kiểm soát hiệu quả nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em quyết định lựa chọn đề tài: *“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing”*. Thông qua việc nghiên cứu đề tài, em mong muốn có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về quy trình ghi nhận doanh thu, phân tích và kiểm soát chi phí, cũng như cách thức xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp, từ đó nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực tiễn trong lĩnh vực kế toán.

2. Kết cấu của đề tài

Kết cấu khoá luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương I: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương II: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Aphrodite Sailing

Chương III: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Aphrodite Sailing

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
 - + Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - + Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
 - + Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Lợi nhuận gộp là lợi nhuận sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất và bán sản phẩm/ dịch vụ từ nguồn doanh thu của doanh nghiệp. Lợi nhuận gộp (hay lãi gộp) được tính bằng cách lấy doanh thu thuần trừ đi giá vốn hàng bán.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là phần lợi nhuận sau khi lấy doanh thu từ các hoạt động kinh doanh và doanh thu tài chính trừ đi giá vốn hàng bán và tất cả các khoản chi phí như chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Lợi nhuận trước thuế bao gồm tất cả các khoản lợi nhuận thu về từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác. Lợi nhuận trước thuế được tính bằng tổng doanh thu trừ đi chi phí.

- Lợi nhuận sau thuế hay còn được gọi là lợi nhuận ròng, lãi ròng là khoản lợi nhuận cuối cùng còn lại của doanh nghiệp sau khi đã trừ tất cả các khoản chi phí và các khoản thuế thu nhập phải nộp trong năm theo quy định.

1.1.2. Các phương thức bán hàng

◀ Phương thức bán hàng trực tiếp

Hình thức mua bán có sự giao tiếp trực tiếp giữa người bán và người mua mà không thông qua đại lý hay trung gian. Khách hàng dựa vào thông tin quảng cáo hoặc giới thiệu để tìm đến người bán, được tư vấn và lựa chọn sản phẩm phù hợp. Sau khi ký kết hợp đồng, hóa đơn và biên bản giao nhận, quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên mua và bên mua chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa. Phương thức này được áp dụng phổ biến trong doanh nghiệp sản xuất, thương mại và dịch vụ.

◀ Phương thức bán hàng qua đại lý

Gửi đại lý hay ký gửi hàng hóa là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp chuyển hàng cho đại lý hoặc cơ sở ký gửi để trực tiếp bán cho khách hàng. Hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi đại lý thanh toán hoặc xác nhận đã bán hàng. Đại lý được hưởng hoa hồng theo thỏa thuận.

◀ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng mà người mua thanh toán trước một phần tiền, phần còn lại trả dần theo thời gian và chịu thêm lãi trả chậm. Doanh thu được ghi nhận theo giá bán trả ngay, còn khoản lãi được hạch toán vào doanh thu tài chính. Phương thức này thường áp dụng đối với hàng hóa có giá trị lớn.

1.1.3. Các phương thức thanh toán

◀ Phương thức thanh toán trực tiếp

Phương thức thanh toán trực tiếp: Là phương thức thanh toán mà người mua thanh toán trực tiếp với người bán bằng tiền mặt. Khi bên bán chuyển giao hàng hóa thì bên mua phải có nghĩa vụ thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt ngay cho bên bán theo giá đã thỏa thuận tại cùng một thời điểm.

◀ Phương thức thanh toán qua ngân hàng

Phương thức thanh toán qua ngân hàng là: Khi bên mua chấp nhận thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng và được ghi trong hóa đơn GTGT với hình thức là chuyển khoản nhưng tại thời điểm đó người mua chưa thanh toán thì kế toán sẽ hạch toán vào sổ vẫn là tài khoản phải thu khách hàng, khi nhận được giấy báo có và sổ phụ của ngân hàng thì kế toán sẽ hạch toán vào tài khoản tiền gửi ngân hàng.

◀ Thanh toán trả chậm, trả góp

Thanh toán trả chậm, trả góp: là hình thức thanh toán trong đó người mua không trả toàn bộ số tiền ngay khi nhận hàng mà chia nhỏ ra thanh toán theo thời gian đã thỏa thuận.

◀ ***Thanh toán bằng hàng hóa, dịch vụ (hàng đổi hàng)***

Là hình thức thanh toán trong đó hai bên trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ có giá trị tương đương thay vì dùng tiền mặt.

1.1.4. Nhiệm vụ, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

◀ **Nhiệm vụ:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, cũng như việc xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh, làm cơ sở để xác định được kết quả của hoạt động kinh doanh. Xác định chính xác kết quả kinh doanh góp phần cung cấp thông tin, giúp doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng mức giá phù hợp cho từng sản phẩm.

◀ **Ý nghĩa:** Việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề còn tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo. Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra những quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm đầu tiên của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt là các nhà đầu tư. Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng trong doanh nghiệp

1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.2.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Khái niệm

- Doanh thu bán hàng là doanh thu mà doanh nghiệp thu được khi bán sản phẩm, hàng hóa sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bất động sản đầu tư.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là số tiền doanh nghiệp thu được theo thỏa thuận hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán với các dịch vụ như du lịch, vận tải, cho thuê tài sản cố định

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo điều 79 thông tư 200/ 2014/TT-BTC trình bày rõ về điều kiện ghi nhận doanh thu của một đơn vị.

◀ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác)
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

◀ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Chứng từ và sổ kế toán liên quan

◀ Một số chứng từ:

- Hóa đơn GTGT. Hợp đồng kinh tế. Đơn đặt hàng. Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có, ...

◀ Sổ kế toán

- Sổ tổng hợp: Căn cứ vào hình thức kế toán đã chọn để áp dụng.
- Sổ chi tiết: Sổ chi tiết bán hàng, sổ nhật ký bán hàng. Kế toán thực hiện mở các sổ chi tiết tùy theo nhu cầu của công ty

d. Tài khoản sử dụng

◀ Tài khoản sử dụng: TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.

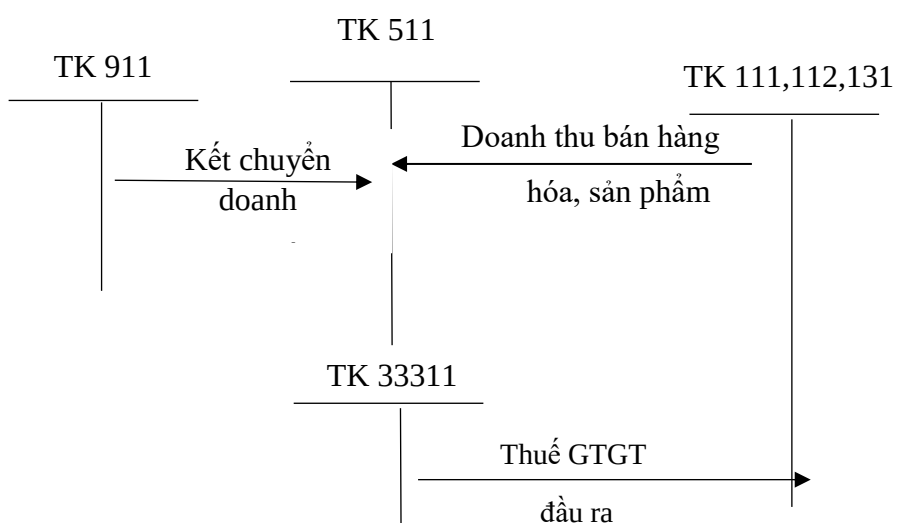
◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ; - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ; - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh". + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

◀ TK 511 không có số dư cuối kỳ. Có 6 tài khoản cấp 2:

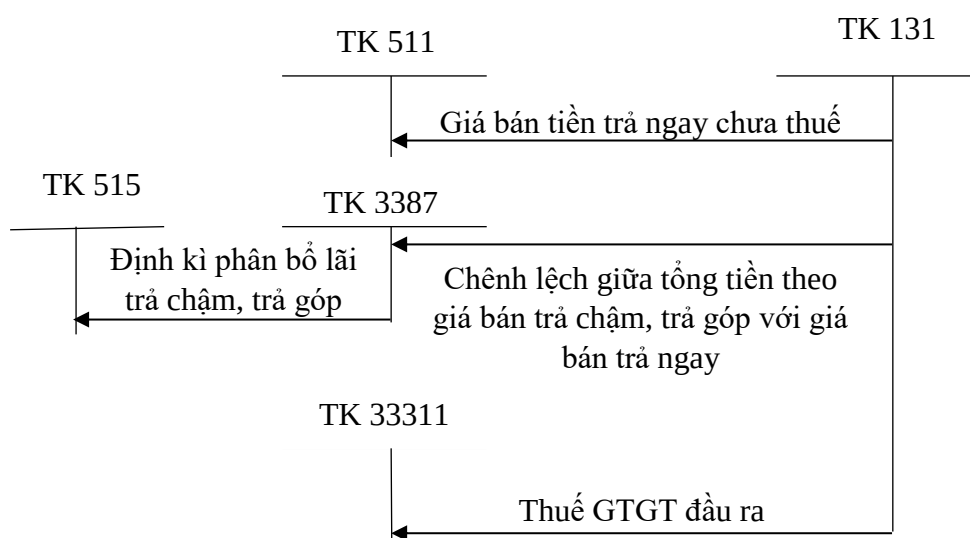
- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

☆ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khi tiêu thụ trực tiếp

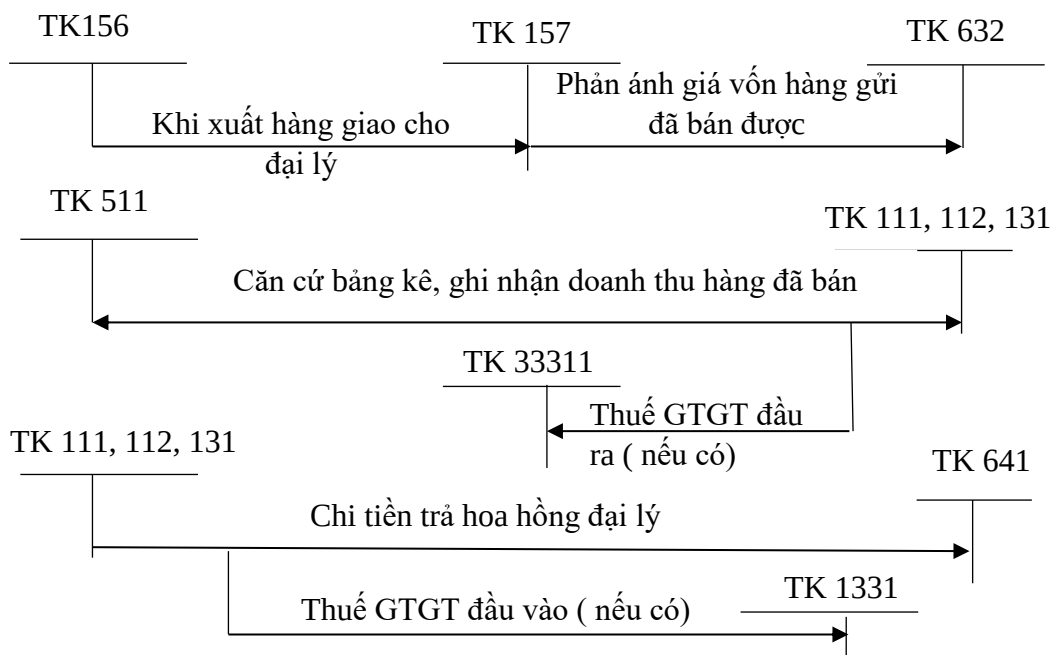
◀ Hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp

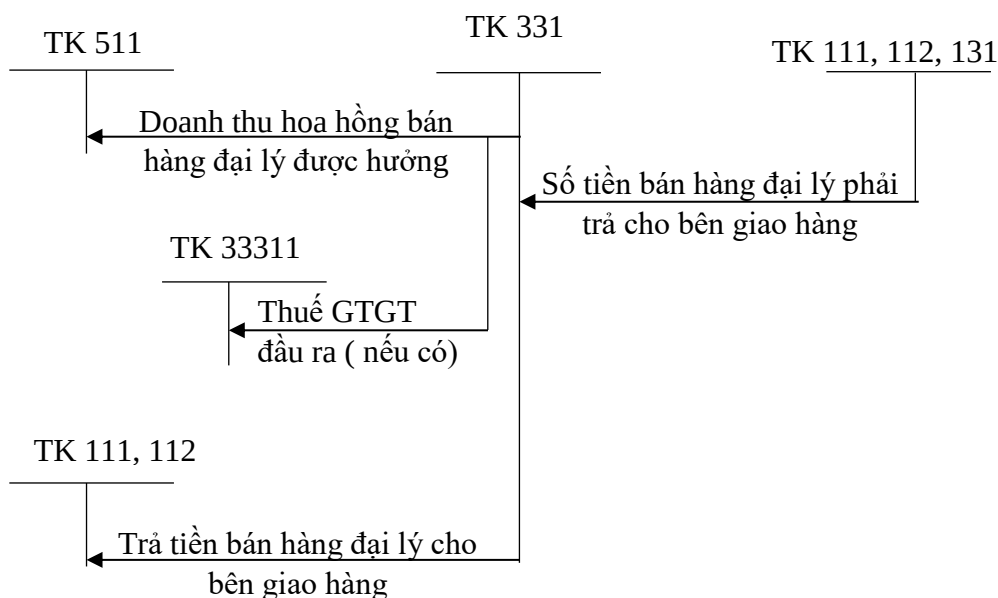
◀ Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý

- Tại đơn vị giao đại lý:



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao đại lý

- Tại đơn vị nhận đại lý:



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị đại lý

❖ Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

Thông tư 99/2025/TT-BTC không thay đổi khái niệm doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu so với Thông tư 200 mà vẫn dựa trên nguyên tắc chuyển giao rủi ro, lợi ích và xác định được doanh thu một cách đáng tin cậy.

- Không yêu cầu phân loại và trình bày quá chi tiết các khoản doanh thu, chi phí và lợi nhuận như trước.
- Các phương thức bán hàng và thanh toán không bắt buộc phải theo dõi riêng từng loại, doanh nghiệp có thể ghi nhận linh hoạt theo bản chất kinh tế của nghiệp vụ phát sinh.
- Hệ thống tài khoản được tinh gọn, không bắt buộc mở chi tiết các tài khoản cấp 2 như TK 5111, 5112, 5113; việc xác định kết quả kinh doanh và trình bày báo cáo tài chính chủ yếu ở mức tổng hợp.

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm

Các khoản giảm trừ doanh thu là toàn bộ khoản tiền được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ và được ghi nhận vào TK521. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Theo quy định tại Điều 81 Thông tư 200/2014/TT-BTC, các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm 3 loại là: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm cho khách hàng khi họ mua hàng với số lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Hàng bán bị trả phản ánh giá trị những loại hàng hóa, sản phẩm mà bị khách hàng sau khi mua trả lại cho doanh nghiệp do các nguyên như vi phạm hợp đồng, sai chủng loại, hàng hóa kém chất lượng,...

b. Điều kiện ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau

ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

c. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

◀ Chiết khấu thương mại:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản chiết khấu thương mại

◀ Giảm giá hàng bán:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giảm giá hàng bán
- Hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê.

◀ Hàng bán bị trả lại:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản trả lại hàng bán
- Chứng từ kèm theo: phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ.

d. Tài khoản sử dụng: TK 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

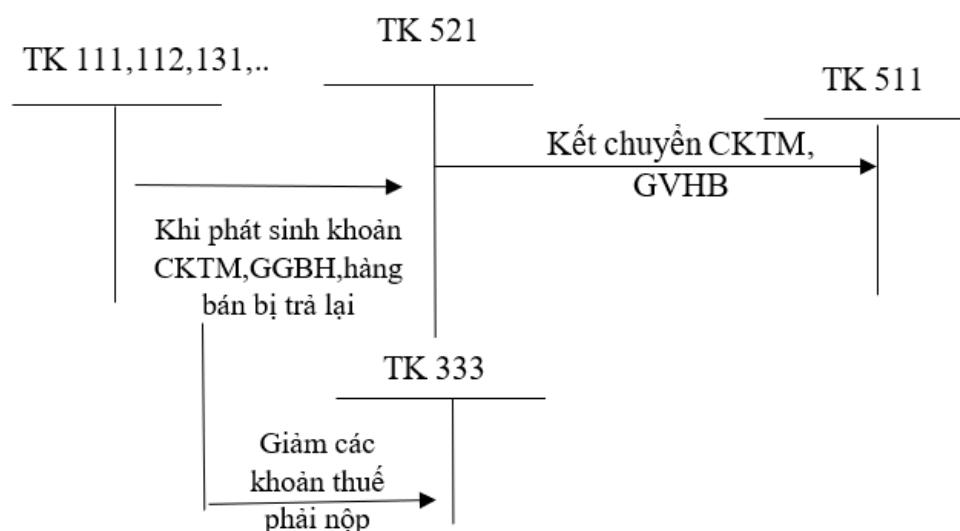
Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo thuần của kỳ

◀ Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại: Phản ánh khi khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại: Phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán: Phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ

☆ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, các khoản giảm trừ doanh thu vẫn được ghi nhận nhằm xác định doanh thu thuần, tương tự như quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuy nhiên, Thông tư 99 không quy định chi tiết việc mở các tài khoản cấp 2 như TK 5211, 5212, 5213 mà chỉ hướng dẫn sử dụng TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu theo hướng tổng hợp (căn cứ Phụ lục hệ thống tài khoản ban hành kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC).

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Khái niệm.

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu không trực tiếp được tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, là khoản thu nhập do hoạt động đầu tư có liên quan tới vốn, bao gồm doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Doanh thu phải thỏa mãn đồng thời hai 2 điều kiện: Thứ nhất, có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; Thứ hai, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Những nguồn thu được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi tiền gửi, tiền cho vay, nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; ...
- Cổ tức/lợi nhuận được chia
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi từ CLTG các giao dịch trong kỳ, khi bán ngoại tệ, khi đánh giá CLTG cuối năm, khi kết chuyển hoặc phân bổ lãi TGHĐ của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

- Đối với việc nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, hoạt động mua, bán chứng khoán kinh doanh, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá vốn, trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá bán được tính theo giá trị hợp lý của khoản nhận được.
- Đối với khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.
- Đối với lãi tiền gửi: Doanh thu không bao gồm khoản lãi tiền gửi phát sinh do hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay sử dụng cho mục đích xây dựng tài sản dở dang theo quy định của Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.
- Đối với tiền lãi phải thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: Doanh thu chỉ được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng.
- Đối với khoản tiền lãi đầu tư nhận được từ khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu thì chỉ có phần tiền lãi của các kỳ mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kỳ, còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá gốc khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu đó.

c. Chứng từ sử dụng

- Thông báo nhận cổ tức, chia cổ tức
- Giấy báo có của ngân hàng (lãi tiền gửi)
- Hợp đồng cho vay: nêu rõ lãi suất, thời gian, phương thức trả lãi.
- Hợp đồng chuyển nhượng đầu tư, phiếu xuất kho (nếu là đầu tư hiện vật).

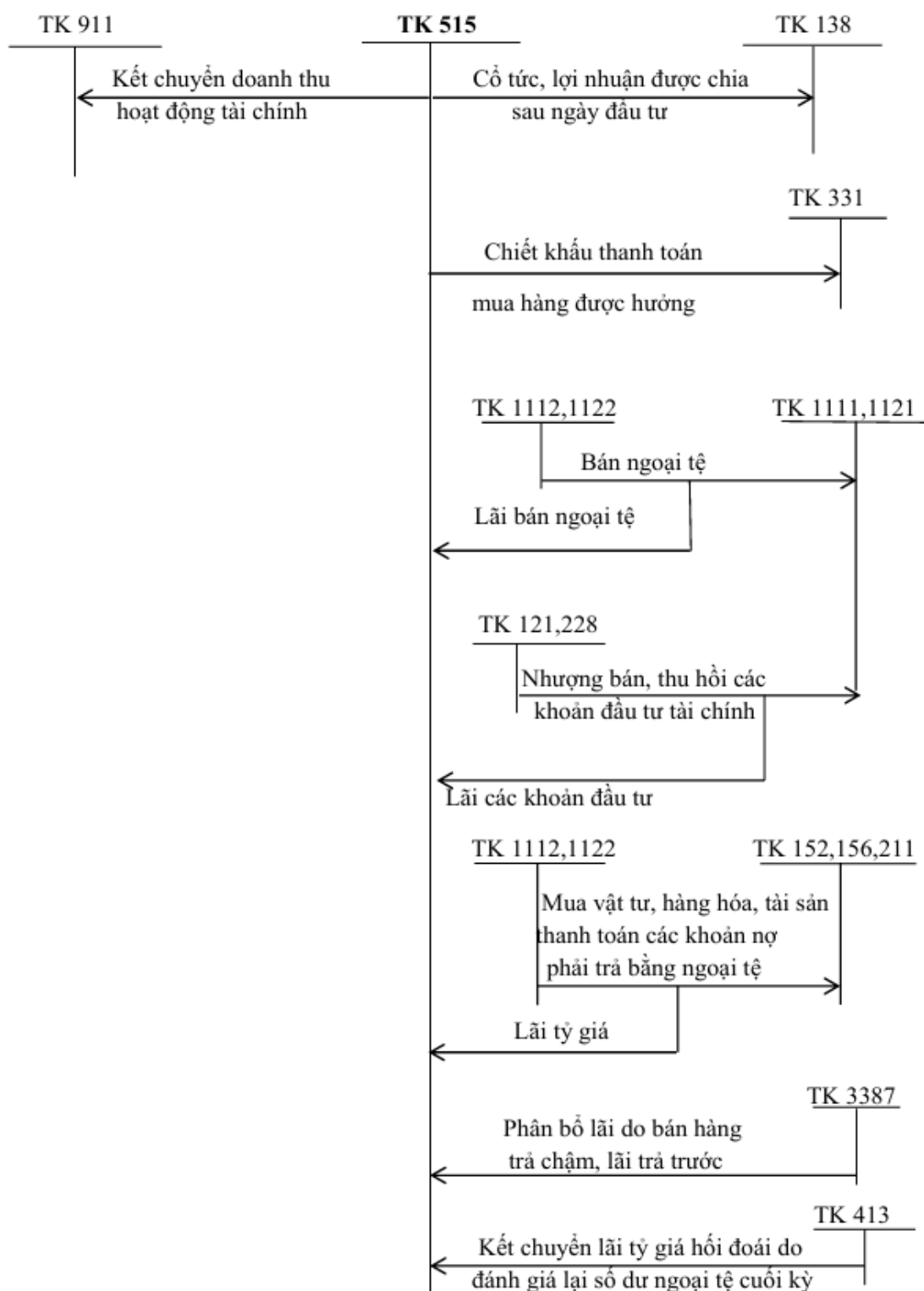
d. Tài khoản sử dụng

◀ Tài khoản sử dụng là TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

◀ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

✧ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

- Về nguyên tắc ghi nhận: Thông tư 99/2025 nhấn mạnh nguyên tắc thận trọng, chỉ ghi nhận doanh thu khi đảm bảo khả năng thu hồi (quy định tại phần nguyên tắc chung

về ghi nhận doanh thu), trong khi Thông tư 200 chủ yếu dừng ở điều kiện “có khả năng thu được lợi ích kinh tế”.

- Về cổ tức, lợi nhuận được chia: Làm rõ việc chỉ ghi nhận phần lợi nhuận phát sinh sau thời điểm đầu tư, còn phần dồn tích trước đó phải ghi giảm giá trị khoản đầu tư (quy định tại hướng dẫn TK 515), chi tiết hơn so với Thông tư 200.

- Về trình bày và phân loại: Thông tư 99/2025 không yêu cầu phân loại quá chi tiết các khoản doanh thu tài chính khi trình bày trên báo cáo tài chính, hướng đến thông tin tinh gọn, phản ánh bản chất giao dịch.

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

a. Khái niệm

Thu nhập khác là thu nhập không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Tại điều 93, TT200/2014/TT-BTC có quy định cụ thể một số loại thu nhập là thu nhập khác như: thu nhập từ nhượng bán/ thanh lý/ bán và cho thuê lại TSCĐ; lãi từ khoản chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ dùng góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết. Các khoản thu liên quan đến công nợ như khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ trước đó, các khoản nợ phải trả nhưng không xác định được chủ cũng thuộc thu nhập khác. Ngoài ra, thu nhập khác còn bao gồm một số khoản thu như tiền thu phạt vi phạm hợp đồng từ khách hàng; tiền thưởng của khách hàng không tính trong doanh thu; khoản thu từ quà biếu;... doanh nghiệp.

b. Điều kiện ghi nhận thu nhập khác

- Phản ánh các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp, bao gồm: Thu từ nhượng bán/thanh lý tài sản cố định (TSCĐ); chênh lệch lãi khi đánh giá lại tài sản góp vốn/đầu tư; thu từ bán và thuê lại tài sản; các khoản thuế được hoàn, giảm; phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường tổn thất, thu nợ đã xóa, nợ không xác định được chủ; quà biếu, khuyến mãi không hoàn lại, tiền thưởng từ khách hàng; các khoản thu nhập khác ngoài doanh thu.

- Ghi nhận khoản phạt vi phạm hợp đồng:

- + Bên bán: Khoản phạt bên mua ngoài giá trị hợp đồng thì ghi nhận là thu nhập khác.

- + Bên mua: Nếu là khoản giảm giá mua hàng thì giảm giá trị tài sản hoặc thanh toán, không ghi thu nhập khác (trừ khi tài sản đã thanh lý). Trường hợp khác, ghi nhận là thu nhập khác khi chắc chắn thu được.

c. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng nhượng bán, biên bản thanh lý TSCĐ

- Biên bản đánh giá lại vật tư hàng hóa, TSCĐ

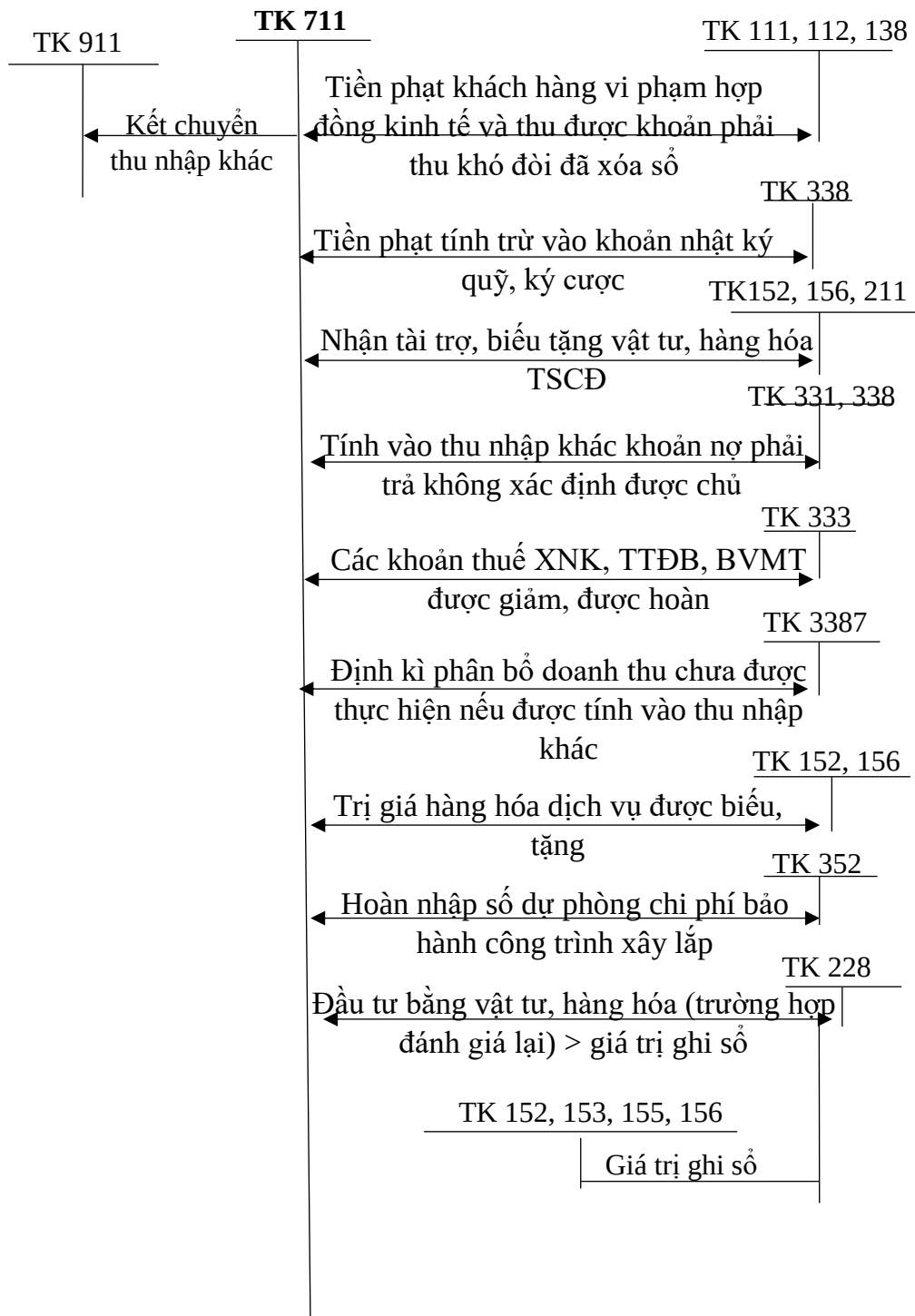
- Biên bản vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng; quyết định bồi thường; quyết định biểu tặg,...

d. Tài khoản sử dụng

- ◀ Tài khoản sử dụng: TK 711 "Thu nhập khác". TK711 không có số dư cuối kỳ
- ◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711 - Thu nhập khác

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

☆ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán các khoản thu nhập khác

❖ Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

- Về phạm vi thu nhập khác: Thông tư 200 (Điều 79 – TK 711) chủ yếu liệt kê các khoản thu nhập khác, trong khi Thông tư 99/2025 nhấn mạnh ghi nhận theo bản chất giao dịch, hạn chế ghi nhận tràn lan vào thu nhập khác.
- Về nguyên tắc ghi nhận: Thông tư 99/2025 yêu cầu chặt chẽ hơn về điều kiện ghi nhận, chỉ ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, tránh ghi nhận các khoản thu không rõ ràng.
- Về phân loại: Thông tư 99/2025 thu hẹp phạm vi TK 711, yêu cầu phân biệt rõ với doanh thu và thu nhập tài chính, tránh nhầm lẫn giữa các khoản có bản chất tương tự.

1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm

Giá vốn hàng bán là tài khoản dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

b. Điều kiện ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có doanh thu tương ứng đã được ghi nhận: Tức là doanh nghiệp đã chuyển quyền sở hữu/sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho người mua, và đáp ứng điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định (TK 511). Nếu chưa ghi nhận doanh thu thì không được ghi nhận giá vốn.
- Có chứng từ hợp lệ, xác định được giá trị hàng hóa/dịch vụ đã xuất bán: Có hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, hợp đồng, biên bản giao nhận,...Giá trị hàng bán ra được tính theo phương pháp tính giá xuất kho đã đăng ký (FIFO, bình quân, đích danh,...).
- Hàng hóa/dịch vụ đã được bàn giao thực tế cho khách hàng: Tức là nghĩa vụ bán hàng đã hoàn thành, không còn nằm trong kho hay quyền kiểm soát của doanh nghiệp.
- Theo điều 89/TT200/2014/BTC:
 - + Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.
 - + Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).
 - + Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập

kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

+ Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

c. Các phương pháp tính giá xuất kho của hàng hóa

Theo điều 23/TT200/BTC/2014 có 3 phương pháp tính giá trị xuất kho của hàng hóa:

◀ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp có số mặt hàng ít hay số lượng hàng hóa sản xuất ra trong kỳ là nhỏ. Vì nó dựa trên giá trị thực của từng hàng hóa mua vào và của từng hàng hóa, sản phẩm bán ra.

◀ *Phương pháp bình quân gia quyền*: Phương pháp này được tính bằng giá trị trung bình của các hàng hóa có tồn kho đầu kỳ và các hàng hóa được nhập kho hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình này được tính theo từng thời điểm hoặc theo từng kỳ kế toán.

- Bình quân gia quyền cuối kỳ: Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn trong kỳ, nhập trong kỳ, để tính giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ + Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ	
	Số lượng hàng i tồn đầu kỳ + Số lượng hàng i nhập trong kỳ	

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập: Sau mỗi lần nhập hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân.

Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n + Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n	
	Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n + Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n	

◀ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)*: Phương pháp này áp dụng cho giá trị hàng tồn kho nào được nhập kho trước thì xuất trước, hàng hóa nào nhập sau thì xuất sau hay sản phẩm nào được sản xuất trước thì xuất trước. Và giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ là những hàng hóa được nhập sau hay được sản xuất sau mà chưa được xuất kho.

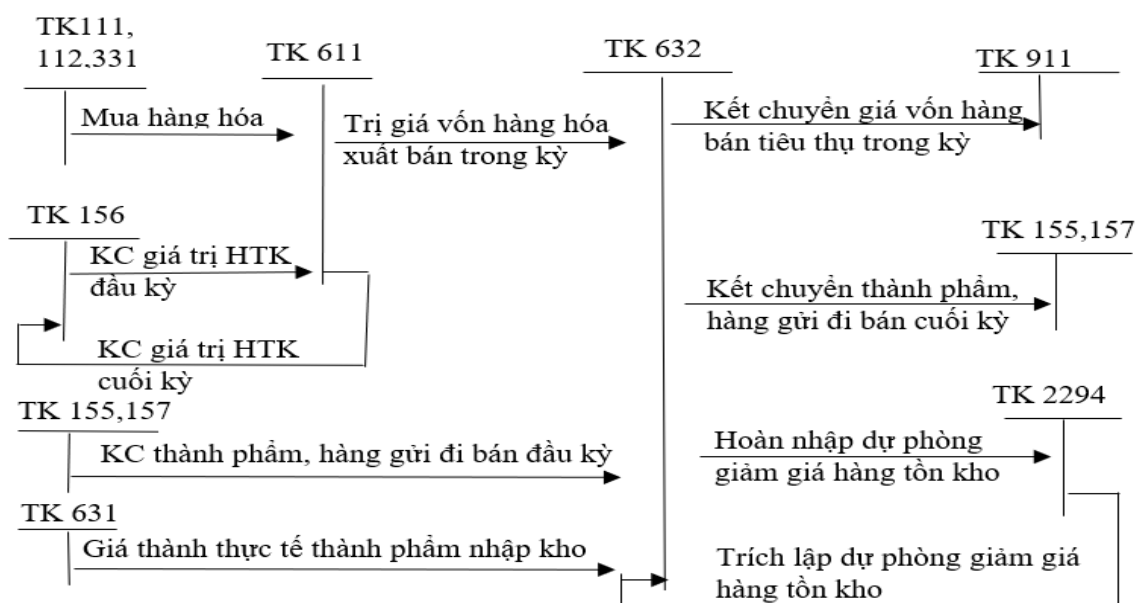
d. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Biên bản giao nhận hàng hoặc phiếu mua hàng, hợp đồng mua bán

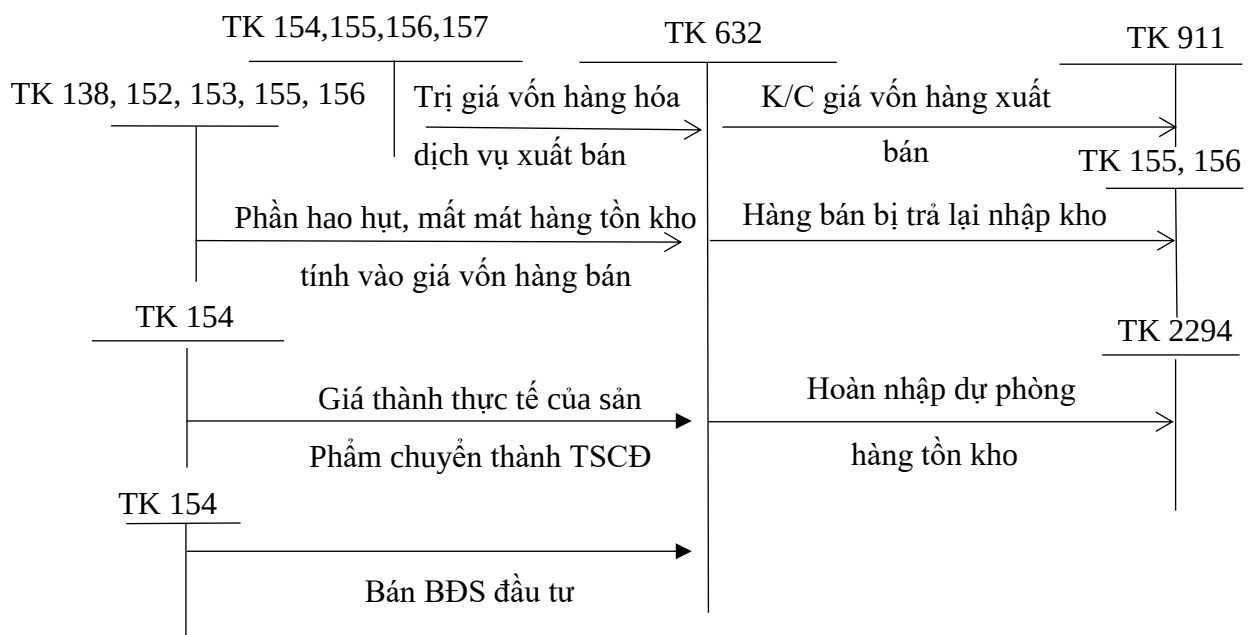
e. Tài khoản sử dụng

- ◀ Tài khoản sử dụng là TK632- Giá vốn hàng bán, TK632 không có số dư cuối kỳ
- ◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Nợ	TK 632	Có
- Giá vốn hàng hóa đã xuất bán - Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu năm nay cao hơn năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; Giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa đã bán bị người mua trả lại. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

- Nhấn mạnh nguyên tắc phù hợp: Chi phí giá vốn phải phù hợp với doanh thu tương ứng, ghi nhận đúng kỳ phát sinh, phản ánh đúng kết quả kinh doanh.
- Ghi nhận theo bản chất kinh tế: Yêu cầu xác định giá vốn dựa trên bản chất giao dịch, không chỉ dựa vào hình thức hay chứng từ.
- Làm rõ hơn việc phân bổ chi phí: Đối với các chi phí liên quan (chi phí mua hàng, vận chuyển, phân bổ...), Thông tư 99/2025 yêu cầu phân bổ hợp lý và nhất quán, tránh ghi nhận tùy tiện.

1.3.2. Kế toán chi phí bán hàng

a. Khái niệm

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Một số loại chi phí như chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí đóng gói, bảo quản, vận chuyển,... phát sinh trước, trong và sau quá trình bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ, phục vụ cho hoạt động tiêu thụ, được gọi là chi phí bán hàng

b. Chứng từ sử dụng

- Bảng chấm công
- Bảng tính lương
- Phiếu chi/ủy nhiệm chi

- Bảng phân bổ lương
- Hóa đơn GTGT, phiếu chi
- Hợp đồng quảng cáo
- Phiếu nhập – xuất vật tư dùng cho bán hàng

c. Tài khoản sử dụng

◀ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

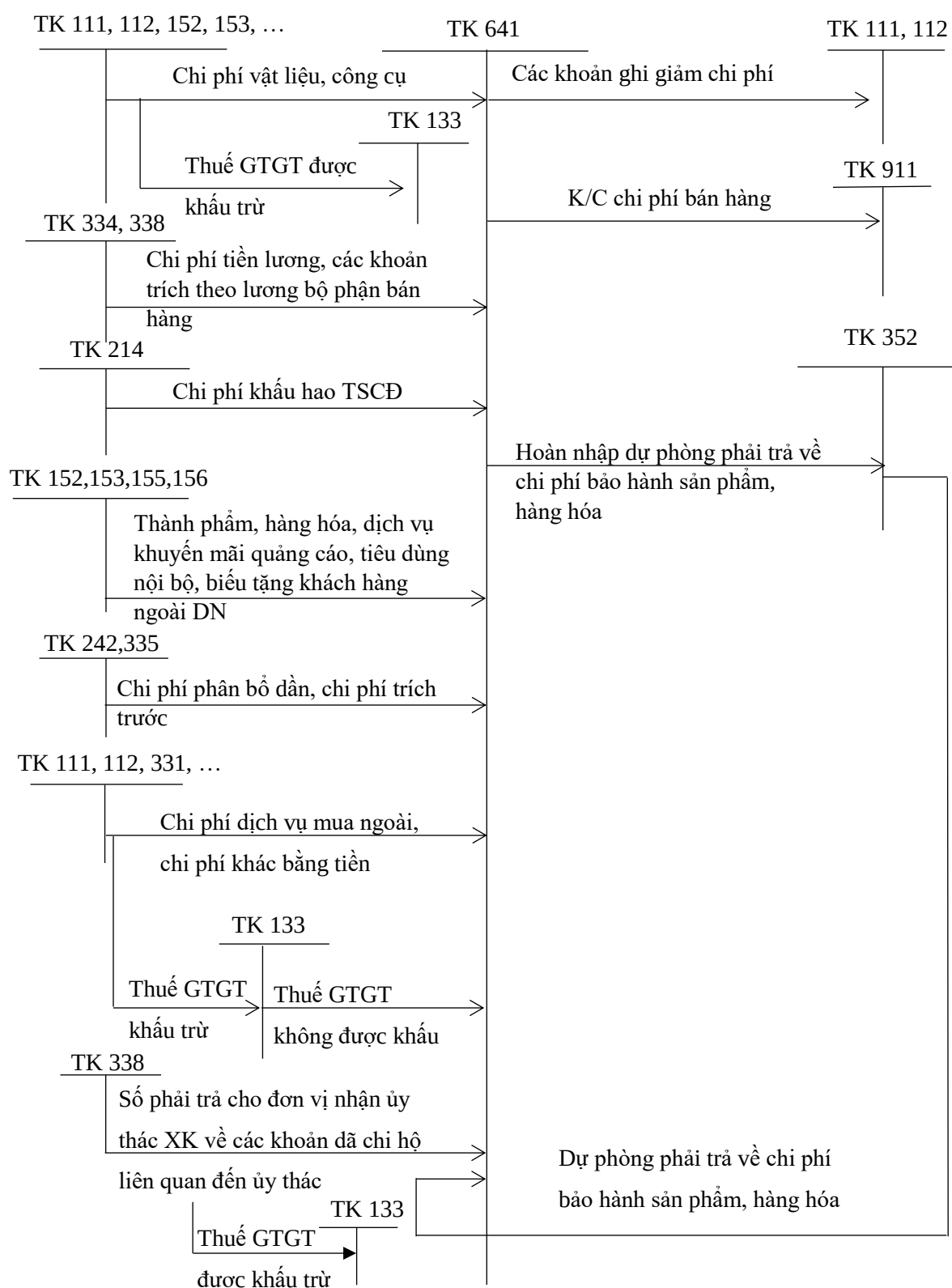
◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

◀ TK641 không có số dư cuối kỳ và có 7 TK cấp 2 như:

- TK 6411: “Chi phí nhân viên”: Các khoản tiền lương/ tiền công, tiền tăng ca,... cho nhân viên trực tiếp tham gia quá trình tiêu thụ sản phẩm
- TK 6412: “Chi phí vật liệu, bao bì”: như vật liệu đóng gói, nhiên liệu phục vụ cho bốc vác, vận chuyển đi tiêu thụ
- TK6413: “Chi phí công cụ, dụng cụ” phục vụ cho tiêu thụ hàng hóa
- TK 6414: “Chi phí khấu hao TSCĐ” như kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển hàng đi tiêu thụ
- TK 6415: “Chi phí bảo hành sản phẩm”
- TK 6417: “Chi phí dịch vụ mua ngoài” như dịch vụ thuê ngoài sửa chữa TSCĐ/ CCDC phục vụ cho bộ phận bán hàng; dịch vụ thuê kho, bãi,...
- TK 6418: “Chi phí khác” bao gồm các chi phí không thuộc các loại chi phí trên như chi phí tiếp khách bộ phận bán hàng, chi phí quảng cáo, chào hàng,...

✧ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự hạch toán về chi phí bán hàng

❖ **Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**

- Nhấn mạnh ghi nhận theo bản chất chi phí: Chi phí bán hàng phải phản ánh đúng mục đích phục vụ hoạt động tiêu thụ, tránh ghi nhận sai bản chất.

- Nguyên tắc phù hợp: Chi phí được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ, đảm bảo xác định đúng kết quả kinh doanh.
- Không yêu cầu phân loại quá chi tiết: Thay vì liệt kê nhiều khoản mục như TT200, TT99/2025 trình bày theo hướng tổng hợp, tinh gọn hơn.
- Yêu cầu phân bổ hợp lý: Các chi phí liên quan nhiều kỳ hoặc nhiều đối tượng phải phân bổ nhất quán và hợp lý, tránh ghi nhận tùy tiện.

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến hoạt động điều hành, quản trị chung của doanh nghiệp, không gắn trực tiếp với hoạt động sản xuất hoặc bán hàng. Như chi phí phục vụ cho phòng kế toán, hành chính, giám đốc,... giúp doanh nghiệp vận hành và duy trì hoạt động chung.

b. Chứng từ sử dụng.

- Bảng chấm công
- Bảng lương
- Phiếu chi/UNC
- Hóa đơn mua văn phòng phẩm
- Hợp đồng thuê mặt bằng
- Hóa đơn GTGT tiền thuê mặt bằng văn phòng/Doanh nghiệp,...

c. Tài khoản sử dụng

◀ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

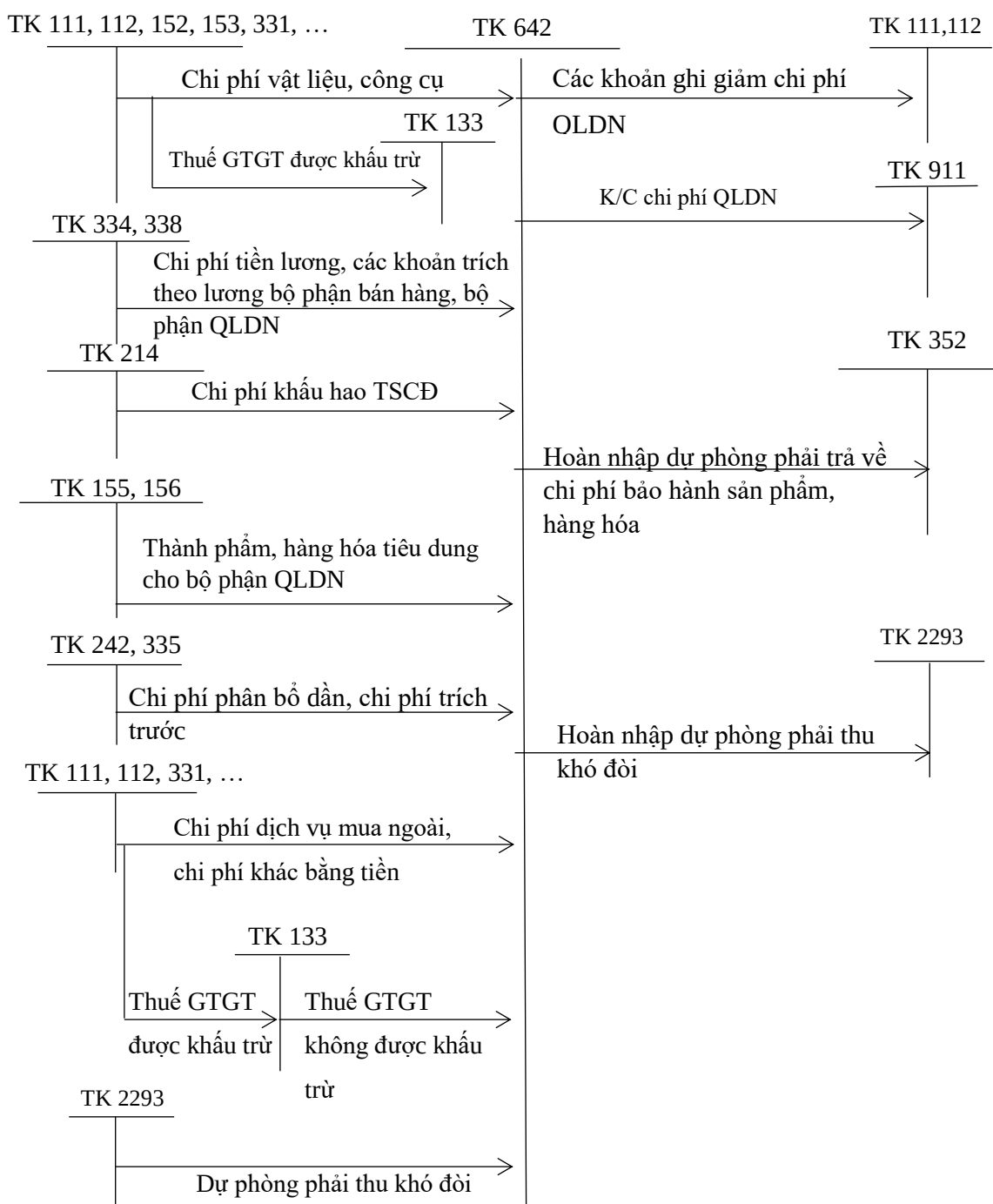
◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

◀ TK 642 không có số dư cuối kỳ, nó có 8 TK cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý, phản ánh về các khoản như lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc và nhân viên quản lý.
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý, phản ánh chi phí vật liệu dùng cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ.
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng, phản ánh chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng phục vụ quản lý.
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ, phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý như nhà làm việc, kho, phương tiện vận tải, máy móc văn phòng.
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí, phản ánh thuế môn bài, tiền thuê đất và các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến QLDN.
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng, phản ánh về dự phòng phải thu khó đòi, phải trả được trích vào chi phí quản lý.
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài, phản ánh về chi phí thuê ngoài phục vụ quản lý như thuê TSCĐ, tài liệu kỹ thuật, sáng chế, dịch vụ kỹ thuật,...
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác, phản ánh về chi phí hội họp, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, chi cho lao động nữ, và các chi phí khác chưa nêu trên.

☆ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**

- Nhấn mạnh bản chất chi phí: Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phải được ghi nhận đúng chức năng quản trị chung, đảm bảo phân biệt rõ với chi phí bán hàng và các loại chi phí khác.
- Tăng cường nguyên tắc phù hợp: Việc ghi nhận chi phí phải gắn với doanh thu tương ứng trong kỳ, nhằm phản ánh chính xác kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tinh gọn trong phân loại và trình bày: Không còn yêu cầu phân loại quá chi tiết từng khoản mục như trước, mà hướng đến trình bày tổng hợp, linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính minh bạch.
- Yêu cầu phân bổ hợp lý và nhất quán: Các chi phí liên quan đến nhiều kỳ hoặc nhiều đối tượng phải được phân bổ theo tiêu thức phù hợp, đảm bảo tính nhất quán giữa các kỳ kế toán.

1.3.4. Kế toán chi phí tài chính

a. Khái niệm

Chi phí tài chính là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

b. Nguyên tắc kế toán:

- Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí:
 - + Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
 - + Chi phí bán hàng;
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp;
 - + Chi phí kinh doanh bất động sản;
 - + Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
 - + Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
 - + Chi phí khác.
- Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.
- Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi (xem quy định chi tiết tại phần hướng dẫn tài khoản 343 - Trái phiếu phát hành).
- Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

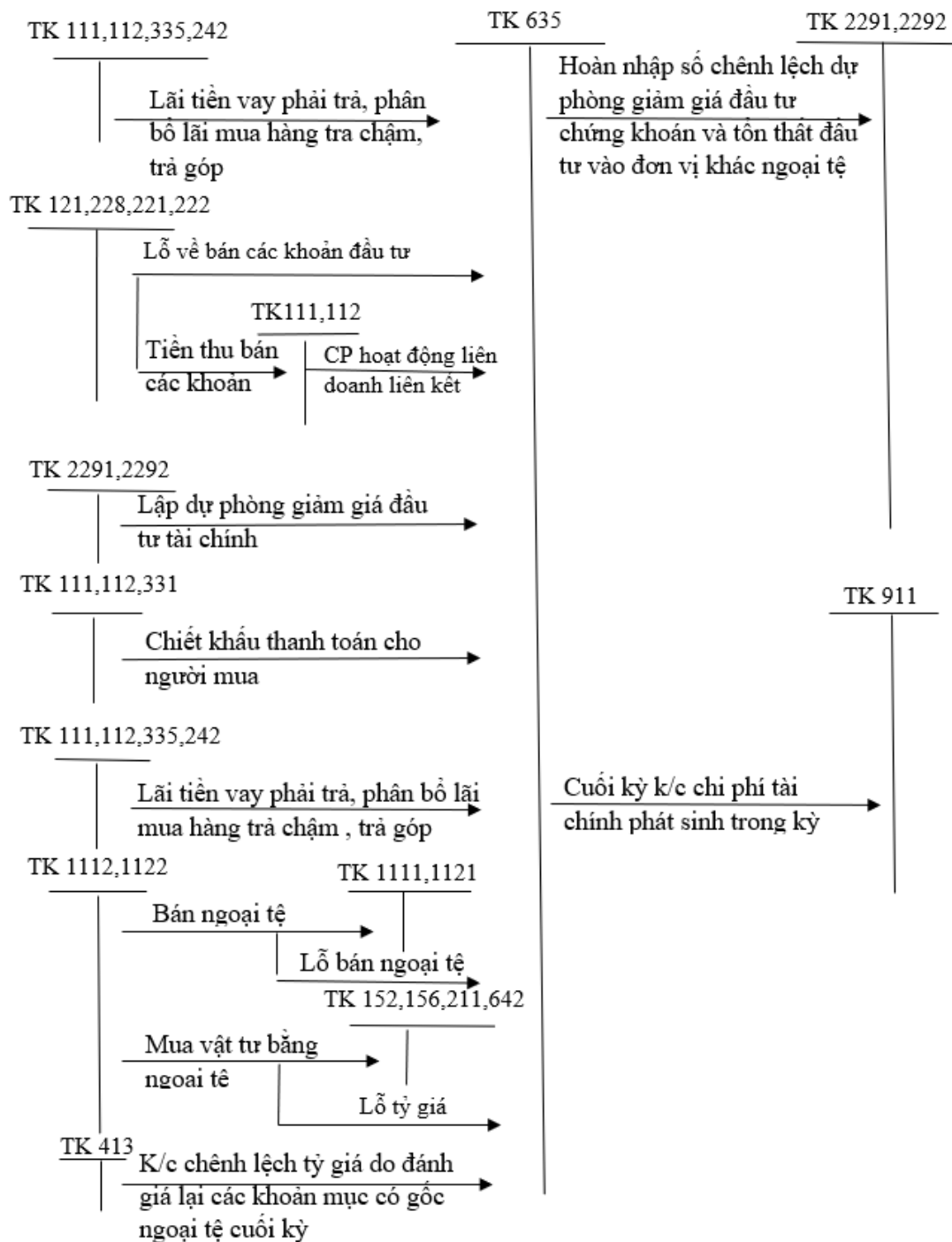
c. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng tín dụng/vay vốn
- Bảng tính lãi vay
- Giấy báo nợ ngân hàng
- Phiếu chi/Ủy nhiệm chi
- Bảng tính chênh lệch tỷ giá
- Hợp đồng ngoại tệ, sao kê ngân hàng ngoại tệ

d. Tài khoản sử dụng

- ◀ Tài khoản sử dụng là TK 635, không có số dư cuối kỳ
- ◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 635 - Chi phí tài chính

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính - Lỗ bán ngoại tệ - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

❖ **Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**

- Hoàn thiện nguyên tắc ghi nhận: Thông tư 99/2025 nhấn mạnh việc ghi nhận chi phí tài chính phải tuân thủ nguyên tắc thận trọng và nguyên tắc phù hợp, theo đó chi phí chỉ được ghi nhận khi có cơ sở đáng tin cậy và phải gắn với kỳ phát sinh doanh thu tương ứng.

- Làm rõ nội dung chi phí tài chính: Các khoản chi phí như lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, chiết khấu thanh toán... được yêu cầu ghi nhận phù hợp với bản chất sử dụng vốn, tránh tình trạng ghi nhận mang tính hình thức hoặc không nhất quán.
- Bổ sung, hoàn thiện xử lý chênh lệch tỷ giá: Thông tư 99/2025 quy định rõ hơn việc phân biệt chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện, đồng thời yêu cầu ghi nhận theo thời điểm phát sinh và giá trị thực tế, góp phần nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán.
- Định hướng trình bày thông tin: So với Thông tư 200, Thông tư 99/2025 giảm mức độ chi tiết trong phân loại, chuyển sang trình bày theo hướng tổng hợp, linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính minh bạch và khả năng so sánh.

1.3.5. **Kế toán chi phí khác**

a. Khái niệm

Chi phí khác là những chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động riêng mà không phải là các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí liên quan đến thanh lý và nhượng bán TSCĐ (bao gồm cả chi phí đấu thầu).
- Khoản chênh lệch giữa chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát lớn hơn giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ; TSCĐ đã được thanh lý hay nhượng bán
- Khoản lỗ do chênh lệch từ việc đánh giá lại hàng hóa, vật tư, TSCĐ đã góp vốn vào các công ty con, công ty liên doanh hay liên liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Tiền phạt từ việc vi phạm các hợp đồng kinh tế, vi phạm hành chính
- Các chi phí khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng nhượng bán, biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại vật tư hàng hóa, TSCĐ
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Phiếu thu/ chi; Giấy báo nợ/ báo có
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước,...

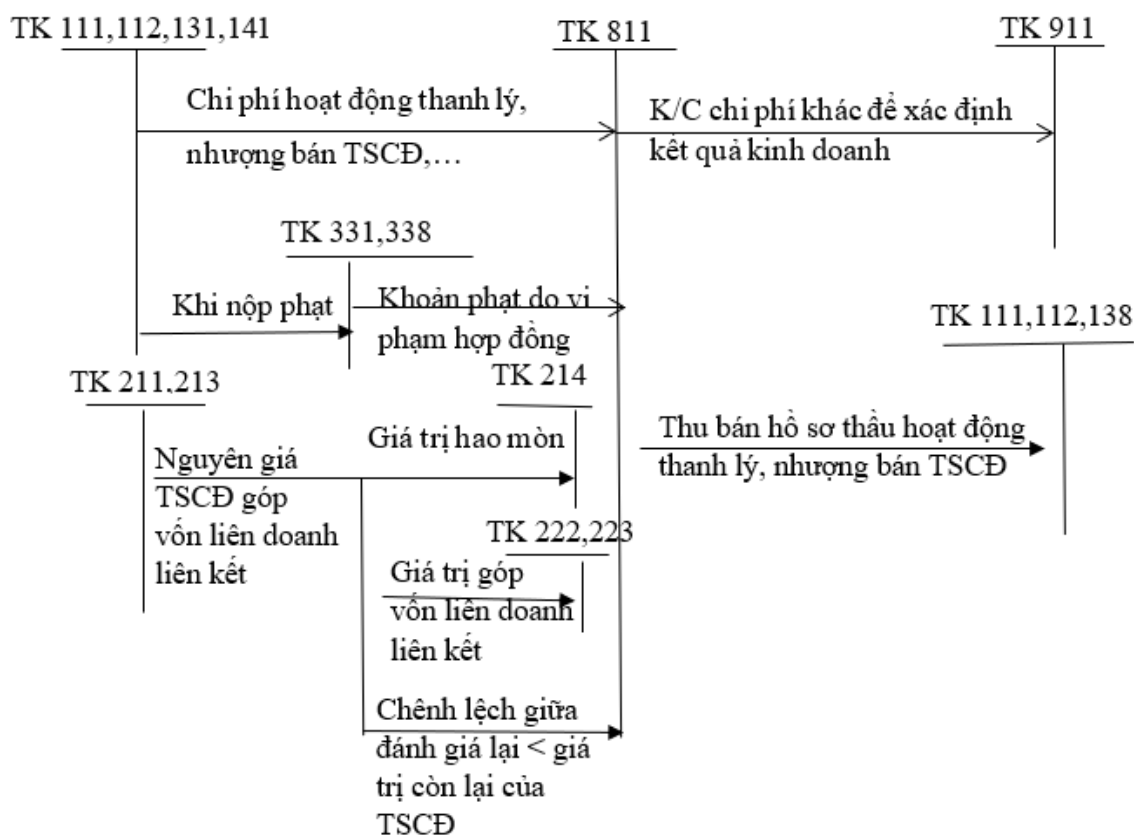
c. Tài khoản sử dụng

◀ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811 “Chi phí khác”, Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811 - Chi phí khác

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✧ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.13. Sơ đồ trình tự hạch toán Chi phí khác

❖ **Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**

- Chuẩn hóa điều kiện ghi nhận: Việc ghi nhận chi phí khác được kiểm soát chặt chẽ hơn, chỉ thực hiện khi có bằng chứng đáng tin cậy về nghĩa vụ làm giảm lợi ích kinh tế, phù hợp với nguyên tắc thận trọng trong kế toán.
- Thu hẹp và định vị lại phạm vi: Thông tư 99/2025 yêu cầu xác định rõ tính “không thường xuyên, ngoài hoạt động chính” của chi phí khác, qua đó hạn chế việc sử dụng TK 811 như một tài khoản “tập hợp chung”.
- Tăng cường tính phân loại và nhất quán: Nhấn mạnh việc phân định ranh giới giữa chi phí khác với chi phí hoạt động và chi phí tài chính, đảm bảo tính nhất quán trong ghi nhận và trình bày thông tin.

1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm

Chi phí thuế TNDN là khoản chi phí của doanh nghiệp trong đó gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại đã phát sinh trong năm. Và chi phí thuế TNDN là căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của doanh nghiệp sau thuế.

b. Điều kiện ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 - Hàng quý: Kế toán căn cứ tờ khai thuế TNDN tạm tính để ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.
 - Cuối năm:
 - + Nếu thuế tạm nộp < thuế phải nộp: ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành (phần chênh lệch thiếu).
 - + Nếu thuế tạm nộp > thuế phải nộp: ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành (phần chênh lệch thừa).
 - Nếu phát hiện sai sót không trọng yếu về thuế TNDN các năm trước: ghi tăng/giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm phát hiện.
 - Nếu phát hiện sai sót trọng yếu: thực hiện điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán về thay đổi chính sách kế toán và sai sót.
 - Khi lập Báo cáo tài chính, kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
 - Không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hoặc thuế TNDN hoãn lại phải trả vào TK này nếu phát sinh từ giao dịch ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.
 - Cuối kỳ, kết chuyển chênh lệch Nợ/Có TK 8212 vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

c. Chứng từ sử dụng.

- Tờ khai quyết toán Thuế TNDN
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, sao kê ngân hàng

d. Tài khoản sử dụng.

- ◀ Tài khoản sử dụng là TK 821, không có số dư cuối kỳ
- ◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do sai sót không trọng yếu được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại do thuế hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số hoàn nhập.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại khi tài sản thuế hoãn lại hoàn nhập lớn hơn tài sản thuế hoãn lại phát sinh.
- Kết chuyển chênh lệch phát sinh Có TK 8212 lớn hơn Nợ TK 8212 trong kỳ vào Có TK 911.

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành khi thuế thực tế phải nộp nhỏ hơn thuế tạm nộp.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành do điều chỉnh sai sót không trọng yếu các năm trước.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại khi tài sản thuế hoãn lại phát sinh lớn hơn số hoàn nhập.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại khi thuế hoãn lại phải trả hoàn nhập lớn hơn phát sinh.
- Kết chuyển chênh lệch chi phí thuế TNDN hiện hành, kết chuyển chênh lệch chi phí thuế TNDN hoãn lại.

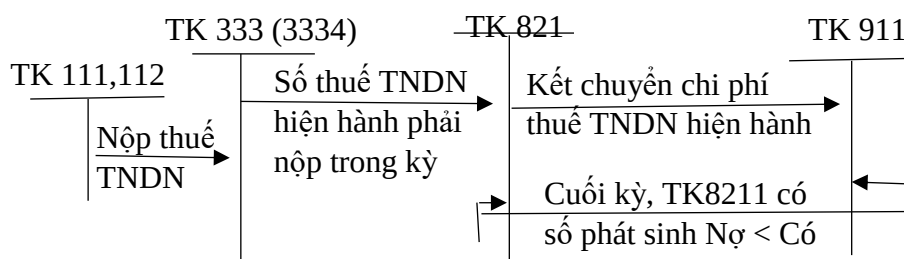
◀ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

e. Phương pháp tính thuế TNDN:

Thuế TNDN phải nộp	= Thu nhập tính thuế	- Phần trích quỹ KHCN	x Thuế suất thuế TNDN
Thu nhập tính thuế	= Thu nhập chịu thuế	- Thu nhập được miễn thuế	- Các khoản lỗ kết chuyển
Thu nhập chịu thuế	= Doanh thu	- Chi phí được trừ	+ Các khoản thu nhập khác

☆ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.14. Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN

❖ **Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**

Việc ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC không làm thay đổi trực tiếp chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, nhưng thông qua việc điều chỉnh nguyên tắc ghi nhận và trình bày thông tin kế toán, thông tư này đã tác động gián tiếp đến việc xác định thu nhập chịu thuế, từ đó ảnh hưởng đến số thuế TNDN phải nộp của doanh nghiệp.

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm

Kết quả kinh doanh là số lãi hoặc lỗ do các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mang lại trong một kỳ kế toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác, được xác định công thức:

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------

Trong đó:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------------	---	---	---	----------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp từ BH & CCDV + (DT Hoạt động tài chính chi phí tài chính) - (CP Bán hàng + CP QLDN)

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Lợi nhuận gộp từ BH & CCDV = Doanh thu thuần về BH & CCDV - Giá vốn hàng bán

Doanh thu thuần về BH & CCDV = Doanh thu BH & CCDV - Các khoản giảm trừ doanh thu

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Doanh thu: Sổ cái TK511, TK711, TK515
- Chi phí: Sổ cái TK632, TK641, TK642, TK811, TK635, TK821, TK911

c. Tài khoản sử dụng

◀ Tài khoản sử dụng là TK911: Xác định kết quả kinh doanh, tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

◀ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
TK 632,635,641,642,811	TK 911	TK 511,512,515,711
Kết chuyển chi phí để xác định kết quả kinh doanh		Kết chuyển doanh thu và thu nhập khác
TK 8211,8212		TK 8212
Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành và CP thuế TNDN hoãn lại		Kết chuyển giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại
TK 421		TK 421
Kết chuyển lãi hoạt động kinh doanh trong kỳ		Kết chuyển lỗ hoạt động kinh doanh trong kỳ

Sơ đồ 1.15. Sơ đồ trình tự hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

❖ **Thay đổi theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**

Việc áp dụng tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh” theo Thông tư 99/2025/TT-BTC không làm thay đổi bản chất của quá trình xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, thông qua việc điều chỉnh nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán, việc kết chuyển vào tài khoản 911 được thực hiện một cách đầy đủ và hợp lý hơn. Qua đó, toàn bộ doanh thu, thu nhập và chi phí phát sinh trong kỳ được tổng hợp và xác định chính xác, phản ánh trung thực kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở quan trọng cho việc lập báo cáo tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

2.1. Tổng quan về công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

2.1.1. Giới thiệu sơ lược về Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

- Tên công ty : Công Ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing
- Tên viết tắt : APHRODITE SAILING
- Địa chỉ : Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Loại hình hoạt động : Công Ty Cổ Phần
- Mã số thuế : 0402096950
- Đại diện pháp luật : Nguyễn Thành Tâm
- Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh : Đại lý du lịch
- Ngày cấp giấy phép : 28/04/2021
- Ngày hoạt động : 28/04/2021
- Quản lý bởi : Thuế thành phố Đà Nẵng

◀ Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

❖ Hình thành

- Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing, thành lập ngày 28/04/2021, có trụ sở tại Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Trải qua gần 5 năm hoạt động với ngành nghề chính là kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, cho đến hiện nay công ty đã từng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.
- Với định hướng xây dựng những sản phẩm du lịch chất lượng, dịch vụ chuyên nghiệp cùng trải nghiệm mang tính khác biệt, Aphrodite Sailing đã không ngừng nỗ lực để trở thành một trong những đơn vị uy tín trong ngành, tạo dựng niềm tin nơi khách hàng và đối tác. Sự lớn mạnh của công ty hôm nay là minh chứng rõ nét cho tinh thần đổi mới, sự tận tâm và chiến lược phát triển bền vững mà tập thể Aphrodite Sailing theo đuổi từ những ngày đầu thành lập.

❖ Ngành nghề chính:

Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ lữ hành. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là tổ chức các tour du lịch, kinh doanh dịch vụ tàu du lịch và cung cấp vé tham quan cho khách du lịch trong

và ngoài nước. Bên cạnh đó, công ty cũng cung cấp một số dịch vụ hỗ trợ du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng và trải nghiệm của khách hàng.

❖ Định hướng

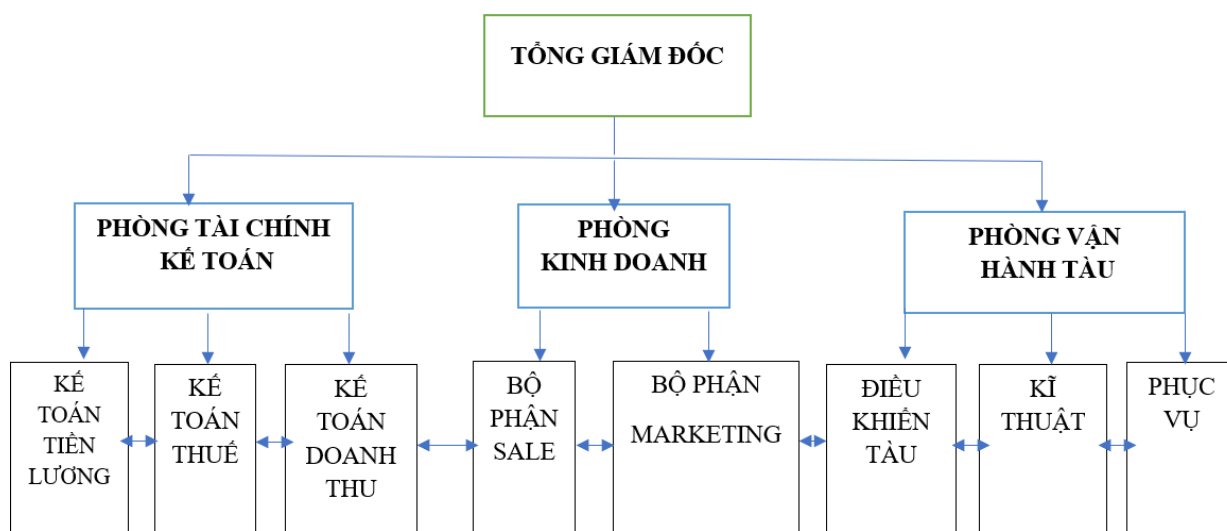
- Mở rộng thị trường: Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing tập trung mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng và phát triển thêm các dịch vụ du lịch. Nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng và nâng cao vị thế trên thị trường.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm: Công ty chú trọng cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao hiệu quả phục vụ và mang đến trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

Sản phẩm chính: Aphrodite SaiLing chuyên cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và tham quan du lịch biển đảo. Công ty tổ chức các chuyến tham quan trong ngày quanh đảo, mang đến cho du khách cơ hội khám phá cảnh quan thiên nhiên và trải nghiệm hành trình một cách trọn vẹn. Với sự chú trọng vào an toàn, đúng lịch trình và chất lượng phục vụ, công ty không ngừng nâng cao trải nghiệm nhằm mang lại sự hài lòng và thoải mái cho khách hàng.

2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo : →

Quan hệ phối hợp : ↔

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

2.1.3.2. Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban Công ty

❖ **Tổng Giám đốc:**

- Là người đại diện pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đưa ra quyết định chiến lược và định hướng phát triển, lập kế hoạch kinh doanh. Ngoài ra là người đại diện cho mọi nghĩa vụ, quyền hạn của Công ty trước Pháp luật và cơ quan Nhà nước. Giám đốc công ty thực hiện các chức năng sau:
 - + Đại diện ký kết các hợp đồng, văn bản liên quan đến công ty.
 - + Bổ nhiệm, miễn nhiệm trực tiếp các chức danh Kế toán trưởng, trưởng bộ phận và các nhân viên của công ty.
 - + Quyết định các chính sách đãi ngộ (lương, phụ cấp) của nhân viên công ty

❖ **Phòng tài chính – Kế Toán:**

- Hỗ trợ giám đốc xây dựng các kế hoạch tài chính liên quan đến quá trình khai thác và luân chuyển vốn.
- Thu thập, xử lý các dữ liệu kế toán đầu vào và kết xuất thông tin như báo cáo tài chính và báo cáo thuế định kì theo quy định của pháp luật.
- Lập các kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch phân phối lợi nhuận, quản lý các nguồn vốn, thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, quyết toán tài chính, quan hệ với các ngân hàng, các cơ quan tài chính có liên quan đến tài chính, kế toán. Trong đó

❖ **Phòng kinh doanh**

- Phòng Kinh doanh là đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về doanh thu và sự phát triển thị trường của công ty. Bộ phận này đảm nhiệm việc nghiên cứu nhu cầu khách hàng, xây dựng kế hoạch bán hàng và triển khai các hoạt động nhằm mở rộng thị phần. Trong đó:

+ Bộ phận Marketing

Đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh và thu hút khách. Bộ phận Marketing chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, phân tích nhu cầu khách du lịch, xác định đối tượng mục tiêu; lập kế hoạch truyền thông theo mùa vụ và chiến dịch kinh doanh. Marketing quản lý các kênh truyền thông như website, fanpage, TikTok, Zalo; xây dựng nội dung hình ảnh, video, bài viết giới thiệu dịch vụ tàu, chương trình ưu đãi và thông tin du lịch.

+ Bộ phận sale

Bộ phận Sale chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai hoạt động kinh doanh và là đầu mối tiếp xúc với khách hàng và đối tác. Sale thực hiện tư vấn thông tin dịch vụ tàu, báo giá, chốt đặt vé cho khách lẻ và khách đoàn; đồng thời theo dõi số lượng khách từng chuyến để phối hợp với phòng vận hành sắp xếp tàu phù hợp. Bộ phận này tiếp

nhận yêu cầu của khách, giải đáp thắc mắc, xử lý phát sinh và hỗ trợ khách trước – trong – sau chuyến đi để đảm bảo trải nghiệm tốt nhất.

❖ **Phòng vận hành tàu**

- Bộ phận tàu là đơn vị trực tiếp đảm bảo hoạt động của tàu trong mỗi chuyến đi.

Trong đó:

+ Bộ phận Điều khiển tàu:

Gồm thuyền trưởng và thủy thủ, chịu trách nhiệm vận hành tàu an toàn và đúng lịch trình. Trước mỗi chuyến đi, bộ phận này tiến hành kiểm tra tổng thể tàu như động cơ, hệ thống lái, thiết bị cứu hộ, nhiên liệu và các trang thiết bị an toàn để đảm bảo sẵn sàng vận hành.

Trong suốt hành trình, thuyền trưởng điều hướng đúng tuyến quy định, tuân thủ luật hàng hải, quan sát thời tiết và xử lý kịp thời mọi tình huống phát sinh trên biển. Bộ phận cũng phối hợp chặt chẽ với bộ phận phục vụ để hỗ trợ khách khi cần thiết. Sau chuyến đi, điều khiển tàu ghi chép nhật ký hành trình, đánh giá tình trạng tàu và báo cáo cho phòng vận hành để lên kế hoạch bảo trì hoặc khắc phục sự cố.

+ Bộ phận kỹ thuật:

Chịu trách nhiệm đảm bảo toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị và cơ cấu vận hành của tàu luôn trong trạng thái hoạt động ổn định và an toàn. Công việc bao gồm kiểm tra động cơ, điện, hệ thống nước, thiết bị cứu hỏa, các bộ phận cơ khí và các hệ thống hỗ trợ khác trước mỗi chuyến.

Kỹ thuật thực hiện bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa các hư hỏng phát sinh và theo dõi lịch bảo trì theo tiêu chuẩn đăng kiểm tàu. Khi nhận báo cáo sự cố từ điều khiển tàu hoặc phục vụ, bộ phận kỹ thuật phải kiểm tra và xử lý kịp thời để tránh ảnh hưởng đến lịch chạy và trải nghiệm của khách. Đây là bộ phận đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn, hạn chế rủi ro và kéo dài tuổi thọ của tàu

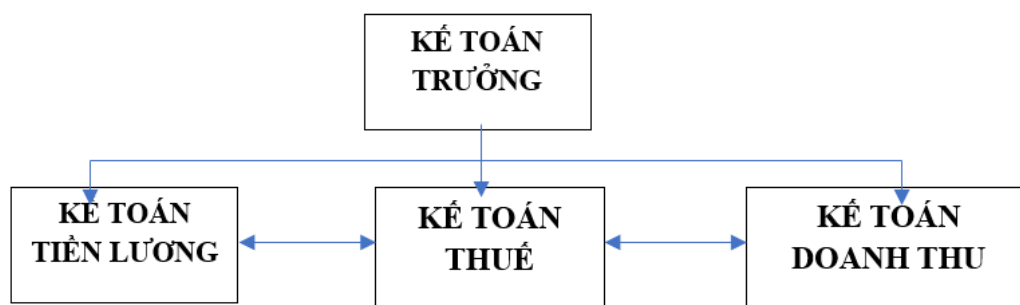
+ Bộ phận Phục vụ

Chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc hành khách trong suốt quá trình sử dụng dịch vụ tàu. Trước khi đón khách, bộ phận chuẩn bị và vệ sinh khu vực trên tàu, kiểm tra ghế ngồi, áo phao và các tiện nghi phục vụ khách. Khi khách lên tàu, phục vụ tiếp đón, hướng dẫn vị trí ngồi, phổ biến quy định an toàn và hỗ trợ hành lý nếu cần. Trong hành trình, phục vụ hỗ trợ khách chụp hình, giải đáp thắc mắc và xử lý các tình huống phát sinh như khách say sóng, cần trợ giúp y tế hoặc hỗ trợ trẻ em/người già.

Sau chuyến đi, bộ phận vệ sinh toàn bộ tàu, kiểm tra tài sản thất lạc và báo cáo các tình huống đặc biệt cho phòng vận hành. Bộ phận Phục vụ đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại trải nghiệm hài lòng và thiện cảm cho khách hàng

2.1.4. Bộ máy kế toán của công ty Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán



Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo : →

Quan hệ phối hợp: ↔

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

2.1.4.2. Nhiệm vụ và chức năng của từng bộ phận

- Kế toán trưởng:

- + Tổ chức và điều hành bộ phận kế toán: phân công công việc, hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm soát tiến độ thực hiện của từng kế toán viên.
- + Thiết lập và giám sát hệ thống kế toán – tài chính: đảm bảo việc hạch toán, ghi chép đúng chế độ kế toán và phù hợp với đặc điểm hoạt động bán vé du lịch của công ty.
- + Kiểm tra – phê duyệt chứng từ: ký duyệt các chứng từ kế toán, báo cáo thuế, báo cáo tài chính trước khi trình Giám đốc.
- + Phân tích tài chính: đánh giá doanh thu – chi phí – lợi nhuận, tham mưu cho Ban Giám đốc về kế hoạch kinh doanh, dòng tiền và quản trị chi phí.
- + Làm việc với cơ quan bên ngoài: đại diện bộ phận kế toán khi làm việc với cơ quan thuế, ngân hàng, kiểm toán, hoặc cơ quan quản lý Nhà nước.

- Kế toán tiền lương:

- + Theo dõi thông tin lao động: cập nhật hợp đồng lao động, biến động nhân sự, thang bảng lương, phụ cấp và chế độ cho người lao động.
- + Tính lương và thu nhập khác: dựa trên chấm công, ca làm việc, KPI, thưởng lễ – tết.
- + Thực hiện bảo hiểm bắt buộc: lập hồ sơ tăng/giảm BHXH, chốt sổ, chế độ thai sản, ốm đau, nghỉ việc.
- + Quyết toán thuế TNCN: lập tờ khai khấu trừ thuế TNCN hàng tháng/quý và quyết toán cuối năm cho người lao động.
- + Đối chiếu công nợ với nhân viên: tạm ứng, khoản phúc lợi, hoàn ứng nếu có.

- **Kế Toán Thuế:**

- + Quản lý hóa đơn đầu vào – đầu ra: kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hóa đơn, đối chiếu số lượng vé – dịch vụ với hoạt động kinh doanh.
- + Lập tờ khai và nộp thuế: thuế GTGT, thuế TNCN, thuế TNDN, báo cáo hóa đơn, báo cáo sử dụng hóa đơn điện tử.
- + Theo dõi chính sách thuế: cập nhật thông tư, nghị định mới và áp dụng phù hợp vào công tác kế toán của công ty.
- + Xử lý rủi ro thuế: rà soát sai sót, điều chỉnh hóa đơn, lập biên bản và giải trình khi cơ quan thuế yêu cầu.
- + Hỗ trợ kiểm tra – thanh tra: chuẩn bị hồ sơ, chứng từ khi công ty bị kiểm tra thuế.

- **Kế toán doanh thu:**

- + Ghi nhận doanh thu
- + Thu tiền, giữ tiền khách hàng
- + Xuất hóa đơn
- + Kiểm tra hàng hóa ở kho
- + Liên hệ nhà cung cấp để nhập hàng hóa, kiểm tra hàng hóa
- + Quản lý công nợ khách hàng: lập bảng kê công nợ, nhắc thanh toán, xác nhận công nợ cuối kỳ.
- + Tính giá vốn dịch vụ: chi phí tàu, chi phí hướng dẫn viên...
- + Lập báo cáo doanh thu: báo cáo ngày/tuần/tháng gửi kế toán trưởng

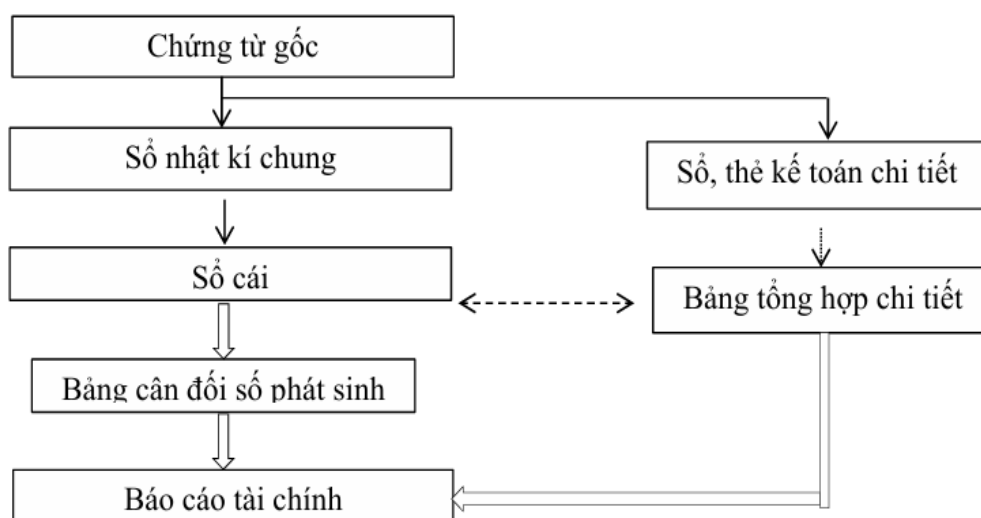
2.1.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán tuân thủ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành vào ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính
- Niên độ kế toán: Bắt đầu ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Tính thuế theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp hạch toán HTK: Phương pháp kiểm kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá trị HTK: Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Hình thức ghi sổ: Nhật ký chung kết hợp phần mềm kế toán Easybook. Với việc áp dụng phần mềm kế toán này, công việc của kế toán viên đã được giảm đáng kể, giúp cung cấp thông tin cho Giám đốc, khách hàng,... một cách nhanh chóng, kịp thời. Kế toán chỉ cần khai báo chính xác số liệu ban đầu và khi có các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh chỉ cần nhập chính xác vào phần mềm của công ty đúng tài khoản, đúng số liệu như trên chứng từ gốc. Sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp và các báo cáo.

2.1.6. Hình thức ghi sổ của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức “Nhật ký chung” và áp dụng phần mềm Easybook giúp cho việc lập chứng từ, ghi sổ kế toán, theo dõi các phần hành, các tài khoản và lập báo cáo tài chính trở nên dễ dàng, nhanh gọn

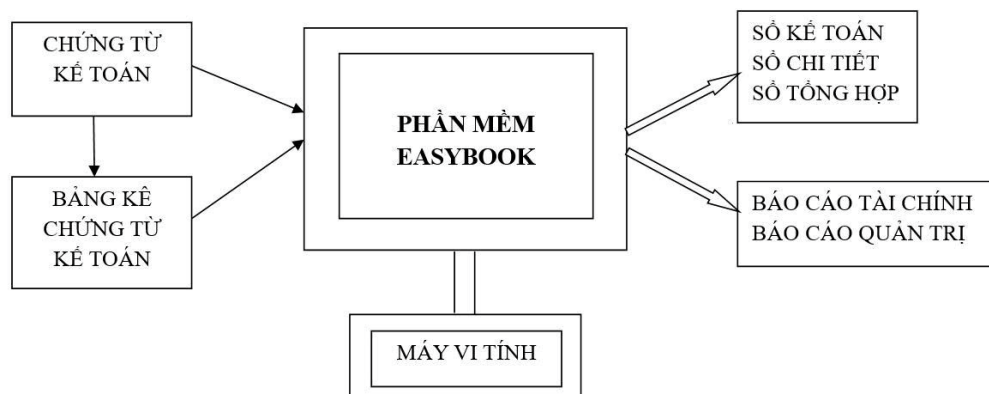


Sơ đồ 2.3. Quy trình ghi sổ kế toán tại Công Ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

- Hằng ngày: Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, công ty có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết nên đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh cũng được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái
- Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm: cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính

❖ Sơ đồ ghi sổ kế toán bằng phần mềm

Công ty sử dụng phần mềm Easybook



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ thực tế xử lý dữ liệu trên phần mềm Easybook

Ghi chú:

Nhập số liệu hằng ngày:



In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm:



Đối chiếu, kiểm tra:



- Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ nhập vào phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các nghiệp vụ kinh tế sau khi được nhập vào màn hình nhập liệu của phần mềm Easybook sẽ tự động cập nhật vào các sổ chi tiết, sổ cái và sổ nhật ký chung có liên quan.
- Cuối kỳ kế toán, kế toán viên thực hiện thao tác kết chuyển và khóa sổ. Định kỳ, các sổ chi tiết, sổ tổng hợp của tất cả các tài khoản liên quan và Báo cáo tài chính được in ra giấy để đối chiếu, so sánh và lưu trữ.

2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

2.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

a. Đặc điểm doanh thu, phương thức bán hàng và phương thức thanh toán tại Công ty

❖ Đặc điểm doanh thu

Doanh thu tại công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing chủ yếu từ doanh thu cung cấp dịch vụ. Ngoài ra, doanh nghiệp còn phát sinh doanh thu từ hoạt động bán một số hàng hóa phục vụ khách du lịch.

◀ Các nhóm dịch vụ và hàng hóa mà doanh nghiệp đang kinh doanh

- Dịch vụ du lịch: Bán vé du thuyền người lớn, trẻ em/ Vé khám phá Đảo Sơn Trà...theo tuyến và thời gian cố định
- Hàng hóa
- + Đồ uống: Bao gồm nước ngọt, nước suối, bia, rượu....
- + Đồ ăn: Bao gồm xoài sấy dẻo, rong biển cháy tỏi, hạnh nhân rang bơ, mực xé sợi...

❖ Phương thức bán hàng

- Bán trực tiếp cho khách hàng cá nhân tại quầy: Khách hàng tới trực tiếp cửa hàng của công ty để mua vé. Công ty tiến hành xuất vé theo nhu cầu của khách, kèm bill tính tiền.
- Bán cho các đối tác hợp tác trung gian: Các đối tác liên hệ bộ phận sale của công ty để đặt cọc và xác nhận dịch vụ theo thỏa thuận
- Bán vé online: Khách hàng liên hệ qua zalo, facebook...

❖ Phương thức thanh toán

- Thanh toán nhanh (áp dụng đối với hình thức bán trực tiếp):
Đối với khách hàng mua vé trực tiếp tại quầy, sau khi xác nhận nhu cầu mua vé, khách hàng thực hiện thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trong đó, phần lớn khách hàng cá nhân (khách lẻ) lựa chọn phương thức thanh toán bằng tiền mặt nhằm đảm bảo tính nhanh chóng và thuận tiện trong giao dịch.
- Trường hợp thanh toán chậm (áp dụng đối với các đối tác trung gian):
Đối với các đối tác trung gian, công ty cho phép thanh toán theo hình thức công nợ. Theo đó, sau khi phát sinh giao dịch bán vé, công ty tiến hành theo dõi và quản lý công nợ phải thu từ khách hàng. Phần lớn các khoản công nợ này phát sinh từ các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch
- Trường hợp đặt cọc (áp dụng chủ yếu đối với các công ty du lịch):
Đối với khách hàng là các công ty du lịch, việc đặt vé thường được thực hiện thông qua nhân viên kinh doanh (sale) của công ty. Khách hàng tiến hành đặt cọc trước một khoản tiền để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận, phần giá trị còn lại sẽ được thanh toán theo các điều khoản đã thống nhất.

❖ Quy định về chính sách chiết khấu

- Chính sách chiết khấu được áp dụng đối với các đơn vị là đối tác hợp tác trung gian của công ty. Theo đó, công ty áp dụng mức chiết khấu 15% trên giá trị hóa đơn bán hàng.
- Khoản chiết khấu này được khấu trừ trực tiếp trên hóa đơn và được thể hiện rõ ràng bằng một dòng riêng biệt nhằm đảm bảo tính minh bạch trong quá trình thanh toán và đối chiếu công nợ.

Quy định về chính sách chiết khấu (xem tại phần phụ lục 7)

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng.

◀ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, ngoài ra còn sử dụng
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu
- Hợp đồng

◀ Sổ kế toán sử dụng

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111, sổ chi tiết TK 5113

c. Tài khoản sử dụng

Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, theo đó doanh thu được ghi nhận thông qua Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” theo quy định tại Điều 79 của Thông tư này.

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: Dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần phát sinh từ hoạt động bán hàng hóa khi hàng hóa đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định hiện hành.

- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: Dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần phát sinh từ hoạt động cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp khi các dịch vụ đã được hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định. Đây là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty.

d. Trình tự hạch toán

❖ Khách hàng mua trực tiếp tại quầy

Khi khách hàng đến mua vé du lịch và các mặt hàng kèm theo, nhân viên chăm sóc khách hàng tư vấn, tiếp nhận yêu cầu và kiểm tra tình trạng ghế trống, tồn kho trên phần mềm. Sau khi khách xác nhận mua, nhân viên thu tiền và in bill thanh toán.

Căn cứ vào bill, kế toán kiểm tra thông tin, lập hóa đơn giá trị gia tăng, lập phiếu thu đối với tiền mặt hoặc lưu giấy báo có đối với chuyển khoản. Sau khi hoàn tất thanh toán, kế toán ghi nhận doanh thu, hạch toán và ghi sổ kế toán trên phần mềm Easybook theo quy định.

❖ Khách hàng là các đối tác hợp tác trung gian

Khi phát sinh nhu cầu mua vé/dịch vụ, công ty trung gian liên hệ trực tiếp với nhân viên sale để đặt chỗ. Nhân viên sale kiểm tra tình trạng chỗ, đối chiếu hợp đồng (nếu có) và ghi nhận đầy đủ thông tin vào file booking như tên công ty trung gian, số lượng khách, ngày khởi hành, loại vé, đơn giá và mức chiết khấu. Cuối ngày, nhân viên sale tổng hợp file booking và gửi cho nhân viên chăm sóc khách hàng để theo dõi, chuẩn bị vé và hàng hóa đi kèm.

Đến ngày khởi hành, đại diện công ty trung gian đến quầy thanh toán, nhân viên chăm sóc khách hàng đối chiếu thông tin booking, kiểm tra bill, in bill và in vé theo số lượng thực tế, sau đó bàn giao vé cho công ty trung gian.

Sau khi vé được in và dịch vụ được cung cấp hoàn tất, kế toán doanh thu lập hóa đơn giá trị gia tăng, thể hiện rõ doanh thu và khoản chiết khấu cho công ty trung gian, gửi hóa đơn và thực hiện ghi nhận doanh thu, công nợ theo quy định kế toán.

❖ Khách hàng mua trực tuyến thông qua nhân viên sale

Khi khách hàng mua vé du lịch và/hoặc các mặt hàng kèm theo thông qua nhân viên sale trên các kênh trực tuyến của Công ty, nhân viên sale tiếp nhận thông tin đặt mua, tư vấn lịch trình, loại vé, giá vé, số lượng khách và các mặt hàng đi kèm. Sau khi khách hàng xác nhận mua, nhân viên kiểm tra tình trạng ghế trống và tồn kho trên phần mềm quản lý, đồng thời hướng dẫn khách hàng đặt cọc theo thỏa thuận và tiếp nhận chứng từ thanh toán.

Cuối mỗi ngày, nhân viên sale tổng hợp các đơn đặt vé phát sinh vào file booking và chuyển cho nhân viên chăm sóc khách hàng tại quầy để theo dõi. Đến ngày khởi hành, khách hàng đến quầy đọc mã đặt hàng, nhân viên chăm sóc khách hàng căn cứ file booking để xác nhận thông tin, in vé và hoàn tất thủ tục cho khách.

Căn cứ vào bill, kế toán kiểm tra thông tin, lập hóa đơn giá trị gia tăng, lập phiếu thu đối với tiền mặt hoặc lưu giấy báo có đối với chuyển khoản. Sau khi hoàn tất thanh toán, kế toán ghi nhận doanh thu, hạch toán giá vốn và ghi sổ kế toán trên phần mềm Easybook theo quy định.

e. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế tại đơn vị.

- Nghiệp vụ 1: Bán hàng cho khách hàng là các đối tác hợp tác trung gian có chiết khấu
- Nghiệp vụ 2: Bán cho khách lẻ không lấy hóa đơn.
- Nghiệp vụ 3: Bán hàng cho khách hàng đặt cọc qua nhân viên sale

❖ **Nghiệp vụ 1:** *Bán hàng cho khách hàng là các đối tác hợp tác trung gian có chiết khấu*

Ngày 22/04/2025 Công Ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing Bán vé Thuê tàu khám phá đảo Sơn Trà cho Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Du Lịch Trường Sa tổng giá là 33.966.000 (đã bao gồm thuế GTGT 8%) và chiết khấu 15% với hóa đơn GTGT số 2.



CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Mã số thuế (Tax code): **0 4 0 2 0 9 6 9 5 0**
Địa chỉ (Address): Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, Phường
Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số tài khoản (Account No.): 684629097777 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): **1C25MAP**
Số (No.): **2**

Ngày (Date) **22** tháng (month) **04** năm (year) **2025**

Họ tên người mua hàng (Customer's name):
Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DU LỊCH TRƯỜNG SA**
Mã số thuế (Tax code): **0401842162**
Địa chỉ (Address): **5/26/8 Nguyễn Văn Huê, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of products services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền trước thuế (Amount)	Thuế suất GTGT (%) (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=6+8)
1	Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	Chuyến	2	18.500.000	37.000.000	8%	2.960.000	39.960.000
2	Chiết khấu				5.550.000	8%	444.000	5.994.000
Cộng tiền hàng/Summary:					31.450.000		2.516.000	33.966.000

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	31.450.000	2.516.000	33.966.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment)		31.450.000	2.516.000	33.966.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING**
Ký ngày **22** tháng **04** năm **2025**



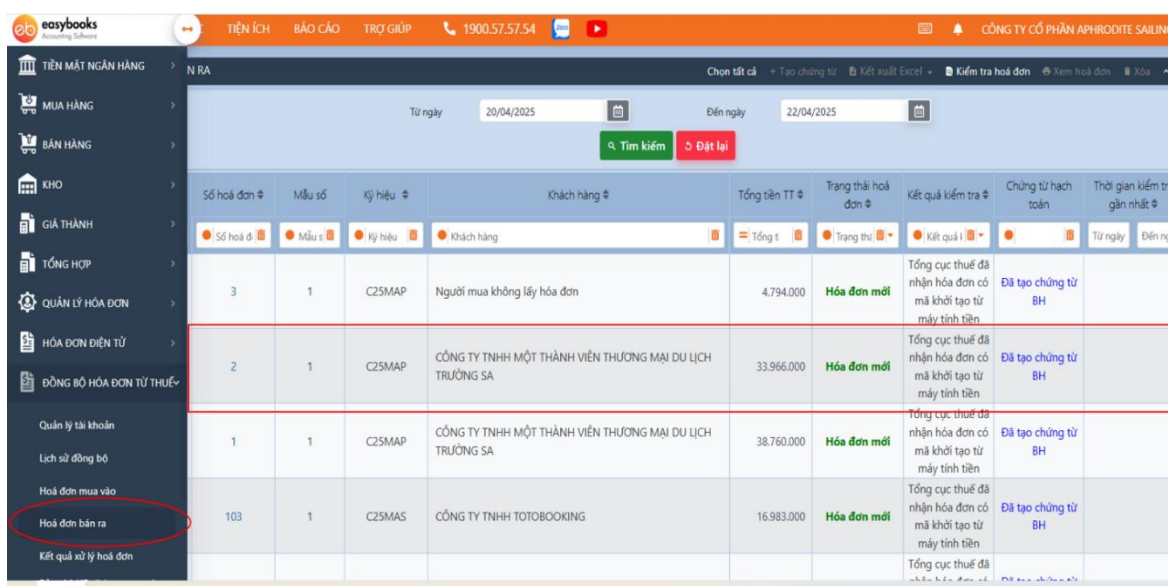
Trang (page) 1 / 1
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Mã của cơ quan thuế: **MI-25-IYYG-0000000105**
(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại tracuu.wintinvoice.vn, mã tra cứu: **2648C485BD**, mã công ty: **0402096950**)
(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Hình 2.1. Nghiệp vụ 1 Hóa đơn GTGT số 2 ngày 22/04/2025

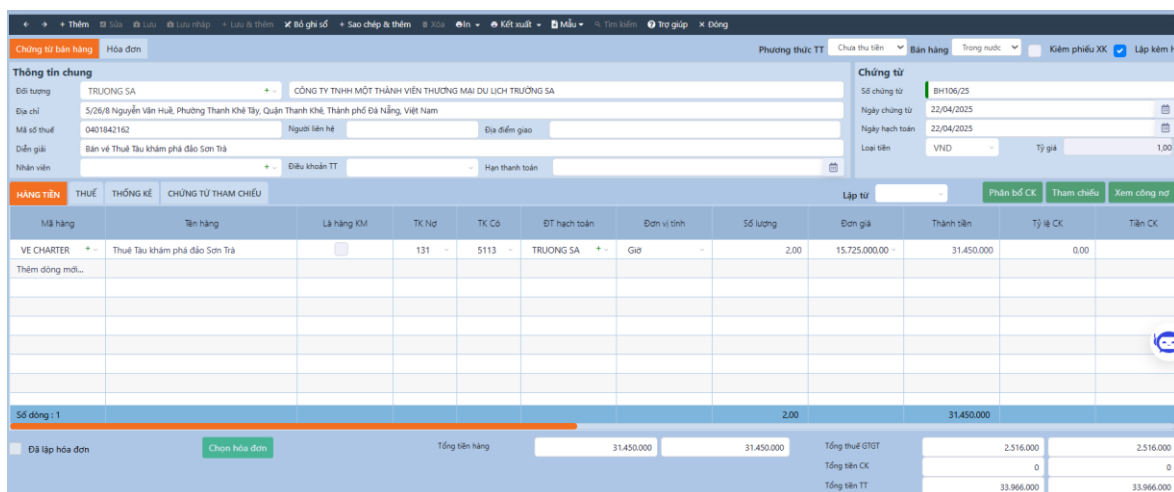
❖ Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 2 ngày 22/04/2025, Kế toán hạch toán trên phần mềm Easybook theo các bước

◀ Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Easybook

➤ Bước 2: Vào phần “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” chọn “hóa đơn bán ra”



➤ Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như: Thông tin khách hàng, thông tin dịch vụ, số lượng, đơn giá, số hóa đơn,...Sau đó bấm “Lưu”



Hình 2.2. Giao diện phần mềm sau khi hạch toán Nghiệp vụ 1

❖ **Nghiệp vụ 2: Bán cho khách lẻ không lấy hóa đơn.**

Ngày 08/02/2025 Công Ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing, bán vé du lịch cho khách lẻ tổng giá là 7.047.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%) với hóa đơn GTGT số 25.



CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
 Mã số thuế (Tax code): **0 4 0 2 0 9 6 9 5 0**
 Địa chỉ (Address): Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Số tài khoản (Account No.): 684629097777 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) **08** tháng (month) **02** năm (year) **2025**

Ký hiệu (Serial): **1C25MAS**
 Số (No.): **25**

Họ tên người mua hàng (Customer's name): **Người mua không lấy hóa đơn**
 Tên đơn vị (Company's name):
 Mã số thuế (Tax code):
 Địa chỉ (Address):
 Hình thức thanh toán (Payment method): **Tiền mặt/Chuyển khoản** Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
1	Vẽ tàu du lịch (Người lớn)	Vẽ	8	739.814,875	5.918.519
2	Rong biển chầy tới	Hộp	1	125.000	125.000
3	Vỏ buồm sấy chanh dây	Hộp	1	217.593	217.593
4	Xoải sấy dẻo	Hộp	1	263.889	263.889
Cộng tiền hàng (Total amount):					6.525.001
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 521.999
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					7.047.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Bảy triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng**

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING**
 Ký ngày **08** tháng **02** năm **2025**

Trang (page) 1 / 1
 (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
 Mã của cơ quan thuế: **MI-25-IYYG-0000000025**
 (Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại tracuu.wininvoice.vn , mã tra cứu: **D7145AD05D** , mã công ty: **0402096950**)
 (Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Hình 2.3. Nghiệp vụ 2 Hóa đơn GTGT số 25 ngày 08/02/2025

- ❖ Phiếu thu ngày 08/02/2025 thu tiền bán hàng của khách lẻ không lấy hóa đơn (xem tại phần phụ lục 8)
- ❖ Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 25 ngày 08/02/2025, Kế toán hạch toán trên phần mềm Easybook theo các bước
 - Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Easybook
 - Bước 2: Vào phần “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” chọn “hóa đơn bán ra”
 - Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như: Thông tin khách hàng, thông tin dịch vụ, số lượng, đơn giá, số hóa đơn,...Sau đó bấm “Lưu”

Chứng từ bán hàng Hóa đơn

Phương thức TT Chưa thu tiền Bán hàng Trong nước Kiểm phiếu XX ☒ Lập kèm H

Thông tin chung

Đối tượng KHACH LE Người mua không lấy hóa đơn

Địa chỉ

Mã số thuế Người liên hệ Địa điểm giao

Diễn giải Bán dịch vụ về tàu và dịch vụ ăn uống

Nhân viên Điều khoản TT Hạn thanh toán

Chứng từ

Số chứng từ BH026/25

Ngày chứng từ 08/02/2025

Ngày hạch toán 08/02/2025

Loại tiền VND Tỷ giá 1.00

Hàng hóa THUẾ THỐNG KÊ CHỨNG TỬ THAM CHIẾU

Lập từ

Phân bổ CK Tham chiếu Xem công nợ

Mã hàng	Tên hàng	Là hàng KM	TK Nợ	TK Có	ĐT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK	Tiền CK
VE NGUOI LON	Vé tàu du lịch (Người lớn)	☐	131	5113	KHACH LE	Vé	8.00	739.814,88	5.918.519	0.00	
Rong biển chài	Rong biển chài	☐	131	5111	KHACH LE	Hộp	1.00	125.000,00	125.000	0.00	
Vỏ bưởi sấy c...	Vỏ bưởi sấy chanh dây	☐	131	5111	KHACH LE	Hộp	1.00	217.593,00	217.593	0.00	
Xoài sấy dẻo	Xoài sấy dẻo	☐	131	5111	KHACH LE	Hộp	1.00	263.889,00	263.889	0.00	
Số dòng 4							11.00		6.525.001		

☐ Đã lập hóa đơn Chọn hóa đơn

Tổng tiền hàng 6.525.001 6.525.001

Tổng thuế GTGT 521.999 521.999

Tổng tiền CK 0 0

Tổng tiền TT 7.047.000 7.047.000

Hình 2.4. Giao diện phần mềm sau khi hạch toán xong Nghiệp vụ 2

Nghiệp vụ 3: Bán hàng cho khách hàng đặt cọc qua nhân viên sale

Ngày 06/08/2025 Công Ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing nhận tiền đặt cọc của Công Ty Cổ Phần Smileviet với số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày 18/08/2025, sau khi khách hàng đã hoàn thành việc sử dụng dịch vụ, Công ty tiến hành xuất vé và lập hóa đơn GTGT số 218 với tổng giá trị hóa đơn là 19.890.000 đồng

- Bước 2: Vào phần “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” chọn “hóa đơn bán ra”
- Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như: Thông tin khách hàng, thông tin dịch vụ, số lượng, đơn giá, số hóa đơn,...Sau đó bấm “Lưu”

Hình 2.6. Giao diện phần mềm sau khi hạch toán xong Nghiệp vụ 3

❖ Trích sổ chi tiết TK5111

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 3, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 5111 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư Nợ	Dư Có
....										
20/01/2025	20/01/2025	BH010/25	9	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5111	131		606.482		1.319.445
24/01/2025	24/01/2025	BH011/25	10	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5111	131		481.482		1.800.927
03/02/2025	03/02/2025	BH020/25	19	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5111	131		657.407		2.458.334
08/02/2025	08/02/2025	BH026/25	25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5111	131		606.482		3.064.816
06/03/2025	06/03/2025	BH047/25	46	Bán vé và đồ ăn	5111	131		416.667		4.837.965
08/03/2025	08/03/2025	BH048/25	47	Bán vé và đồ ăn	5111	131		944.445		5.782.410
09/03/2025	09/03/2025	BH050/25	49	Bán vé tàu và đồ ăn	5111	131		680.556		6.462.966
10/04/2025	10/04/2025	BH084/25	83	Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà và đồ ăn	5111	131		1.965.000		17.960.375
22/04/2025	22/04/2025	BH105/25	1	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà và đồ ăn	5111	131		5.222.222		23.182.597
				Cộng	5111		115.091.162	115.091.162		
				Số dư cuối kỳ	5111					
				Tổng cộng			115.091.162	115.091.162		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.7. Trích sổ chi tiết TK5111

❖ Trích sổ chi tiết TK5113

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I,
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 5113 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
03/01/2025	03/01/2025	BH001/25	1	Bán Vé tàu du lịch	5113	131		9.067.593		9.067.593
05/01/2025	05/01/2025	BH002/25	2	Bán Vé tàu du lịch	5113	131		7.772.222		16.839.815
07/01/2025	07/01/2025	BH003/25	3	Bán Vé tàu du lịch	5113	131		58.595.834		75.435.649
....										
05/02/2025	05/02/2025	BH021/25	20	Bán Vé tàu du lịch	5113	131		45.511.667		352.972.170
07/02/2025	07/02/2025	BH024/25	23	Bán vé tàu du lịch	5113	131		3.699.074		376.498.281
07/02/2025	07/02/2025	BH025/25	24	Bán Vé tàu du lịch	5113	131		34.545.000		411.043.281
08/02/2025	08/02/2025	BH026/25	25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5113	131		5.918.519		416.961.800
21/04/2025	21/04/2025	BH104/25	103	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	5113	131		15.725.000		1.368.014.590
....										
22/04/2025	22/04/2025	BH106/25	2	Bán vé Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	5113	131		31.450.000		1.430.131.257
22/04/2025	22/04/2025	BH107/25	3	Bán Vé tàu du lịch (Người lớn)	5113	131		4.438.889		1.434.570.146
23/04/2025	23/04/2025	BH108/25	4	Bán Vé tàu du lịch (Người lớn)	5113	131		3.747.000		1.438.317.146
23/04/2025	23/04/2025	BH109/25	5	Bán Vé tàu du lịch (Người lớn)	5113	131		6.476.852		1.444.793.998
23/04/2025	23/04/2025	BH111/25	7	Bán Vé tàu du lịch	5113	131		7.102.223		1.459.294.369
....										
18/08/2025	18/08/2025	BH1320/25	218	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	5113	131		18.500.000		4.514.591.772
....										
31/12/2025	31/12/2025	BH2401/25	2356	Bán Vé tàu du lịch	5113	131		739.815		6.249.911.906
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5113	911	6.249.911.906			
				Cộng	5113		6.249.911.906	6.249.911.906		
				Số dư cuối kỳ	5113					
				Tổng cộng			6.249.911.906	6.249.911.906		

Nghị vụ 2

Nghị vụ 1

Nghị vụ 3

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ
tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.8. Trích sổ chi tiết TK5113

❖ **Trích sổ cái TK511****CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING**Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường
Mã số thuế: 0402096950**Mẫu số: S03b-DN**(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)**SỔ CÁI**
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ				6.365.003.068	6.365.003.068
....								
01/02/2025	BH018/25	01/02/2025	Bán vé tàu du lịch			131		6.963.910
03/02/2025	BH020/25	03/02/2025	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống			131		657.407
03/02/2025	BH020/25	03/02/2025	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống			131		13.316.667
....								
05/02/2025	BH022/25	05/02/2025	Bán vé tàu du lịch			131		10.357.407
07/02/2025	BH024/25	07/02/2025	Bán vé tàu du lịch			131		3.699.074
....								
08/02/2025	BH026/25	08/02/2025	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống			131		606.482
08/02/2025	BH026/25	08/02/2025	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống			131		5.918.519
....								
22/04/2025	BH105/25	22/04/2025	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà và đồ ăn			131		5.222.222
22/04/2025	BH105/25	22/04/2025	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà và đồ ăn			131		30.666.667
22/04/2025	BH106/25	22/04/2025	Bán vé Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà			131		31.450.000
28/07/2025	BH862/25	28/07/2025	Bán Vé tàu du lịch_Khám phá Sơn Trà (Người lớn)			131		739.815
28/07/2025	BH863/25	28/07/2025	Bán Vé tàu du lịch_Khám phá Sơn Trà (Người lớn)			131		739.815
....								
17/08/2025	BH1319/25	17/08/2025	Bán Vé tàu du lịch_Trải nghiệm chinh phục biển cả (Người lớn)			131		1.295.370
18/08/2025	BH1320/25	18/08/2025	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà			131		18.500.000
23/08/2025	BH1471/25	23/08/2025	Bán Vé tàu du lịch_Khám phá Sơn Trà (Người lớn)			131		739.815
23/08/2025	BH1472/25	23/08/2025	Bán Vé tàu du lịch_Khám phá Sơn Trà (Người lớn)			131		739.815
....								
			- Cộng số phát sinh				6.365.003.068	6.365.003.068
			- Cộng lũy kế				6.365.003.068	6.365.003.068
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

**Người ghi
sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

Giám đốc(Ký, họ tên,
đồng dấu)**Hình 2.9. Trích sổ cái TK511****2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tại Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing, doanh nghiệp không sử dụng Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu” để theo dõi riêng các khoản giảm trừ.

- Trên thực tế, khoản giảm trừ doanh thu chủ yếu phát sinh từ chiết khấu thương mại áp dụng cho các đối tác trung gian. Tuy nhiên, công ty không thực hiện hạch toán

riêng khoản này mà tiến hành trừ trực tiếp vào giá trị thanh toán trên hóa đơn bán hàng và ghi nhận ngay vào Tài khoản 5113 – “Doanh thu cung cấp dịch vụ”.

- Do đó, doanh thu phản ánh trên Tài khoản 5113 là doanh thu thuần sau khi đã trừ các khoản chiết khấu thương mại, thể hiện giá trị thực tế mà doanh nghiệp được hưởng trong kỳ kế toán.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing chiếm tỷ trọng nhỏ và không đáng kể trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Nguồn thu này chủ yếu phát sinh từ lãi tiền gửi tại các ngân hàng mà công ty đang sử dụng.

Hiện tại, công ty phát sinh lãi tiền gửi từ ba tài khoản ngân hàng, bao gồm hai tài khoản tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và một tài khoản tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản lãi này được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

a. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo có của ngân hàng
- Sao kê ngân hàng

b. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng là: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

c. Nghiệp vụ kinh tế thực tế tại đơn vị.

Nghiệp vụ 4: Tháng 7/2025, doanh nghiệp nhận được sao kê tài khoản ngân hàng VietinBank về các giao dịch ngân hàng trong tháng 06/2025 của doanh nghiệp, trong các giao dịch tháng 6, có ngày 30/06/2025 Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing nhận được lãi tiền gửi tháng 05/2025 với số tiền là 25.945 đồng.

❖ Dựa vào sao kê tháng 6 của ngân hàng, kế toán hạch toán vào phần mềm Easybook về việc thu lãi tiền gửi tháng 5/2025

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
VIETINBANK

LỊCH SỬ GIAO DỊCH - TRANSACTION HISTORY
VIETINBANK eFAST



1.Thông tin chi tiết tài khoản/ Account detail

Công ty/Company name:
Số tài khoản/ Account No.:
Loại tài khoản/Account type:
Loại tiền tệ/Currency:
Số dư hiện tại/Account Balance:
Số dư khả dụng/ Available Balance:
Số dư đầu kỳ/Opening Balance:
Số dư cuối kỳ/Closing Balance:
Chu kỳ yêu cầu/From date- to date:
Tổng giá trị ghi có/ Total credits:

Tổng số giao dịch ghi có/
Total number of credit :

CONG TY CO PHAN APHRODITE SAILING
684629097777
Tài khoản thanh toán
VND

2025-06-01 - 2025-06-30
41

Tổng giá trị ghi nợ/ Total debits:

Tổng số giao
dịch ghi nợ/
Total number

55

2.Chi tiết lịch sử giao dịch/ Transaction history detail

STT/No.	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có / Credit	Số dư TK/ Account Balance	Số giao dịch/ Transaction number
4	30-06-2025 20:44:23	30.06.2025:THE=624436*4505:APP=45529 5:TID=02046642:APHRODITE SAILING;TANG 5; KS BACH DANGHAI C,TP.DANANG;VN:MID=1000000005444	0,00	280.000,00	35.086.848,00	1194
9	30-06-2025 16:51:49	CT DEN:108549760362 CBT CNĐN TT tour DAD APHRODITE CATAMARAN ngày 27062025 HD 151 APHRODITE	0,00	4.500.000,00	573.426.847,00	486S2561ECXXQW7E
11	30-06-2025 02:14:19	Tra lại tại khoản DDA	0,00	25.945,00	563.926.847,00	1187
17	28-06-2025 04:06:06	VAT	3.500,00	0,00	545.141.838,00	1181
18	28-06-2025 04:06:06	Thu phí duy trì dịch vụ IB 06/2025	35.000,00	0,00	545.145.338,00	1180

Từ ngày 21/03/2025, VietinBank thực hiện cập nhật lại báo cáo sao kê, trong đó bổ sung trường thông tin Ngày phát sinh giao dịch.
From 21/03/2025, Vietinbank will update its statement report, adding the Transaction Date field.

Hình 2.10. Sao kê ngân hàng về lãi tiền gửi ngân hàng tháng 6/2025

- Bước 1. Đăng nhập vào phần mềm Easybook
- Bước 2. Vào phần hành “Tiền mặt ngân hàng”, chọn mục “Báo có”
- Bước 3. Chọn mục “ thu lãi đầu tư tài chính”, sau đó nhập đầy đủ thông tin hiển thị như: Mã đối tượng, số tiền,... sau đó bấm “cất.”
- ⇒ Sau khi “ cất” số liệu sẽ tự động cập nhật lên sổ cái TK515, và sổ nhật ký chung.

Thêm

Tìm kiếm

Lưu & thêm

Bỏ ghi sổ

Sao chép & thêm

Xóa

Print

Kết xuất

Mẫu

Tư vấn

Xóa

Báo cáo

Đối tượng

Khách hàng

Thông tin chung

Đối tượng

Địa chỉ

Nộp vào TK

Diễn giải

Nhận tiền

YTB-684629097777

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Thu lãi tiền gửi ngân hàng

Chứng từ

Số chứng từ

Ngày chứng từ

Ngày hạch toán

Loại tiền

BC128/25

30/06/2025

30/06/2025

VND

Tỷ giá

1,00

Hàng tiền

CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Tham chiếu

Diễn giải	Tk Nợ	Tk Có	Số tiền	Đối tượng	Khản mục CP	Phòng ban	Đối tượng T&CP	Mục thuế GT	Hợp đồng	Mã thông lệ	Hoạt động
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121-VTB 6946...	515	25.945								
Số đóng : 1			25.945								

Tổng tiền TT

25.945

25.945

Hình 2.11. Hạch toán nghiệp vụ thu lãi tiền gửi

❖ Trích sổ chi tiết TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 515 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
....										
30/04/2025	30/04/2025	BC068/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-VTB 694629097777		19.141		49.122
....	31/05/2025	BC088/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-TCB 19037131422379		3		1.203.197
31/05/2025	31/05/2025	BC090/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-VTB 694629097777		18.463		1.221.660
30/06/2025	30/06/2025	BC128/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-VTB 694629097777		25.945		1.247.605
30/06/2025	30/06/2025	BC129/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-TCB 19037131422379		3		1.247.608
....										
31/07/2025	31/07/2025	BC183/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-VTB 694629097777		25.415		25.415
....										
30/09/2025	30/09/2025	BC232/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-VTB 694629097777		7.911		40.420
31/12/2025	31/12/2025	BC274/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-VTB 694629097777		4.657		376.664
31/12/2025	31/12/2025	BC275/25		Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	1121-VTB 20001686		8		376.672
....										
				Cộng	515		1.624.283	1.624.283		
				Số dư cuối kỳ	515					
				Tổng cộng			1.624.283	1.624.283		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.12. Trích sổ chi tiết TK515

❖ Trích sổ cái TK515

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				1.624.283	1.624.283
..	...	...	...			...		...
31/01/2025	BC008/25	31/01/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-VTB 694629097777		10.445
28/02/2025	BC020/25	28/02/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-TCB 19037131422379		11
28/02/2025	BC021/25	28/02/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-VTB 694629097777		8.597
31/03/2025	BC036/25	31/03/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-VTB 694629097777		10.899
31/03/2025	BC038/25	31/03/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-TCB 19037131422379		4
30/04/2025	BC068/25	30/04/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-VTB 694629097777		19.141
30/06/2025	BC128/25	30/06/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-VTB 694629097777		25.945
31/08/2025	BC213/25	31/08/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-VTB 694629097777		7.088
30/09/2025	BC232/25	30/09/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-VTB 694629097777		7.911
30/09/2025	BC233/25	30/09/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-TCB 19037131422379		3
30/10/2025	BC250/25	30/10/2025	Thu lãi tiền gửi ngân hàng			1121-VTB 694629097777		12.936
...	...	...	...			...	...	...
			- Cộng số phát sinh				1.624.283	1.624.283
			- Cộng lũy kế				1.624.283	1.624.283
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi
sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán
trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.13. Trích sổ cái TK515

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

Năm 2025, Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing có phát sinh các khoản thu nhập khác (TK 711), tuy nhiên giá trị không đáng kể. Các khoản này chủ yếu phát sinh từ phí hủy vé theo quy định của công ty khi khách hàng không tiếp tục sử dụng dịch vụ, cùng với một số chênh lệch nhỏ trong quá trình thanh toán. Dưới đây là nghiệp vụ phát sinh của năm 2025 về các khoản thu nhập khác.

- Nghiệp vụ 1: Xử lý chênh lệch công nợ
- Nghiệp vụ 2: Xử lý phát sinh phí hủy vé

Nghiệp vụ 1: Xử lý chênh lệch công nợ

Ngày 23/04/2025 Cổ phần Aphrodite Sailing nhận tiền đặt cọc của khách hàng là Công ty Totobooking với số tiền là 9.503.000 đồng. Đến ngày 01/05/2025 xuất hóa đơn đã bao gồm VAT là 9.502.877 đồng. Và chênh lệch 123 đồng, nên tất toán số tiền đó vào thu nhập khác.

❖ Mô tả quá trình hạch toán trên phần mềm Easybook

➤ Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Kế toán Easybook

➤ Bước 2: Vào phần “Tổng hợp” chọn “chứng từ nghiệp vụ khác”

➤ Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như màn hình hiển thị: diễn giải, ngày hạch toán, số tiền, tài khoản nợ là TK131, tài khoản có là TK711, sau đó bấm “cất”. Sau khi bấm cất, thông tin sẽ tự động chạy lên sổ cái, sổ nhật ký chung của TK711 và TK331

The screenshot displays the 'Chứng từ nghiệp vụ khác' (Other Business Voucher) form in the Easybook accounting software. The form is divided into several sections:

- Thông tin chung** (General Information): Includes a dropdown for 'Diễn giải' (Description) with the selected value 'Xử lý chênh lệch công nợ Công ty Totobooking' (Processing balance difference of Totobooking Co., Ltd.).
- Chứng từ** (Voucher): Fields for 'Số chứng từ' (Voucher number) set to 'NVK023/25', 'Ngày chứng từ' (Voucher date) set to '01/05/2025', 'Ngày hạch toán' (Accounting date) set to '01/05/2025', and 'Loại tiền' (Currency) set to 'VND' with a 'Tỷ giá' (Exchange rate) of '1,00'.
- Hàng tiền** (Ledger): A table with columns for 'Diễn giải', 'TK Nợ' (Debit Account), 'TK Có' (Credit Account), 'Số tiền' (Amount), 'Hoạt động' (Activity), 'Đối tượng Nợ' (Debit Object), 'Đối tượng Có' (Credit Object), 'Nghiệp vụ' (Transaction), and 'Chi phí không hợp lý' (Unreasonable expense). The first row shows a debit to TK 131 and a credit to TK 711 for the amount of 123,000, with the activity 'TNHH TOTOBOKING'.
- Số dòng: 1** (Number of lines: 1): A summary row at the bottom of the table showing the total amount of 123,000.
- Tổng tiền TT** (Total amount): A field at the bottom right showing the total amount of 123,000.

Hình 2.14. Hạch toán nghiệp vụ xử lý chênh lệch

Nghiệp vụ 2: Xử lý phát sinh phí hủy vé

Ngày 04/07/2025 Công Ty Cổ phần Aphrodite Sailing nhận tiền đặt cọc của Công Ty TNHH Du Lịch Và Thương Mại Quốc Tế Phương Nam là 5.000.000 đồng. Đến ngày 11/07/2025, khách hàng hủy vé, do đó Công ty tiến hành xử lý tiền đặt cọc, trong đó khách hàng bị khấu trừ số tiền 1.850.000 đồng theo chính sách hủy vé, phần còn lại được hoàn trả cho khách hàng.

❖ Sao kê ngân hàng nhận tiền đặt cọc (xem tại phụ lục 10)

❖ Mô tả quá trình hạch toán trên phần mềm Easybook

➤ Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Kế toán Easybook

➤ Bước 2: Vào phần “Tổng hợp” chọn “chứng từ nghiệp vụ khác”

➤ Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như màn hình hiển thị: diễn giải, ngày hạch toán, số tiền, tài khoản nợ là TK131, tài khoản có là TK711, sau đó bấm “cất”. Sau khi bấm cất, thông tin sẽ tự động chạy lên sổ cái, sổ nhật ký chung của TK711 và TK331

❖ Trích sổ cái TK711

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50,
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S03b-DN

BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kê toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				1.858.763	1.858.763
21/04/2025	NVK019/25	21/04/2025	Xử lý chênh lệch công nợ của công ty			131		800
23/04/2025	NVK020/25	23/04/2025	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty			131		240
01/05/2025	NVK025/25	01/05/2025	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty Totobooking			131		123
03/05/2025	NVK026/25	03/05/2025	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty			131		320
....								
05/06/2025	NVK035/25	05/06/2025	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty Totobooking			131		160
11/07/2025	NVK046/25	11/07/2025	Thu phí hoàn cọc của công ty Phương Nam			131		1.850.000
16/08/2025	NVK051/25	16/08/2025	Xử lý chênh lệch XĂNG ĐÀU TÂY NAM S.W.P			331		3.000
20/09/2025	NVK056/25	20/09/2025	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty			131		1.232
11/12/2025	NVK077/25	11/12/2025	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty Totobooking			131		1.688
.....								
			- Cộng số phát sinh				1.858.763	1.858.763
			- Cộng lũy kế				1.858.763	1.858.763
			- Số dư cuối kỳ					

Nghị vụ 1

Nghị vụ 2

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi
sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán
trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.17. Trích sổ cái TK711 năm 2025

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

2.2.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng

a. Đặc điểm giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing được hình thành từ hai nhóm là: giá vốn của dịch vụ và giá vốn của hàng hóa.

- Đối với giá vốn dịch vụ, đây là các chi phí trực tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tàu, bao gồm chi phí nhiên liệu, chi phí nhân công vận hành

tàu, chi phí bảo trì, khấu hao tài sản cố định (tàu du lịch) và các chi phí liên quan khác phát sinh trong quá trình phục vụ khách hàng.

+ Doanh nghiệp thực hiện tập hợp chi phí theo phương pháp cuối kỳ, theo đó trong suốt kỳ kế toán, các chi phí phát sinh chưa được phản ánh ngay vào tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

+ Đến cuối kỳ, kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh, ghi nhận vào tài khoản 154, sau đó kết chuyển ngay sang tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán để xác định giá vốn dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

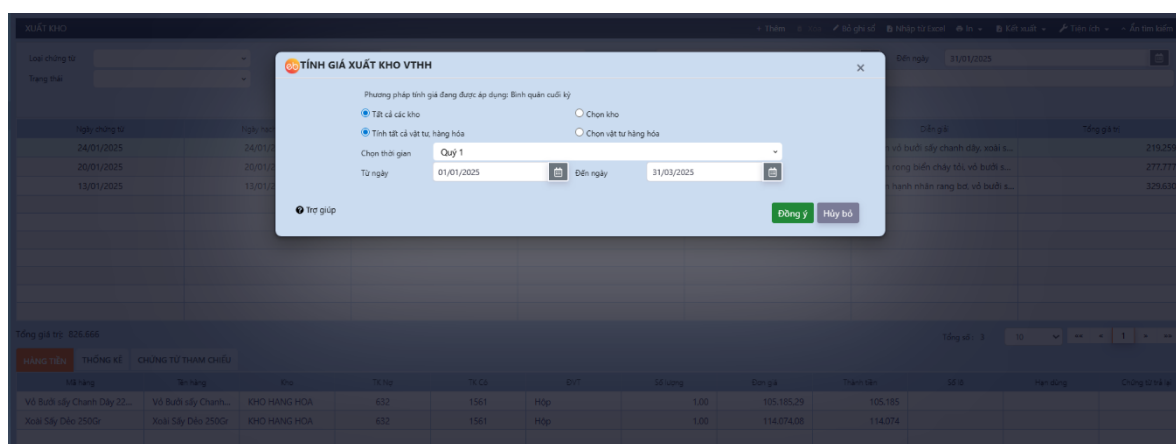
- Đối với giá vốn hàng hóa, hàng hóa tại công ty chủ yếu là các mặt hàng tiêu dùng như bia, rượu, rong biển, coca... và một số sản phẩm phục vụ khách trên tàu. Giá vốn của các mặt hàng này được xác định chủ yếu theo giá mua thực tế, do công ty không phát sinh chi phí vận chuyển hoặc các chi phí thu mua liên quan.

+ Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ, nên tại thời điểm xuất kho trong tháng chưa cập nhật đơn giá và thành tiền, mà chỉ cập nhật số lượng hàng xuất lên phiếu xuất kho.

+ Cuối quý, kế toán tiến hành tính giá vốn trên phần mềm Easybook, sau khi hoàn thành việc tính giá vốn, giá vốn sẽ tự động cập nhật trên các chứng từ bán hàng sau đó chạy lên sổ nhật ký chung đồng thời qua sổ chi tiết và sau đó là qua sổ cái TK632.

❖ Công thức tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân cuối kỳ:

$$\text{Đơn giá xuất kho trong kỳ bình quân của 1 sản phẩm} = \frac{(\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ})}{(\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng tồn kho nhập trong kỳ})}$$



Hình 2.18. Giao diện màn hình phần mềm khi tính giá xuất kho hàng hóa

Sau khi tính giá xuất kho hàng hóa, phần mềm Easybook sẽ tự động cập nhật đơn giá vốn của hàng hóa bán ra trong tháng. Việc thực hiện tính giá xuất kho hàng hóa như trên khi hoàn thành thì số liệu sau tính toán sẽ tự động cập nhật lên sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 632 và lên báo cáo tài chính

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT.
- Sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 632, sổ chi tiết TK632

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng là tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

d. Nghiệp vụ cụ thể phát sinh tại doanh nghiệp

- Nghiệp vụ 1: Giá vốn dịch vụ nghiệp vụ 1, hóa đơn GTGT số 2 ngày 22/04/2025
- Nghiệp vụ 2: Giá vốn hàng hóa nghiệp vụ 2, hóa đơn GTGT số 25 ngày 08/02/2025

❖ Nghiệp vụ 1: Giá vốn dịch vụ nghiệp vụ 1, hóa đơn GTGT số 2 ngày 22/04/2025

“Giá vốn dịch vụ tàu được xác định trên cơ sở toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động vận hành và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Các chi phí này cuối quý được tập hợp vào tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, sau đó tiến hành kết chuyển sang tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.”. Tổng giá vốn của Quý 2 được xác định là 659.374.763 đồng

Chứng từ nghiệp vụ khác									
Thông tin chung					Chứng từ				
Diễn giải					Số chứng từ				
Kết chuyển CPSX -> TK 154					NVK042/25				
					Ngày chứng từ				
					30/06/2025				
					Ngày hạch toán				
					30/06/2025				
					Loại tiền				
					VND				
					Tỷ giá				
					1,00				
Hàng tiền	Thuế	Thống kê	Chứng từ tham chiếu						
Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý	
Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	621	82.901.844	-	+	+	-	-	
Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	622	287.621.019	-	+	+	-	-	
Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6273	13.562.823	-	+	+	-	-	
Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6274	257.785.752	-	+	+	-	-	
Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6277	18.517.754	-	+	+	-	-	
Số đóng : 5			660.389.192						
Là chi phí mua hàng				Tổng tiền TT					
				660.389.192					
				660.389.192					

Hình 2.19. Tập hợp chi phí sang TK154

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Diễn giả: Kết chuyển giá vốn 154 -> 632

Chứng từ

Số chứng từ: NVK043/25
Ngày chứng từ: 30/06/2025
Ngày hạch toán: 30/06/2025
Loại tiền: VND Tỷ giá: 1,00

Hàng tiến THUẾ THÔNG KẾ CHỨNG TỬ THAM CHIẾU **Tham chiếu**

Diễn giả	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nhiệm vụ	Chi phí không hợp lý
Kết chuyển giá vốn 154 -> 632	632	154	659.374.763					
Số dòng : 1			659.374.763					

☐ Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT: 659.374.763 659.374.763

Hình 2.20. Giá vốn dịch vụ được hiển thị trên phần mềm sau khi hoàn thành

❖ Nghiệp vụ 2:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 25 (Nghiệp vụ 2 ngày 08/02/2025), Đơn giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân cuối kì, giá vốn được xác định là 277.777 đồng.

Xuất kho

Thông tin chung

Đối tượng: KHÁCH LÊ Người mua không lấy hóa đơn
Địa chỉ:
Người nhận: Nhân viên thực hiện:
Lý do xuất: Xuất bán xoài sấy dẻo, vỏ bưởi sấy chanh dây, rong biển cháy tỏi
Kiểm tra:

Chứng từ

Số chứng từ: XK005/25
Ngày chứng từ: 08/02/2025
Ngày hạch toán: 08/02/2025

Hàng tiến THÔNG KẾ CHỨNG TỬ THAM CHIẾU **Lập từ** **Tham chiếu**

Mã hàng	Tên hàng	Kho	TK Nợ	TK Có	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số 0	Hạn dùng	Chứng từ trả lại
Vỏ Bưởi sấy C...	Vỏ Bưởi sấy Chanh Dây 220Gr	KHO HANG H...	632	1561	Hộp	1,00	105.185,29	105.185			
Xoài Sấy Dẻo ...	Xoài Sấy Dẻo 250Gr	KHO HANG H...	632	1561	Hộp	1,00	114.074,08	114.074			
Rong Biển Ch...	Rong Biển Cháy Tỏi 100Gr	KHO HANG H...	632	1561	Túi	1,00	58.518,39	58.518			
Số dòng : 3						3,00		277.777			

Tổng giá trị: 277.777

Hình 2.21. Giá vốn của hàng hóa theo hóa đơn GTGT 25 ngày 08/02/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch
Đặng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà
Nẵng
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 08 tháng 02 năm 2025
Số: XK005/25

Nợ: 632
Có: 1561

- Họ tên người nhận hàng: Người mua không lấy hóa đơn
- Địa chỉ (bộ phận):
- Lý do xuất kho: Xuất bán xoài sấy dẻo, vỏ bưởi sấy chanh dây, rong biển cháy tỏi
- Xuất tại kho (ngăn lỗ): KHO HANG HOA Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vỏ Bưởi sấy Chanh Dây 220Gr	Vỏ Bưởi sấy Chanh Dây 220Gr	Hộp	1,00		105.185,29	105.185
2	Xoài Sấy Dẻo 250Gr	Xoài Sấy Dẻo 250Gr	Hộp	1,00		114.074,08	114.074
3	Rong Biển Cháy Tỏi 100Gr	Rong Biển Cháy Tỏi 100Gr	Túi	1,00		58.518,39	58.518
	Cộng						277.777

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.22. Phiếu xuất kho số XK005/25 - xuất kho bán hàng cho khách

❖ Sổ chi tiết TK632

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 632 ; Logi tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...					...		650.270.527		656.300.894	
20/01/2025	20/01/2025	XK002/25		Xuất bán rong biển chấy tỏi, vỏ bưởi sấy chanh dây, xoài sấy dẻo	632	1561	277.777		607.407	
24/01/2025	24/01/2025	XK003/25		Xuất bán vỏ bưởi sấy chanh dây, xoài sấy dẻo	632	1561	219.259		826.666	
08/02/2025	08/02/2025	XK005/25		Xuất bán xoài sấy dẻo, vỏ bưởi sấy chanh dây, rong biển chấy tỏi	632	1561	277.777		1.408.888	Nghịệp vụ 2
09/02/2025	09/02/2025	XK006/25		Xuất bán vỏ bưởi sấy chanh dây	632	1561	105.185		1.514.073	
06/03/2025	06/03/2025	XK009/25		Xuất bán mực xé sợi ăn liền	632	1561	177.778		2.110.372	
08/03/2025	08/03/2025	XK010/25		Xuất bán xoài sấy dẻo, mực xé sợi ăn liền	632	1561	405.926		2.516.298	
09/03/2025	09/03/2025	XK011/25		Xuất bán xoài sấy dẻo, mực xé sợi ăn liền	632	1561	291.852		2.808.150	
12/03/2025	12/03/2025	XK012/25		Xuất bán xoài sấy dẻo, mực xé sợi ăn liền	632	1561	202.963		3.011.113	
...										
24/03/2025	24/03/2025	XK015/25		Xuất bán rong biển chấy tỏi	632	1561	58.518		4.316.297	
25/03/2025	25/03/2025	XK016/25		Xuất bán rong biển chấy tỏi, xoài sấy dẻo	632	1561	231.111		4.547.408	
30/03/2025	30/03/2025	XK019/25		Xuất bán rong biển chấy tỏi, xoài sấy dẻo	632	1561	459.259		6.030.367	
...										
31/03/2025	31/03/2025	XK020/25		Xuất bán rong biển chấy tỏi, xoài sấy dẻo	632	1561	631.854		656.932.748	
10/04/2025	10/04/2025	XK021/25		Xuất bán Dasani, Cocacola, Quà dừa, Nước ép dừa	632	1561	1.246.578		658.179.326	
04/06/2025	04/06/2025	XK026/25		Xuất bán nước suối	632	1561	61.584		679.543.202	
30/06/2025	30/06/2025	NVK043/25		Kết chuyển giá vốn 154 -> 632	632	154	659.374.763		1.388.332.070	Nghịệp vụ 1
...										
31/07/2025	31/07/2025	XK036/25		Xuất kho nước uống cho HD 187	632	1561	178.560		178.560	
31/08/2025	31/08/2025	XK040/25		Xuất bia, nước suối, rượu vang HD 216	632	1561	478.780		657.340	
...										
				Cộng	632		3.060.018.679	3.060.018.679		
				Số dư cuối kỳ	632					
				Tổng cộng			3.060.018.679	3.060.018.679		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.23. Trích sổ chi tiết TK 632

❖ Sổ cái TK632

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kê toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				3.060.018.679	3.060.018.679
....								
20/01/2025	XK002/25	20/01/2025	Xuất bán rong biển cháy tỏi, vỏ bưởi sấy chanh dây, xoài sấy dẻo			1561	277.777	
24/01/2025	XK003/25	24/01/2025	Xuất bán vỏ bưởi sấy chanh dây, xoài sấy dẻo			1561	219.259	
03/02/2025	XK004/25	03/02/2025	Xuất bán hạnh nhân rang bơ, vỏ bưởi sấy chanh dây, mực xé sợi ăn liền			1561	304.445	
08/02/2025	XK005/25	08/02/2025	Xuất bán xoài sấy dẻo, vỏ bưởi sấy chanh dây, rong biển cháy tỏi			1561	277.777	Nghịệp vụ 2
09/02/2025	XK006/25	09/02/2025	Xuất bán vỏ bưởi sấy chanh dây			1561	105.185	
01/03/2025	XK007/25	01/03/2025	Xuất bán mực xé sợi ăn liền, hạnh nhân rang bơ			1561	199.260	
23/03/2025	XK014/25	23/03/2025	Xuất bán xoài sấy dẻo, rong biển cháy tỏi, mực xé sợi ăn liền,			1561	840.740	
24/03/2025	XK015/25	24/03/2025	Xuất bán rong biển cháy tỏi			1561	58.518	
30/03/2025	XK019/25	30/03/2025	Xuất bán rong biển cháy tỏi, xoài sấy dẻo			1561	459.259	
...								
31/03/2025	XK020/25	31/03/2025	Xuất bán rong biển cháy tỏi, xoài sấy dẻo			1561	631.854	
10/04/2025	XK021/25	10/04/2025	Xuất bán Dasani, Cocacola, Quả dừa, Nước ép dừa			1561	1.246.578	
...								
04/06/2025	XK026/25	04/06/2025	Xuất bán nước suối			1561	61.584	
30/06/2025	NVK043/25	30/06/2025	Kết chuyển giá vốn 154 -> 632			154	659.374.763	Nghịệp vụ 1
31/07/2025	XK036/25	31/07/2025	Xuất kho nước uống cho HD 187			1561	178.560	
31/08/2025	XK040/25	31/08/2025	Xuất bia, nước suối, rượu vang HD 216			1561	478.780	
22/09/2025	XK042/25	22/09/2025	Xuất kho bia cho HD 234			1561	228.087	
...								
			- Cộng số phát sinh				3.060.018.679	3.060.018.679
			- Cộng lũy kế				3.060.018.679	3.060.018.679
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi
sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán
trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.24. Trích sổ cái TK632

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

Năm 2025, Công ty Cổ Phần Aphrodite Sailing không phát sinh chi phí bán hàng (thuộc TK641)

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm tất cả các khoản phí phát sinh trong bộ phận quản lý doanh nghiệp như: chi phí, phí ngân hàng, chi phí tiền lương cho bộ phận quản lý, cước dịch vụ viễn thông, chi phí sử dụng điện, chi phí khấu hao CCDC...

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

Chứng từ: Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao, bảng lương, phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ,...

Sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6421, TK6423, TK6424, TK6425, TK6427

b. Tài khoản sử dụng:

◀ Tài khoản sử dụng là TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

◀ Tài khoản chi tiết:

- TK 6421 “Chi phí nhân viên quản lý”: Phản ánh lương, phụ cấp, bảo hiểm của bộ phận văn phòng
- TK 6423 “Chi phí đồ dùng văn phòng”: Phản ánh dụng cụ, đồ dùng văn phòng phục vụ công tác quản lý như kết sắt, máy tính xách tay....
- TK 6424 “Chi phí khấu hao tài TSCĐ”: Phản ánh chi phí khấu hao xe...
- TK 6425 “Thuế, phí và lệ phí”: Phản ánh thuế môn bài
- TK 6427 “Chi phí dịch vụ mua ngoài phản ánh chi phí như cước dịch vụ viễn thông, phí dịch vụ ngân hàng, phí trạm sạc...

c. Nghiệp vụ phát sinh thực tế tại đơn vị

- Nghiệp vụ 1: Ghi nhận chi phí tiền lương và bảo hiểm của bộ phận quản lý doanh nghiệp (TK6421)
- Nghiệp vụ 2: Ghi nhận chi phí phân bổ công cụ dụng cụ (TK6423)
- Nghiệp vụ 3: Ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định (TK6424)
- Nghiệp vụ 4: Ghi nhận chi phí thuế môn bài phải nộp (TK6425)
- Nghiệp vụ 5: Ghi nhận chi phí dịch vụ mua ngoài (TK6427)

Nghiệp vụ 1: Ghi nhận chi phí tiền lương và bảo hiểm của bộ phận quản lý doanh nghiệp (TK 6421)

Ngày 30/06/2025 đơn vị hạch toán chi phí lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp. Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp bao gồm lương phải trả cho nhân viên (TK 334) và các khoản trích theo lương được tính vào chi phí doanh nghiệp (23,5%) bao gồm:

Các khoản trích theo lương NLD và tài khoản hạch toán	Tính vào chi phí doanh nghiệp	Trừ vào lương NLD	Tổng trích
BHXXH – TK3383	17,5%	8%	25,5%
BHYYT – TK3384	3%	1,5%	4,5%
BHTN – TK3386	1%	1%	2%
Tổng	21,5%	10,5%	32%

Bảng 2.25. Bảng tóm tắt các khoản trích theo lương

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Tầng 5, Khu văn phòng, Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế: 0402096950

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 06

STT	MNV	Họ và tên	CV	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	TỔNG			
I. PHÒNG KINH DOANH																																					
1	276	Nguyễn Văn Uy Tín	Content		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	1,0	1,0	1,0				21,5			
2	2001	Lê Thế Dũng	Sale		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	0,5					19,5			
3	308	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Sale		1,0		1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	0,5			1,0															11,5			
4	322	Vô Thị Ngọc Vượng	Nhân viên chăm sóc khách hàng		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0		1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			0,5	1,0	1,0	0,5	1,0	1,0		1,0	22,0			
5	385	Trần Việt Thịnh	Sale		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0		1,0	0,5			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5			22,0			
6	373	Dương Thị Xuân Nhi	NV tạp vụ			0,5	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0				0,5	20,0			
7	367	Nguyễn Đăng Hên	Design		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0		1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	23,0			
8	370	Trần Viết Chính Nhân	Video Editor		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0					1,0	1,0	1,0	1,0					1,0	22,0		
9	207	Lê Thị Hoài Thành	Deputy MAR		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	23,0		
10	434	Chu Thị Ngọc	Deputy MAR		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0						1,0	1,0						17,0			
11	515	Phạm Thị Thanh Tâm	Design		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	23,0		
12	197	Lương Thảo Nguyễn	Content		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	0,5			1,0			1,0	1,0	1,0			0,5	22,0		
13	222	Phạm Minh Hiếu	Nhân viên chăm sóc khách hàng		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	22,0		
14	144	Huyền Thị Giang	Trưởng phòng		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0					1,0	22,0		
15	204	Huyền Ngọc Hải	NV tạp vụ		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	23,0		
16	194	Huyền Thị Cúc	NV tạp vụ		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	23,0		
II. BỘ PHẬN LAI TÀU																																					
17	11	Nguyễn Đức Trung	Thuyền trưởng		1,0	1,0		1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	0,5	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	1,0	1,0	0,5	0,5				18,5		
18	13	Nguyễn Văn Việt	Thuyền trưởng			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0		1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	22,0		
19	16	Trần Văn Dũng	NV Phục vụ		1,0	1,0	1,0	1,0		1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0						20,0			
20	17	Nguyễn Văn Lực	NV Phục vụ			1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0					1,0	0,5	1,0	0,5					0,5	16,5		
21	18	Nguyễn Văn Đầu	Thuyền trưởng		1,0	1,0		1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0				0,5	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	0,5					17,0			
22	19	Bùi Văn Nở	Phục vụ		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	0,5	1,0			1,0	1,0	1,0		1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	23,5		
23	22	Nguyễn Đức Hạnh	Thuyền thủ		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5		1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	1,0		1,0	1,0			1,0	1,0		1,0					16,5			
24	213	Mai Văn Phước	Thuyền thủ		0,5	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0					18,5			
25	217	Võ Minh Trí	Thuyền thủ		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0		1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	0,5				1,0	1,0	1,0						1,0	17,5		
IV. BỘ PHẬN KẾ TOÁN																																					
26	102	Lê Nguyễn Thị Diệu Mỹ	Kế toán tiền lương		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	23,0		
27	105	Đào Nguyễn Huyền Linh	Kế toán thuế		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0				1,0	1,0	1,0					17,0			
28	149	Dương Thị Xuân Nhi	Kế toán tương		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	22,0		
29	198	Châu Tô Phương Trinh	Kế toán doanh thu		1,0	1,0	1,0	1,0		1,0		1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0	1,0	1,0		1,0			1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0			1,0	22,0		
TỔNG CỘNG																																					
590,5																																					

Hình 2.26. Bảng chấm công

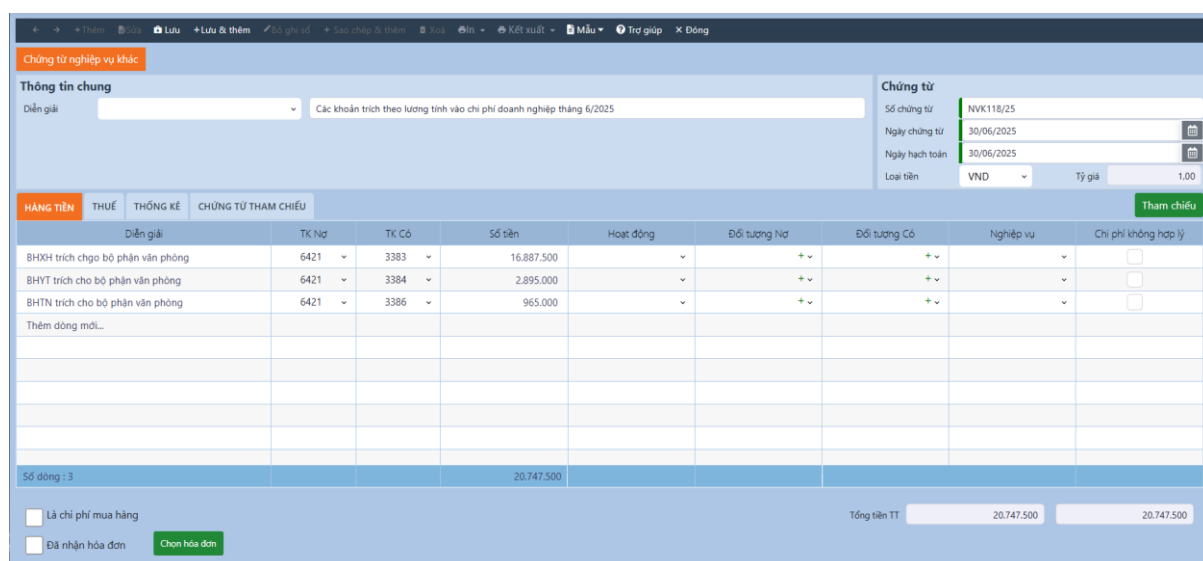
BẢNG TÍNH - THANH TOÁN L/C NG
Tháng 6 năm 2025

STT/MNV		Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công	Lương ngày công	KPI	Phụ cấp				Tổng lương được tính	Trích vào Chi phí Doanh nghiệp					Trích vào Lương nhân viên				Thu nhập thuế TNCN	TNCN	Tạm ứng	Thực hiện	
								Nhà ở	Bất động sản	Đã trả	Xăng xe		BRHX (7%)	BHT (3%)	BHTN (1%)	BHTID-BVN (0.5%)	Công	BRHX (8%)	BHT (4.5%)	BHTN (1%)	Công					
PHÒNG KINH DOANH																										
1	276	Nguyễn Văn Lý Tân	Content	5,000,000	21.5	4,300,000	16,000,000	8,000,000	3,820,000	11,235,000	6,735,000	129,420,000	77,000,000	13,690,000	2,310,000	770,000	385,000	16,555,000	6,160,000	1,155,000	770,000	8,085,000	0	0	0	121,335,000
2	200	Lê Thị Băng	Sale	4,300,000	19.5	3,510,000	0	500,000	390,000	975,000	365,000	5,990,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				5,467,500
3	308	Nguyễn Thanh Quỳnh	Sale	4,300,000	11.5	2,070,000	0	300,000		575,000	345,000	3,490,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				3,047,500
4	322	Võ Thị Ngọc Băng	Nhân viên chăm sóc khách	4,300,000	22.0	3,960,000	3,000,000	300,000	440,000	1,100,000	660,000	9,660,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				9,167,500
5	385	Trần Việt Thành	Sale	4,300,000	22.0	3,960,000	0	300,000		1,100,000	660,000	6,220,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				8,627,500
6	373	Dương Thị Xuân Ninh	NV tạp vụ	4,300,000	20.0	3,600,000	3,000,000	300,000	400,000	1,000,000	600,000	9,100,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				8,627,500
7	367	Nguyễn Băng Hà	Design	5,000,000	22.0	4,600,000	2,000,000	1,000,000	440,000	1,130,000	690,000	9,900,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,575,000
8	201	Trần Việt Chinh Minh	Video Editor	5,000,000	22.0	4,400,000	2,500,000	1,000,000	440,000	1,100,000	660,000	10,100,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,575,000
9	207	Lê Thị Hải Thanh	Design MARK	5,000,000	22.0	4,600,000	2,000,000	1,000,000	460,000	1,130,000	690,000	9,900,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,575,000
10	464	Châu Thị Ngọc	Design MARK	4,300,000	17.0	3,680,000	1,500,000	1,000,000	340,000	860,000	510,000	7,260,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				6,767,500
11	515	Phạm Thị Thanh Tâm	Design	6,000,000	22.0	5,520,000		300,000	460,000	1,130,000	690,000	8,320,000	6,000,000	1,020,000	180,000	60,000	30,000	1,290,000	490,000	90,000	60,000	630,000				7,690,000
12	197	Lương Thảo Nguyễn	Content	5,000,000	22.0	4,400,000	500,000	300,000	440,000	1,100,000	660,000	7,660,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				7,075,000
13	222	Phạm Minh Hải	Nhân viên chăm sóc khách	4,300,000	22.0	3,960,000	500,000	300,000	440,000	1,100,000	660,000	7,160,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				6,667,500
14	144	Nguyễn Thị Ngọc	Trung phòng	5,000,000	22.0	4,400,000	2,500,000	300,000	440,000	1,100,000	660,000	9,600,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,075,000
15	264	Nguyễn Ngọc Hải	NV tạp vụ	4,300,000	22.0	4,140,000	500,000	300,000	460,000	1,130,000	690,000	7,440,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				6,967,500
16	184	Nguyễn Thị Cúc	NV tạp vụ	5,000,000	22.0	4,600,000	2,000,000	300,000	460,000	1,130,000	690,000	8,360,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				7,735,000
L/C BỐ PHẠM LẠI TÀI																										
17	11	Nguyễn Đức Trung	Thuyền trưởng	5,000,000	18.5	3,700,000	2,500,000	1,300,000	370,000	925,000	555,000	9,590,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,025,000
18	13	Nguyễn Văn Việt	Thuyền trưởng	5,000,000	22.0	4,400,000	1,500,000	1,300,000	440,000	1,100,000	660,000	9,600,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,025,000
19	16	Trần Văn Dũng	NV Phụ vụ	5,000,000	22.0	4,000,000	2,000,000	1,300,000	400,000	1,000,000	600,000	9,500,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				8,925,000
20	17	Nguyễn Hải Lạc	NV Phụ vụ	5,000,000	18.5	3,300,000	3,000,000	1,300,000	330,000	825,000	495,000	9,450,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				8,925,000
21	18	Nguyễn Văn Dân	Thuyền trưởng	5,000,000	17.0	3,400,000	3,000,000	1,300,000	340,000	850,000	510,000	9,600,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,075,000
22	19	Bùi Văn Vũ	Phục vụ	5,000,000	22.5	4,700,000	1,000,000	1,300,000	470,000	1,175,000	765,000	9,590,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,025,000
23	22	Nguyễn Đức Thành	Thuyền thủ	5,000,000	18.5	3,300,000	3,000,000	1,300,000	330,000	825,000	495,000	9,450,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				8,925,000
24	213	Mai Văn Phước	Thuyền thủ	5,000,000	18.5	3,300,000	3,000,000	1,300,000	330,000	825,000	495,000	9,450,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,025,000
25	217	Võ Minh Trí	Thuyền thủ	4,300,000	17.5	3,130,000	3,000,000	1,300,000	350,000	875,000	525,000	9,400,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				8,927,500
L/C BỐ PHẠM KẾ TOÁN																										
26	102	Lê Nguyễn Thị Diệu Vy	Kế toán tài chính	5,000,000	22.0	4,600,000	0	1,000,000	460,000	1,130,000	690,000	7,900,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				7,725,000
27	105	Bùi Nguyễn Hoàng Linh	Kế toán thuế	5,000,000	17.0	3,400,000	1,000,000	1,000,000	340,000	860,000	510,000	7,010,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				6,725,000
28	149	Dương Thị Xuân Nhi	Kế toán lương	5,000,000	22.0	4,400,000	2,500,000	300,000	440,000	1,100,000	660,000	9,800,000	5,000,000	690,000	190,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	30,000	525,000				9,265,000
29	199	Châu Tô Phương Trinh	Kế toán doanh thu	4,300,000	22.0	3,960,000	1,000,000	300,000	440,000	1,100,000	660,000	7,660,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500				7,167,500
TỔNG CỘNG																										
				141,000,000	5,965	115,090,000	40,000,000	27,000,000	11,140,000	29,525,000	17,715,000	247,504,000	141,000,000	23,970,000	4,230,000	1,410,000	705,000	30,515,000	11,280,000	2,115,000	1,410,000	14,085,000	0	0	0	222,735,000

Người lập biểu

Hình 2.27. Bảng lương tháng 6/2025

- ❖ Xem bảng BHXH ở phụ lục 12
- ❖ Căn cứ bảng chấm công, bảng lương, hạch toán trên phần mềm Easybook như sau:
 - Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Kế toán Easybook
 - Bước 2: Vào phần “Tổng hợp” chọn “chứng từ nghiệp vụ khác”
 - Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như màn hình hiển thị: diễn giải, ngày hạch toán, số tiền, tài khoản nợ/có sau đó bấm “cất”. Sau khi bấm cất, thông tin sẽ tự động chạy lên sổ chi tiết TK6421, sổ cái TK 642 và sổ nhật ký chung



Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Diễn giải: Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK118/25

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Ngày hạch toán: 30/06/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Hàng tiền THUẾ THỐNG KÊ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU **Tham chiếu**

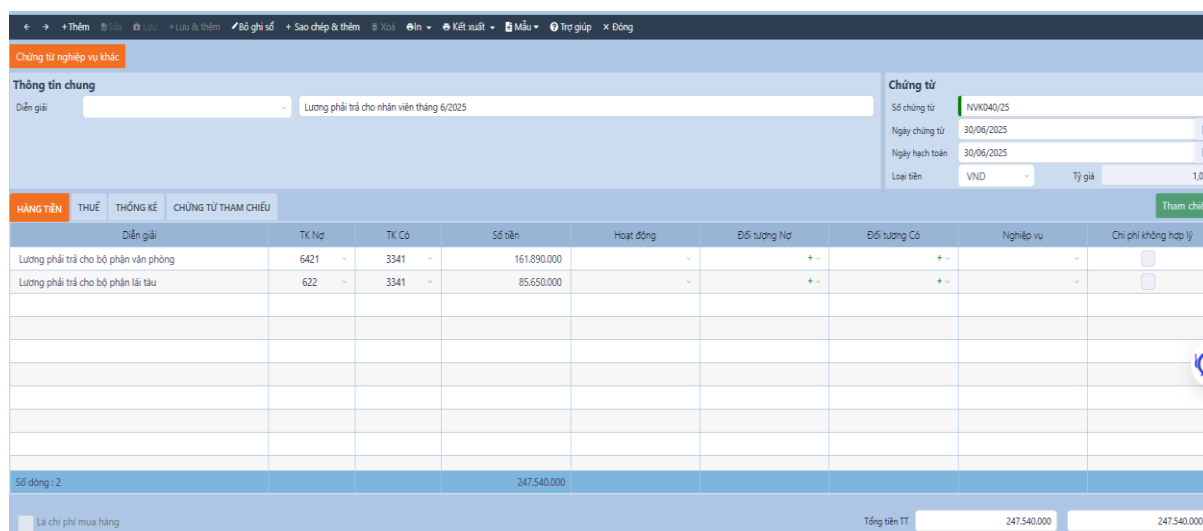
Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghị quyết	Chi phí không hợp lý
BHXH trích cho bộ phận văn phòng	6421	3383	16.887.500					☐
BHYT trích cho bộ phận văn phòng	6421	3384	2.895.000					☐
BHTN trích cho bộ phận văn phòng	6421	3386	965.000					☐
Thêm dòng mới...								
Số dòng: 3			20.747.500					

☐ Là chi phí mua hàng

☐ Đã nhận hóa đơn **Chọn hóa đơn**

Tổng tiền TT: 20.747.500 20.747.500

Hình 2.28. Sau khi hạch toán chi phí bảo hiểm của bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 06/2025



Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Diễn giải: Lương phải trả cho nhân viên tháng 6/2025

Chứng từ

Số chứng từ: NVK040/25

Ngày chứng từ: 30/06/2025

Ngày hạch toán: 30/06/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Hàng tiền THUẾ THỐNG KÊ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU **Tham chiếu**

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghị quyết	Chi phí không hợp lý
Lương phải trả cho bộ phận văn phòng	6421	3341	161.890.000					☐
Lương phải trả cho bộ phận lái tàu	622	3341	85.650.000					☐
Số dòng: 2			247.540.000					

☐ Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT: 247.540.000 247.540.000

Hình 2.29. Sau khi hạch toán chi phí lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 06/2025

❖ Trích sổ chi tiết TK6421

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6421 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/01/2025	31/01/2025	NVK003/25		Lương phải trả cho nhân viên tháng 1/2025	6421	3341	121.268.518		121.268.518	
....										
31/05/2025	31/05/2025	NVK032/25		Lương phải trả cho nhân viên tháng 5/2025	6421	3341	156.916.296		797.593.200	
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25		vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	6421	3383	16.887.500		814.480.700	
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25		vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	6421	3384	2.895.000		817.375.700	
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25		vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	6421	3386	965.000		818.340.700	
30/06/2025	30/06/2025	NVK040/25		Lương phải trả cho nhân viên tháng 6/2025	6421	3341	161.890.000		980.230.700	
....										
31/12/2025	31/12/2025	NVK081/25		vào chi phí doanh nghiệp tháng 12/2025	6421	3386	1.005.000		2.157.815.045	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6421	911		2.157.815.045		
				Cộng	6421		2.157.815.045	2.157.815.045		
				Số dư cuối kỳ	6421					
				Tổng cộng			2.157.815.045	2.157.815.045		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.30. Trích sổ chi tiết TK6421

Nhiệm vụ 2: Ghi nhận chi phí phân bổ công cụ dụng cụ (TK6423)

Ngày 30/04/2025 hạch toán phân bổ công cụ dụng cụ. Tổng công cụ dụng cụ phân bổ trong tháng 4 là 11.182.782 đồng, trong đó phân bổ công cụ dụng cụ có bộ phận quản lý doanh nghiệp là 8.176.270 đồng

Phân bổ công cụ dụng cụ				
Thông tin chung				
Diễn giải	Phân bổ CCDC tháng 4 năm 2025			
			Chứng từ	
			Số chứng từ	PBCC022/25
			Ngày chứng từ	30/04/2025
			Ngày hạch toán	30/04/2025
THỐNG KÊ	PHÂN BỐ	HẠCH TOÁN	CHỨNG TỪ THAM CHIẾU	Tham chiếu
Mã CCDC	Tên CCDC	Số tiền PB CCDC đang dùng	Giá trị còn lại của CCDC ghi giảm	Tổng số tiền phân bổ
ACQUY	Ắc quy N100Ah	339.506	0	339.506
ACQUY2025	12V_BATTERY	157.423	0	157.423
BACDANBOM	Bạc đạn BM0104358+Bom Bucleo Lườn Tự Động SFBP1-G750-06	526.235	0	526.235
BAN CAU DIEN	Bàn cầu điện tử American Standard WP-70DY	1.641.152	0	1.641.152
BO CHU LOGO INOX	Bộ chữ logo inox xước trắng	141.667	0	141.667
BOCAMERA	Bộ camera	410.417	0	410.417
BODAMCT	Bộ đàm cầm tay KBC PT186	383.333	0	383.333
CAU TREO TUONG	Cầu treo tường American Standard VF-3119B (Không nắp)	121.644	0	121.644
CAU TRUOT	Cầu trượt du thuyền kích thước 7.03m x 2.7m x 1.5m	811.250	0	811.250
CAU TRUOT	Cầu trượt du thuyền	811.250	0	811.250
Số dòng: 22		11.182.782	0	11.182.782

Hình 2.31. Hạch toán nghiệp vụ phân bổ CCDC tháng 4 trên phần mềm

BẢNG TÍNH PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ
Tháng 4 năm 2025

Mã CCDC	Tên CCDC	ĐVT	Số lượng còn lại	Số kỳ phân bổ	Số kỳ phân bổ còn lại	Giá trị CCDC	Phân bổ trong kỳ			Lũy kế đã PB	Giá trị còn lại	TK chờ phân bổ
							Đối tượng phân bổ	TK chi phí	Số tiền			
....												
BO CHU LOGO INOX	Bộ chữ logo inox xước trắng	Bộ	1,00	24	10	3.400.000	BP QLDN	6423	141.667	1.983.338	1.416.662	242
BO DAM CAM TAY.	Bộ đàm cầm tay KBC PT186	Bộ	4,00	12		4.600.000				4.600.000		242
....												
KETSATK30	Két sắt K30	Cái	1,00	12	2	2.600.000	BP QLDN	6423	216.667	2.166.670	433.330	242
LINHKIENMT	Linh kiện máy tính	Cái	1,00	24	12	10.390.000	BP QLDN	6423	432.917	5.195.004	5.194.996	242
....												
MAY HUT BUI	MÁY HÚT BỤI KHÔ & UỐT KARCHER, WD 3 S V-17/4/20 (YSY) *EU		1,00	12	1	2.718.182	BP QLDN	6423	226.515	2.491.665	226.517	242
MAY LOC NUOC 01	Máy lọc nước RO Karofi KAQ-C06	Cái	1,00	12		4.476.852				4.476.852		242
MAY TINH DELL.	Máy tính xách tay Dell 14 5430 i5	Cái	1,00	12	11	16.431.818	BP QLDN	6423	1.369.318	1.369.318	15.062.500	242
....												
Tổng cộng			46,00			258.558.621			8.176.270	126.684.864	131.873.757	

Bảng 2.32 . Bảng tính phân bổ CCDC tháng 4/2025

Mô tả quá trình nhập liệu chứng từ trên phần mềm Esybook để lên sổ chi tiết TK6423.

- Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm kế toán Esybook -> chọn mục “Công cụ dụng cụ” -> Chọn “ Phân bổ CCDC” -> Chọn quý/năm cần phân bổ CCDC
- Bước 2: Sau khi chọn quý/năm cần phân bổ CCDC, phần mềm sẽ tự động hiển thị những CCDC được phân bổ và số tiền phân bổ định kỳ, bấm “cất”.

❖ Trích sổ chi tiết TK6423

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
Năm 2025

Tài khoản: 6423 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
31/01/2025	31/01/2025	PBCC001/25		Phân bổ CCDC tháng 1 năm 2025	6423	242	5.919.578		5.919.578	
28/02/2025	28/02/2025	PBCC020/25		Phân bổ CCDC tháng 2 năm 2025	6423	242	7.556.830		13.476.408	
....										
30/04/2025	30/04/2025	PBCC022/25		Phân bổ CCDC tháng 4 năm 2025	6423	242	8.176.270		29.610.778	
31/05/2025	31/05/2025	PBCC023/25		Phân bổ CCDC tháng 5 năm 2025	6423	242	7.649.102		37.259.880	
....										
30/11/2025	30/11/2025	NVK114/25		Phân bổ chi phí trả trước tháng 11 năm 2025	6423	242	916.666		72.197.018	
....										
31/12/2025	31/12/2025	NVK115/25		Phân bổ chi phí trả trước tháng 12 năm 2025	6423	242	916.666		79.085.867	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6423	911		85.058.060		
				Cộng	6423		85.058.060	85.058.060		
				Số dư cuối kỳ	6423					
				Tổng cộng			85.058.060	85.058.060		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.33. Nghiệp vụ phân bổ Tổng chi phí CCDC tháng 4 dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp

Nghiệp vụ 3: Ghi nhận chi phí phân bổ Tài sản cố định (TK6424)

Ngày 31/01/2025 hạch toán phân bổ TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp với tổng số tiền là 18.216.288 đồng

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Giá trị tính KH	Thời gian SD (tháng)	Giá trị KH tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 12	Tổng cộng	Hao mòn lũy kế	Thời gian sử dụng còn lại (tháng)	Giá trị còn lại
VF9PLUSM6ACD1	Xe ô tô con (xe điện) nhãn hiệu VINFAST, số loại VF 9 PLUS M6ACD1	1.061.118.182	72,0	14.737.753	14.737.753	14.737.753		14.737.753	14.737.753	14.737.753	176.853.036	423.591.546	43,0	637.526.636
VINFAST 01	VINFAST VF 3 94KL03	250.454.545	72,0	3.478.535	3.478.535	3.478.535		3.478.535	3.478.535	3.478.535	41.742.420	52.873.732	56,0	197.580.813
Cộng		1.311.572.727		18.216.288	18.216.288							476.465.278		835.107.449

Hình 2.34. Hạch toán nghiệp vụ phân bổ khấu hao tài sản tháng 01/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 30, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402096930

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NĂM

Năm 2025

Loại TSCĐ: - Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Mã TSCĐ	Tên TSCĐ	Ngày bắt đầu tính KH	Giá trị tính KH	Thời gian SD (tháng)	Giá trị KH tháng	Giá trị khấu hao tháng						TỔNG CỘNG	Hao mòn lũy kế	Thời gian sử dụng còn lại (tháng)	Giá trị còn lại
						Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 12				
VF9PLUSM6ACD1	Xe ô tô con (xe điện) nhãn hiệu VINFAST, số loại VF 9 PLUS M6ACD1	09/08/2023	1.061.118.182	72,0	14.737.753	14.737.753	14.737.753		14.737.753	14.737.753	14.737.753	176.853.036	423.591.546	43,0	637.526.636
VINFAST 01	VINFAST VF 3 94KL03	25/09/2024	250.454.545	72,0	3.478.535	3.478.535	3.478.535		3.478.535	3.478.535	3.478.535	41.742.420	52.873.732	56,0	197.580.813
Cộng			1.311.572.727		18.216.288	18.216.288							476.465.278		835.107.449

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng)

Bảng 2.35. Trích bảng tính phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 01/2025

Mô tả quá trình nhập liệu chứng từ trên phần mềm Esybook để lên sổ chi tiết TK6424.

- Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm kế toán Esybook -> chọn mục “Tài sản cố định” -> Chọn “Phân bổ TSCĐ” -> Chọn tháng/năm cần phân bổ TSCĐ
- Bước 2: Sau khi chọn tháng/năm cần phân bổ TSCĐ, phần mềm sẽ tự động hiển thị những TSCĐ được phân bổ và số tiền phân bổ định kỳ, bấm “cất”.

❖ Trích sổ chi tiết TK 6424

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,

Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6424 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư Nợ	Dư Có
31/01/2025	31/01/2025	KHTS001/25		Khấu hao tài sản tháng 1 năm 2025	6424	2141	18.216.288		18.216.288	
28/02/2025	28/02/2025	KHTS002/25		Khấu hao tài sản tháng 2 năm 2025	6424	2141	18.216.288		36.432.576	
31/03/2025	31/03/2025	KHTS003/25		Khấu hao tài sản tháng 3 năm 2025	6424	2141	18.216.288		54.648.864	
30/04/2025	30/04/2025	KHTS004/25		Khấu hao tài sản tháng 4 năm 2025	6424	2141	18.216.288		72.865.152	
31/05/2025	31/05/2025	KHTS005/25		Khấu hao tài sản tháng 5 năm 2025	6424	2141	18.216.288		91.081.440	
...	...	...		...	...	...	...	...	...	...
				Cộng	6424		218.595.456	218.595.456		
				Số dư cuối kỳ	6424					
				Tổng cộng			218.595.456	218.595.456		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày:.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.36. Trích sổ chi tiết TK642

Nghiệp vụ 4: Ghi nhận chi phí thuế môn bài (TK6425)

Ngày 01/01/2025 Công ty Cổ Phần Aphrodite Sailing hạch toán Thuế môn bài phải nộp trong năm 2025 với tổng số tiền là 3.0000.000 đồng

❖ Cách hạch toán chi phí môn bài năm 2025 trên phần mềm Easybook:

➤ Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Kế toán Easybook

➤ Bước 2: Vào phần “Tổng hợp” chọn “chứng từ nghiệp vụ khác”

➤ Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như màn hình hiển thị: diễn giải, ngày hạch toán, số tiền, tài khoản nợ/có sau đó bấm “cất”. Sau khi bấm cất, thông tin sẽ tự động chạy lên sổ chi tiết TK6425, sổ cái TK 642 và sổ nhật ký chung

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Diễn giải

Thuế môn bài phải nộp năm 2025

Chứng từ

Số chứng từ

NV0001/25

Ngày chứng từ

01/01/2025

Ngày hạch toán

01/01/2025

Loại tiền

VND

Tỷ giá

1.00

Hàng tiền

THUẾ

THỐNG KÊ

CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Tham chiếu

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Hoạt động	Đối tượng Nợ	Đối tượng Có	Nghiệp vụ	Chi phí không hợp lý
Thuế môn bài phải nộp năm 2025	6425	3339	3.000.000					
Số dòng : 1			3.000.000					

Là chi phí mua hàng

Tổng tiền TT

3.000.000

3.000.000

Hình 2.37. Phần mềm sau khi hạch toán phí môn bài năm 2025

❖ Trích sổ chi tiết TK 6425

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6425 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư Nợ	Dư Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/25		Thuế môn bài phải nộp năm 2025	6425	3339	3.000.000		3.000.000	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6425	911		3.000.000		
				Cộng	6425		3.000.000	3.000.000		
				Số dư cuối kỳ	6425					
				Tổng cộng			3.000.000	3.000.000		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.38. Trích sổ chi tiết TK 6425

Nghiệp vụ 5: Ghi nhận chi phí dịch vụ mua ngoài (TK6427)

Ngày 28/01/2025 đơn vị mua cước dịch vụ thuê pin của Công ty TNHH KD TM&DV VinFast theo hóa đơn GTGT số 23349 ngày 28/01/2025, dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp với tổng số tiền là 833.333 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%)



Mẫu số 1
Ký hiệu: K2STAK
Số: 23349

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 01 năm 2025

Tên người bán: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINFAST
Mã số thuế: 0108926276
Địa chỉ: Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 1900232389
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế: 0402096950
Địa chỉ: ăng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam-Quận Hải Châu-Thành phố Đà Nẵng-Việt Nam
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TIỀN MẶT/CHUYỂN KHOẢN
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLNVBL9K2RH740165	Gói	1	833.333	0	8%	833.333

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	833.333	66.667

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	833.333
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	66.667
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	900.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Chín trăm nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH KINH
DOANH THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ VINFAST
Ký ngày: 2025-01-28 16:37:12

Hình 2.39. Hóa đơn giá trị gia tăng số 23349 ngày 28/01/2025

❖ Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 23349, kế toán tiến hành hạch toán trên phần mềm Easybook

- Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Easybook
- Bước 2: Vào phần “Đồng bộ hóa đơn từ thuế” chọn “hóa đơn mua và

➤ Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như: Thông tin nhà cung cấp, thông tin dịch vụ, số lượng, đơn giá, số hóa đơn,...Sau đó bấm “Lưu”

Chứng từ mua DV Hóa đơn Chưa thanh toán Thanh toán ngay

Thông tin chung

Số lượng: TMDV VINFAST CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINFAST

Địa chỉ: Số 7, Đường Bông Lãng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0108926276 Người liên hệ:

Diễn giải: Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLNVBL9K2RH740165 Hạn thanh toán:

Kiểm tra: Nhận viên thực hiện:

Chứng từ

Số chứng từ: MDV008/25

Ngày chứng từ: 28/01/2025

Ngày hạch toán: 28/01/2025

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

Hàng tiền THUẾ THỐNG KÊ CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK Ng	TK Có	ĐT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK	Tiền CK	Số đơn hàng
CUOC DV THUÊ P...	Gói cước dịch vụ thuê pin t...	6427	331	TMDV VINFAST	Gói	1.00	833.333.00	833.333	0.00	0	
Số dòng : 1											
Là chi phí mua hàng											
Đã nhận hóa đơn											
Chọn hóa đơn											
Tổng tiền DV: 833.333											
Tổng tiền CK: 0											
Tổng thuế GTGT: 66.667											
Tổng tiền TT: 900.000											

Hình 2.40. Đơn vị hạch toán nghiệp vụ trên phần mềm Easybook

❖ Trích sổ chi tiết TK6427

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 6427 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
01/01/2025	01/01/2025	MDV002/25	127431	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024	6427	331	272.727		545.454	
01/01/2025	01/01/2025	MDV003/25	127432	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024	6427	331	272.727		818.181	
05/01/2025	05/01/2025	UNC001/25	1578	Phí dịch vụ ngân hàng	6427	694629097777	244.825		1.063.006	
05/01/2025	05/01/2025	UNC002/25	1588	Phí dịch vụ ngân hàng	6427	694629097777	48.965		1.111.971	
27/01/2025	27/01/2025	UNC026/25	8791	Phí dịch vụ ngân hàng	6427	1121-VTB 694629097777	30.000		1.141.971	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
28/01/2025	28/01/2025	MDV008/25	23349	Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLNVBL9K2RH740165	6427	331	833.333		3.744.980	
28/01/2025	28/01/2025	MDV009/25	30062	Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	6427	331	3.340.741		7.085.721	
31/01/2025	31/01/2025	NVK104/25		Phân bổ chi phí trả trước tháng 1 năm 2025	6427	242	11.767.509		18.853.230	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6427	911		342.556.392		
				Cộng	6427		342.556.392	342.556.392		
				Số dư cuối kỳ	6427					
				Tổng cộng			342.556.392	342.556.392		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.41. Trích sổ chi tiết TK6427

❖ Trích sổ cái TK642

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				2.807.024.953	2.807.024.953
.....								
01/01/2025	MDV002/25	01/01/2025	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024			331	272.727	
01/01/2025	NVK001/25	01/01/2025	Thuế môn bài phải nộp năm 2025			3339	3.000.000	
05/01/2025	UNC001/25	05/01/2025	Phí dịch vụ ngân hàng			69462909777	244.825	
28/01/2025	MDV008/25	28/01/2025	Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLNVBL9K2RH740165			331	833.333	
28/01/2025	MDV009/25	28/01/2025	Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799			331	3.340.741	
31/01/2025	KHTS001/25	31/01/2025	Khấu hao tài sản tháng 1 năm 2025			2141	18.216.288	
31/01/2025	NVK003/25	31/01/2025	Lương phải trả cho nhân viên tháng 1/2025			3341	121.268.518	
.....								
30/04/2025	PBCC022/25	30/04/2025	Phân bổ CCDC tháng 4 năm 2025			242	8.176.270	
29/06/2025	UNC241/25	29/06/2025	Phí dịch vụ ngân hàng			1121-VTB 69462909777	462.875	
30/06/2025	KHTS006/25	30/06/2025	Khấu hao tài sản tháng 6 năm 2025			2141	18.216.288	
.....								
30/06/2025	NVK039/25	30/06/2025	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025			3384	2.895.000	
30/06/2025	NVK039/25	30/06/2025	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025			3386	965.000	
30/06/2025	NVK040/25	30/06/2025	Lương phải trả cho nhân viên tháng 6/2025			3341	161.890.000	
31/12/2025	UNC548/25	31/12/2025	Phí dịch vụ ngân hàng			69462909777	143.325	
			- Cộng số phát sinh				2.807.024.953	2.807.024.953
			- Cộng lũy kế				2.807.024.953	2.807.024.953
			- Số dư cuối kỳ					

Nghiệp vụ 4

Nghiệp vụ 5

Nghiệp vụ 3

Nghiệp vụ 2

Nghiệp vụ 1

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi
sổ

Kế toán
trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.42. Trích sổ cái TK642

2.2.2.4. *Kế toán chi phí tài chính*

a. Đặc điểm kế toán chi phí tài chính tại Công ty Cổ Phần Aphrodite

Năm 2025, do phát sinh các khoản vay nên công ty có ghi nhận chi phí lãi vay vào tài khoản 635

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Ủy nhiệm chi, Sổ phụ ngân hàng, Giấy báo nợ
- Sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 635, Sổ chi tiết TK635.

c. Tài khoản sử dụng

TK635 - Chi phí tài chính

d. Minh họa nghiệp vụ

Ngày 22/09/2025 Công ty Cổ Phần Aphrodite đã trả lãi cho ngân hàng VietinBank (VTB) với số tiền lãi 164.716.763 đồng. Công ty đã chuyển khoản trả tiền lãi.



Mẫu số 1
Ký hiệu: K2STBB
Số: 114780

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 22 tháng 09 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN

Mã số thuế: 0100111948-097

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CONG TY CP APHRODITE SAILING

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0402096950

Mã ĐVQHVNSNN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1								KCT	164.716.763

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
-----------	---------------------	----------------

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	164.716.763
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	0
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	164.716.763
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu với lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.43. Hóa đơn GTGT

1.Thông tin chi tiết tài khoản/ Account detail

Công ty/Company name: CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Số tài khoản/ Account No: 684629897777
Loại tài khoản/Account type: Tài khoản thanh toán
Loại tiền tệ/Currency: VND
Số dư hiện tại/Account Balance:
Số dư khả dụng/ Available Balance:
Số dư đầu kỳ/Opening Balance:
Số dư cuối kỳ/Closing Balance:
hu kỳ yêu cầu/From date- to date: 2025-09-01 - 2025-09-30
Tổng giá trị ghi có/ Total credits: 0
Total number of credit: 25

Tổng giá trị ghi nợ/ Total debits: 0
Total number of 62

2.Chỉ tiết lịch sử giao dịch/ Transaction history detail

STT/No.	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có / Credit	Số dư TK/ Account Balance	Số giao dịch/ Transaction number	Tên tài khoản đối ứng/ Corresponive name
1	...	...	...	...	...	...	...
2	28-09-2025 04:30:47	VAT	3.500,00	0,00	161.984.864,00	1500	
3	28-09-2025 04:30:47	Trợ cấp duy trì dịch vụ 09/2025	35.000,00	0,00	161.988.364,00	1499	
19	22-09-2025 23:18:34	Trả nợ TK vay 804006962206, số tiền 11694571 VND	11.694.571,00	0,00	1.000.000,00	1483	
20	22-09-2025 23:18:22	Trả nợ TK vay 805007020955, số tiền 9018493 VND	9.018.493,00	0,00	12.694.571,00	1482	
21	22-09-2025 23:18:11	Trả nợ TK vay 800007333495, số tiền 81912329 VND	81.912.329,00	0,00	21.713.064,00	1481	
22	22-09-2025 23:17:39	Trả nợ TK vay 806006962204, số tiền 8048836 VND	8.048.836,00	0,00	103.625.393,00	1480	
23	22-09-2025 23:16:54	Trả nợ TK vay 804007325433, số tiền 45654657 VND	45.654.657,00	0,00	111.674.229,00	1479	
24	22-09-2025 23:16:51	Trả nợ TK vay 808007006909, số tiền 8387877 VND	8.387.877,00	0,00	157.328.886,00	1478	
87	...	...	...	...	...	...	...

Từ ngày 21/03/2025, VietinBank thực hiện cập nhật lại báo cáo sao kê, trong đó bổ sung trường thông tin Ngày phát sinh giao dịch.
From 21/03/2025, Vietinbank will update its statement report, adding the Transaction Date field.

164.716.763

Hình 2.44. Sao kê ngân hàng về trả lãi vay ngân hàng tháng 9/2025

❖ Căn cứ vào sao kê ngân hàng và giấy nộp tiền, kế toán tiền hành hạch toán trên phần mềm Easybook về nghiệp vụ trả lãi vay ngân hàng năm 2025

➤ Bước 1. Đăng nhập vào phần mềm Easybook

➤ Bước 2: Chọn “Đồng bộ hóa đơn từ Thuế” Chọn mục “Hóa đơn mua vào”

➤ Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin như: thông tin dịch vụ, số lượng, đơn giá, số hóa đơn,...Sau đó bấm “Lưu”

⇒ Sau khi “cất” số liệu sẽ tự động cập nhật lên sổ cái TK635, và sổ nhật ký chung.

Chứng từ mua DV Ủy nhiệm chi Hóa đơn Chưa thanh toán Thanh toán ngày Ủy nhiệm chi Ủy nhiệm chi Lập kèm HĐ 1 hóa đơn

Thông tin chung

Đối tượng: VIETINBANK NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NGŨ HÀNH SƠN

Địa chỉ:

Mã số thuế: 0100111949-097 Người liên hệ:

Diễn giải: Lãi vay Hạn thanh toán:

Kiểm tra: Nhân viên thực hiện:

CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	TK Nợ	TK Có	ĐT hạch toán	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ GT	Tiền GT	Tiền CT	Số đơn hàng
LAI VAY	Lãi vay	635	1121-VTB 694629...	VIETINBANK			0,00	0,00		164.716.763	0,00	0

Số dòng: 1 164.716.763

☐ Là chi phí mua hàng Tổng tiền DV 164.716.763 164.716.763 Tổng thuế GTGT 0 0

☐ Đã nhận hóa đơn Chọn hóa đơn Tổng tiền CK 0 0 Tổng tiền TT 164.716.763 164.716.763

Hình 2.45. Đơn vị hạch toán nghiệp vụ trả lãi vay

❖ Trích sổ chi tiết TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 635 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
...	...	...	...	...	...	...	...			
21/04/2025	21/04/2025	UNC145/25	40207	Lãi vay	635	1121-VTB 694629097777	110.676.986		150.319.521	
20/05/2025	20/05/2025	UNC192/25	53008	Lãi vay	635	1121-VTB 694629097777	109.488.903		259.808.424	
22/09/2025	22/09/2025	UNC403/25	114780	Lãi vay	635	1121-VTB 694629097777	164.716.763		394.107.245	
23/09/2025	23/09/2025	UNC406/25	115199	Lãi vay	635	1121-VTB 694629097777	3.124.575		397.231.820	
...	...	...	...	...	...	...	...			
22/12/2025	22/12/2025	UNC537/25	150058	Lãi vay	635	1121-VTB 694629097777	35.410.091		954.902.383	
23/12/2025	23/12/2025	UNC538/25	150496	Lãi vay	635	1121-VTB 694629097777	19.838.000		974.740.383	
25/12/2025	25/12/2025	UNC540/25	151252	Lãi vay	635	1121-VTB 694629097777	182.243.187		1.156.983.570	
				Cộng	635		1.533.640.763	1.533.640.763		
				Số dư cuối kỳ	635					
				Tổng cộng			1.533.640.763	1.533.640.763		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.46. Trích sổ chi tiết TK 635

❖ Trích sổ cái TK635

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng,
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 635-Chi phí tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				1.533.640.763	1.533.640.763
....								
20/08/2025	UNC350/25	20/08/2025	Lãi vay			1121-VTB 694629097777	19.733.889	
23/08/2025	UNC355/25	23/08/2025	Lãi vay			1121-VTB 694629097777	6.300	
22/09/2025	UNC403/25	22/09/2025	Lãi vay			1121-VTB 694629097777	164.716.763	
23/09/2025	UNC406/25	23/09/2025	Lãi vay			1121-VTB 694629097777	3.124.575	
...								
26/09/2025	UNC408/25	26/09/2025	Lãi vay			1121-VTB 694629097777	79.583.033	
20/10/2025	UNC454/25	20/10/2025	Lãi vay			1121-VTB 694629097777	31.208.879	
26/11/2025	UNC501/25	26/11/2025	Lãi vay			1121-VTB 694629097777	218.637.569	
25/12/2025	UNC540/25	25/12/2025	Lãi vay			1121-VTB 694629097777	182.243.187	
....								
			- Cộng số phát sinh				1.533.640.763	1.533.640.763
			- Cộng lũy kế				1.533.640.763	1.533.640.763
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi
sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán
trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.47. Trích sổ cái TK635

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác

a. Đặc điểm kế toán chi phí khác tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

Năm 2025, Doanh nghiệp phát sinh Chi phí khác, khoản này chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng chi phí của doanh nghiệp chủ yếu là tiền chậm nộp thuế và điều chỉnh số dư công nợ.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Chứng từ kế toán: Phiếu chi, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.
- Sổ kế toán:
 - Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 811, Sổ chi tiết TK811.

c. Tài khoản sử dụng

- TK 811 – Chi phí khác

d. Minh họa nghiệp vụ

Nghiệp vụ : Ngày 09/10/2025 doanh nghiệp nhận thông báo của Thuế Thành Phố Đà Nẵng về khoản chậm nộp thuế TNCN. Đến ngày 25/11/2025 Công ty đã nộp số tiền, và nhận được sao kê của ngân hàng Viettinbank về các giao dịch phát sinh trong tháng 11/2025. Trong đó có giao dịch ngày 25/11, doanh nghiệp chi tiền nộp chậm thuế TNCN năm 2025 với số tiền là 3.654 đồng. Dựa vào sao kê ngân hàng và giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, kế toán tiến hành hạch toán trên phần mềm Easybook

CỤC THUẾ
THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Số: 6127 /TB-DAN-KDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Tiền thuế nợ

Cơ quan thuế thông báo đến: CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Mã số thuế: 0402096950
Địa chỉ nhận thông báo: Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng

Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING chưa nộp đủ số tiền thuế nợ như sau:

1. Tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là 23.636 đồng. Cụ thể như sau:
- Số tiền thuế và các khoản thu khác tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 là: 20.000 đồng;

- Số tiền chậm nộp tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 là: 3.636 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: 3.636 đồng).

Trong đó số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 09 năm 2025 là: 3.636 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh từ ngày 01 tháng 09 năm 2025 đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 là: đồng;

- Số tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 09 năm 2025 đến ngày 30 tháng 09 năm 2025 là: 3.636 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: 3.636 đồng);

2. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 20.000 đồng.

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ: 190 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng

Bộ phận liên hệ: Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp số 2

Số điện thoại: 0236.3827072; 0236.3823556./.

Nơi nhận:

- CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, Phòng QLDN2.

TUQ. TRƯỞNG THUẾ THÀNH PHỐ
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ,
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP SỐ 2



Trần Văn Ninh

Hình 2.48. Thông báo

- ❖ Sao kê ngày 25/11/2025 xem tại phụ lục 15
- ❖ Thông báo xác nhận trạng thái giao dịch xem ở phụ lục 14
- ❖ Bảng kê tổng hợp số tiền nợ thuế xem ở phụ lục 13
- ❖ Căn cứ vào sao kê ngân hàng và giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, kế toán tiền hành hạch toán trên phần mềm Easybook về nghiệp vụ chi trả tiền chậm nộp thuế môn bài năm 2025
- ◀ Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm Easybook, chọn mục “Kế toán”
- ◀ Bước 2: Chọn “tiền gửi”, chọn “chi tiền” và tiến hành nhập đầy đủ thông tin hiển thị trên màn hình như: ngày hạch toán, tài khoản chi, đối tượng nội dung thanh toán, và nhập đúng số tiền như chứng từ.

- ◀ Bước 3: Bấm “cất” sau đó số liệu sẽ tự động chạy lên sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK811 và sau đó là sổ cái TK811

[illegible]

Hình 2.49. Hạch toán nghiệp vụ chi tiền TNCN năm 2025

❖ Trích sổ chi tiết TK811

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 811 : Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
12/03/2025	12/03/2025	UNC098/25		Chăm nóp thuế môn bài	811	1121-VTB 694629097777	6.300		6.300	
04/06/2025	04/06/2025	NVK034/25		Xử lý chênh lệch công nợ Công ty Totobooking	811	131	90		6.390	
18/06/2025	18/06/2025	NVK037/25		Xử lý chênh lệch	811	131	120		6.510	
****	****	****		****	****	****	****	****		
30/09/2025	30/09/2025	NVK103/25		Thuế GTGT quý 3 không được khấu trừ tính vào CP	811	1331	3.615.519		15.913.370	
30/10/2025	30/10/2025	NVK065/25		Chăm tiền BH	811	3388	312.273		16.225.643	
25/11/2025	25/11/2025	UNC495/25		Chăm nóp thuế thu nhập cá nhân	811	1121-VTB 694629097777	3.654		16.229.297	
25/11/2025	25/11/2025	UNC496/25		Chăm nóp thuế thu nhập doanh nghiệp	811	1121-VTB 694629097777	2.925.832		19.155.129	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày	811	911		19.155.129		
				Cộng	811		19.155.129	19.155.129		
				Số dư cuối kỳ	811					
				Tài cáo			19.155.129	19.155.129		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên
đóng dấu)

Hình 2.50. Trích sổ chi tiết TK 811

❖ Trích sổ cái TK811

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S03b-DN

BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 811-Chi phí khác

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				19.155.129	19.155.129
...		...						
04/06/2025	NVK034/25	04/06/2025	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty Totobooking			131	90	
18/06/2025	NVK037/25	18/06/2025	Xử lý chênh lệch			131	120	
30/06/2025	NVK116/25	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			911		6.510
01/08/2025	BC188/25	01/08/2025	Nộp thuế TNDN, và tiền chậm nộp			1121-VTB 694629097777		
...	...	...						
30/10/2025	NVK065/25	30/10/2025	Chậm tiền BH			3388	312.273	
25/11/2025	UNC495/25	25/11/2025	Chậm nộp thuế thu nhập cá nhân			1121-VTB 694629097777	3.654	
...		...						
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		19.148.619
			- Cộng số phát sinh				19.155.129	19.155.129
			- Cộng lũy kế				19.155.129	19.155.129
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi
sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán
trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đóng dấu)

Hình 2.51. Trích sổ cái TK 811

2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Trong năm 2025, mặc dù Công ty kinh doanh thua lỗ với số tiền 1.051.353.410 đồng, doanh nghiệp vẫn phát sinh nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 3.094.442 đồng.

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Tờ khai thuế TNDN mẫu số 03/TNDN

b. Tài khoản sử dụng

- TK 821: Chi phí thuế TNDN

c. Minh họa nghiệp vụ

Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi năm 2013, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 17%. Quy định này được áp dụng từ ngày 01/01/2016.

Năm 2025, lợi nhuận kế toán trước thuế của doanh nghiệp (1.051.353.410) đồng

Công thức tính thuế TNDN phải nộp:

Thuế TNDN phải nộp = (Thu nhập tính thuế - phần trích quỹ KHCB) X Thuế suất
Mà:

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - [Thu nhập được miễn thuế + các khoản
lỗ được kết chuyển theo quy định]

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng LNKT trước thuế TNDN + Điều chỉnh tăng tổng
lợi nhuận trước thuế TNDN - Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế
TNDN
= (1.051.353.410) + 1.069.556.010
= 18.202.600

Thu nhập tính thuế = 18.202.600 - 0
= 18.202.600

⇒ Thu nhập tính thuế năm 2025 của doanh nghiệp là 18.202.600 nên thuế TNDN
phải nộp năm 2025 của doanh nghiệp bằng 3.094.442

❖ Sau khi hạch toán đúng và đủ trên phần mềm, kế toán tiến hành vào phần mềm

⇒ Chọn báo cáo => Chọn khoản mục thuế => Chọn quyết toán thuế thu nhập doanh
nghiệp năm => Chọn năm 2025 => Sau đó bấm “cất” số liệu sẽ tự động cập nhật lên
tờ khai thuế TNDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: 079 - Hoạt động của các đại lý lữ hành, kinh doanh tua du lịch và hoạt động liên quan đến du lịch khác

[05] Tỷ lệ (%): 98,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

[07] Mã số thuế: 0402096950

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(1.051.353.410)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	1.069.556.010
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	1.069.556.010
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	18.202.600
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	18.202.600
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	18.202.600
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0

Hình 2.52. Tờ khai kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($C3=C3a+C3b$)	C3	0
	Trong đó:		

3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	18.202.600
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	18.202.600
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	18.202.600
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 17\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	3.094.442
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	3.094.442
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	3.094.442
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	3.094.442
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0

Hình 2.53. Tờ khai kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0

2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	3.094.442
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	3.094.442
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	3.094.442
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGUYỄN THANH TÂM

Hình 2.54. Tờ khai kê toán thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối quý, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản loại 5, 6, 7, 8 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty. Công ty sử dụng phần mềm kế toán Easybook nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối quý bằng bút toán khóa sổ trên phần mềm. Các bút toán sẽ tự động kết chuyển trên phần mềm. Sau đó, dữ liệu sẽ được kết xuất sang sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK911, sổ tài khoản 911.

❖ Kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu chi phí trên phần mềm như sau:

◀ Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm kế toán Easybook, chọn mục “Tổng hợp”

◀ Bước 2: Sau đó chọn “kết chuyển lãi lỗ”, rồi “thêm kết chuyển lãi lỗ”, chọn thời gian kết chuyển, sau đó bấm “cất”. Sau khi bấm cất, dữ liệu sẽ tự động cập nhật lên sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết TK911, sổ cái TK911.

Kết chuyển tài lỗ

Thông tin chung

Diễn giải

Kết chuyển tài lỗ đến ngày 31/12/2025

Chứng từ

Số chứng từ

NVK117/25

Ngày chứng từ

31/12/2025

Ngày hạch toán

31/12/2025

HÀNG TIỀN

CHỨNG TỪ THAM CHIẾU

Tham chiếu

Diễn giải	TK Nợ		TK Có		Số tiền
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	-	632	-	3.060.018.679
Kết chuyển chi phí tài chính	911	-	635	-	1.533.640.763
Kết chuyển chi phí quản lý	911	-	6421	-	2.157.815.045
Kết chuyển chi phí quản lý	911	-	6423	-	85.058.872
Kết chuyển chi phí quản lý	911	-	6424	-	218.595.536
Kết chuyển chi phí quản lý	911	-	6425	-	3.000.000
Kết chuyển chi phí quản lý	911	-	6427	-	342.556.392
Kết chuyển chi phí khác	911	-	811	-	19.155.129
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	-	82111	-	3.094.442
Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa - dịch vụ	5111	-	911	-	115.091.000
Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa - dịch vụ	5113	-	911	-	6.249.911.906
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	-	911	-	1.624.283
Kết chuyển doanh thu khác	711	-	911	-	1.858.763
Kết chuyển lỗ	4212	-	911	-	1.054.447.852
Số dòng : 14					14.845.867.932

Số tiền

14.845.867.932

Hình 2.55. Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025 trên phần mềm

Nghiệp vụ: Ngày 31/12/2025 Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing tập hợp được số liệu của năm 2025 như sau:

Kế toán sẽ tiến hành tổng hợp doanh thu và các chi phí phát sinh trong kỳ để xác định số thuế TNDN:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 6.365.003.068
- Các khoản giảm trừ doanh thu : 0
- Doanh thu hoạt động tài chính : 1.624.283
- Chi phí tài chính : 1.533.640.763
- Chi phí bán hàng : 0
- Chi phí quản lý doanh nghiệp : 2.807.024.953
- Thu nhập khác : 1.858.763
- Chi phí khác : 19.155.129

❖ Xác định kết quả sản xuất kinh doanh

◀ Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là:

$$\begin{aligned}
 &= \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\
 &= 6.365.003.068 - 0 \\
 &= 6.365.003.068
 \end{aligned}$$

◀ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là:

$$\begin{aligned}
&= \text{Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} \\
&= 6.365.003.068 - 3.060.018.679 \\
&= 3.304.984.389
\end{aligned}$$

◀ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là:

$$\begin{aligned}
&= \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + (\text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}) - (\text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí QLDN}) \\
&= 3.304.984.389 + (1.624.283 - 1.533.640.763) - (0 + 2.807.024.953) \\
&= (1.034.057.044)
\end{aligned}$$

◀ Lợi nhuận khác:

$$\begin{aligned}
&= \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác} \\
&= 1.858.763 - 19.155.129 \\
&= (17.296.366)
\end{aligned}$$

◀ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:

$$\begin{aligned}
&= \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác} \\
&= (1.034.157.044) + (17.296.366) \\
&= (1.051.453.410)
\end{aligned}$$

◀ Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế:

$$\begin{aligned}
&= \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN hiện hành} - \text{Chi phí thuế TNDN hoãn lại} \\
&= (1.051.453.410) - 3.094.442 \\
&= (1.054.447.852)
\end{aligned}$$

❖ Trích sổ chi tiết TK911

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 911 ; Loại tiền: VND

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Số hóa đơn	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Dư Nợ	Dư Có
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212		1.054.447.852		1.054.447.852
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111		115.091.162		1.169.539.014
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5113		6.249.911.906		7.419.450.920
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515		1.624.283		7.421.075.203
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	632	3.060.018.679			4.361.056.524
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	635	1.533.640.763			2.827.415.761
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6421	2.157.815.045			669.600.716
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6423	85.058.060			584.542.656
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6424	218.595.456			365.947.200
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6425	3.000.000			362.947.200
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6427	342.556.392			20.390.808
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	711		1.858.763		22.249.571
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	811	19.155.129			3.094.442
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25		Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	82111	3.094.442			
				Cộng	911		7.422.933.966	7.422.933.966		
				Số dư cuối kỳ	911					
				Tổng cộng			7.422.933.966	7.422.933.966		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...
- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ
tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên,
đồng dấu)

Hình 2.56. Trích sô chi tiết TK911

❖ Trích sổ cái TK911

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I,
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 911-Xác định kết quả kinh doanh

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số phát sinh trong kỳ				7.422.933.966	7.422.933.966
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			632	3.060.018.679	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			635	1.533.640.763	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6421	2.157.815.045	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6423	85.058.060	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6424	218.595.456	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6425	3.000.000	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6427	342.556.392	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			811	19.155.129	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			82111	3.094.442	
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212		1.054.447.852
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		115.091.162
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5113		6.249.911.906
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		1.624.283
31/12/2025	NVK117/25	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			711		1.858.763
			- Cộng số phát sinh				7.422.933.966	7.422.933.966
			- Cộng lũy kế				7.422.933.966	7.422.933.966
			- Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

**Người ghi
sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

Hình 2.57. Trích sổ cái TK911

CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

Sau quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing được tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại công ty, em đã có cơ hội để áp dụng kiến thức được các thầy cô giáo truyền đạt ở trường. Trong quá trình thực tập, em nhận thấy được nhiều điểm nội trội về công tác quản lý và công tác kế toán tại công ty, bên cạnh đó cũng có một vài khuyết điểm nên em xin phép được đóng góp một số ý kiến thảo luận. Do hạn chế về hiểu biết cũng như thời gian nên những nhận xét dưới đây còn chưa đầy đủ và toàn vẹn. Em mong rằng những đóng góp này có thể góp phần tốt hơn cho công tác kế toán của đơn vị. Dưới đây là một vài ưu điểm, hạn chế và ý kiến đóng góp của em.

3.1.1. Ưu điểm

- Về đội ngũ nhân viên kế toán của công ty: Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết và có đạo đức với nghề, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và năng động với công việc đặc biệt là rất tận tình và hòa đồng và giúp đỡ sinh viên thực tập trong những bước đầu chập chững bước vào nghề, tạo điều kiện giúp sinh viên được vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Các kế toán đều có chuyên môn nghiệp vụ vững chắc, thích nghi và nắm bắt nhanh với công việc.
- Về hạch toán ban đầu: Các chứng từ cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng mẫu của Bộ Tài Chính quy định. Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kế toán ghi chép một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời vào sổ sách kế toán. Các chứng từ đều có xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ sách kế toán sau này
- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Các tài khoản công ty sử dụng phù hợp với chế độ kế toán hiện hành theo quy định của Bộ tài chính, hệ thống tài khoản được lập đầy đủ.
- Về hình thức kế toán: Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi và dễ áp dụng. Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và sổ chi tiết để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Về công tác kế toán doanh thu: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Công ty áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán nên khi phát sinh nghiệp vụ, kế toán nhập số liệu vào máy ở các phần hành thích hợp.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán: Công ty sử dụng phần mềm kế toán Easybook theo thông tư 200, phần mềm này rất dễ sử dụng, không quá phức tạp phù hợp với doanh nghiệp lớn như Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing. Phần mềm kế toán Easybook theo thông tư 200, giúp cho khối lượng công việc của kế toán được giảm nhẹ và xử lý số liệu được chính xác, dễ theo dõi hơn.

3.1.2. Hạn chế

❖ **Kênh bán hàng:** Hoạt động bán hàng còn mang tính truyền thống

Hiện nay, hoạt động bán vé của Công ty chủ yếu được thực hiện thông qua đội ngũ nhân viên kinh doanh trực tiếp, trong khi hình thức bán vé qua các sàn thương mại điện tử và kênh bán hàng trực tuyến chưa được chú trọng và khai thác hiệu quả. Việc phụ thuộc nhiều vào phương thức bán hàng truyền thống không chỉ làm hạn chế khả năng tiếp cận khách hàng mới mà còn khiến doanh thu phụ thuộc lớn vào năng lực cá nhân của nhân viên bán hàng. Đồng thời, công tác tổng hợp thông tin bán hàng từ nhiều nhân viên sale còn mang tính thủ công, gây khó khăn cho việc kiểm soát doanh thu, đối soát số liệu và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

❖ **Hàng hóa và các trải nghiệm:** Trải nghiệm dịch vụ dành cho khách hàng còn đơn điệu

Về hàng hóa và các dịch vụ đi kèm, cơ cấu kinh doanh của công ty còn bộc lộ một số hạn chế. Cụ thể, danh mục hàng hóa chủ yếu là các sản phẩm đồ ăn nhanh, trong khi các dịch vụ đi kèm còn ít và chưa được tổ chức một cách bài bản. Hạn chế này dẫn đến doanh thu của công ty phụ thuộc nhiều vào một nhóm hàng hóa nhất định, làm giảm khả năng phân bổ và ổn định nguồn thu. Đồng thời, việc thiếu các dịch vụ gia tăng cũng ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác doanh thu trên mỗi khách hàng, chưa phát huy hết tiềm năng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ **Công tác ghi nhận và phân loại doanh thu, chi phí**

▪ **Tài khoản 521_ Chiết khấu thương mại:** Chưa phản ánh riêng TK 521

Mặc dù Công ty có áp dụng chính sách chiết khấu trong hoạt động bán vé và nội dung chiết khấu đã được thể hiện trực tiếp trên hóa đơn giá trị gia tăng, tuy nhiên Công ty chưa thực hiện theo dõi, hạch toán riêng khoản chiết khấu thương mại trên tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu.

▪ **Tài khoản 641_ Chi phí bán hàng:** Chưa phân loại đúng chi phí bán hàng

Một trong những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán chi phí tại doanh nghiệp là việc các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận kinh doanh chưa được theo dõi và hạch toán vào tài khoản 641 – Chi phí bán hàng, mà đang được ghi nhận chung vào tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Việc hạch toán như trên chưa phản ánh đúng bản chất kinh tế của từng khoản chi phí phát sinh, đồng thời làm giảm mức độ chính xác trong công tác phân loại chi phí theo chức năng hoạt động. Điều này dẫn đến số liệu về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chưa được trình bày hợp lý, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí từng bộ phận cũng như xây dựng các chính sách quản trị phù hợp.

▪ **Tài khoản 811_Chi phí khác:** Chưa ghi nhận phù hợp và kịp thời

Công ty đã nhận được thông báo tiền chậm nộp thuế từ cơ quan thuế nhưng kế toán chưa thực hiện ghi nhận khoản phải trả và chi phí tương ứng tại thời điểm phát sinh, mà chỉ hạch toán khi thực tế nộp tiền. Đồng thời, khoản chi phí này chưa được theo dõi và hạch toán riêng một cách phù hợp. Việc này làm cho chi phí và nghĩa vụ thuế chưa được phản ánh đúng kỳ kế toán, ảnh hưởng đến tính chính xác và kịp thời của thông tin kế toán cung cấp.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing

❖ **Mở rộng kênh bán hàng**

Trong bối cảnh thời đại số và sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, công ty cần có giải pháp mở rộng kênh bán vé nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng doanh thu

Cụ thể, công ty nên triển khai bán vé du lịch trên các nền tảng trực tuyến và sàn thương mại điện tử, như xây dựng website bán vé riêng, fanpage, ứng dụng đặt vé hoặc hợp tác với các nền tảng du lịch trực tuyến. Việc đa dạng hóa kênh bán hàng giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin chuyến đi, lựa chọn lịch trình và thực hiện thanh toán nhanh chóng, từ đó nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Bên cạnh đó, công ty cần mở rộng hệ thống phân phối thông qua các đại lý du lịch, ký kết hợp đồng hợp tác với các đơn vị trung gian. Để đảm bảo hiệu quả quản lý, công ty nên xây dựng chính sách giá và chiết khấu rõ ràng cho từng đại lý, đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm, quyền lợi của các bên tham gia trong quá trình bán vé. Việc mở rộng kênh bán vé không chỉ giúp công ty gia tăng lượng khách hàng, mở rộng thị trường, mà còn góp phần ổn định doanh thu, giảm sự phụ thuộc vào kênh bán hàng truyền thống, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Aphrodite SaiLing.

❖ **Hàng hóa và các trải nghiệm**

Nhằm đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh doanh, công ty có thể mở rộng thêm các mặt hàng và dịch vụ đi kèm. Cụ thể, bên cạnh hoạt động bán vé du lịch là nguồn doanh thu chủ yếu, doanh nghiệp có thể triển khai kinh doanh các sản

phẩm lưu niệm đặc trưng, các mặt hàng ăn uống chế biến sẵn phục vụ khách du lịch, qua đó gia tăng doanh thu phát sinh trong suốt quá trình phục vụ khách hàng. Đồng thời, công ty có thể tổ chức thêm các dịch vụ trải nghiệm đi kèm nhằm nâng cao giá trị chuyến đi và tăng sức hấp dẫn đối với du khách, như chương trình ca nhạc, biểu diễn nghệ thuật, hoạt động giao lưu văn hóa hoặc các trò chơi giải trí trên tàu. Ngoài ra, tại những điểm đến phù hợp, doanh nghiệp có thể kết hợp tổ chức các hoạt động tham quan và trải nghiệm thực tế như dừng chân để khách bơi lội, lặn ngắm san hô, chèo thuyền, câu cá hoặc khám phá cảnh quan thiên nhiên. Việc kết hợp hài hòa giữa dịch vụ vận chuyển, tham quan và giải trí không chỉ giúp nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng mà còn góp phần gia tăng doanh thu, nâng cao năng lực cạnh tranh và xây dựng hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp cho doanh nghiệp.

❖ **Hoàn thiện việc phản ánh chi phí theo đúng bản chất kinh tế**

▪ **Tài khoản 521_ Chiết khấu thương mại**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 2 ngày 22/04/2025 trang 47

Hiện tại	Đề xuất
Công ty không sử dụng TK 521	Thêm TK 521
- Bút toán hạch toán + <i>Hạch toán doanh thu</i> - Nợ TK 131 : 31.450.000 - Có TK 33311 : 2.516.000 - Có TK 5113 : 33.966.000	- Bút toán hạch toán điều chỉnh + <i>Hạch toán doanh thu</i> - Nợ TK 131 : 39.960.000 - Có TK 33311 : 2.960.000 - Có TK 5113 : 37.000.000 + <i>Hạch toán chiết khấu thương mại</i> - Nợ TK 521 : 5.550.000 - Nợ TK 3331 : 444.000 - Có TK 131 : 5.994.000 + <i>Cuối kì</i> - Nợ TK 5113 : 5.994.000 - Có TK 521: 5.994.000

Việc mở và sử dụng TK 521 giúp kế toán phản ánh rõ ràng doanh thu bán vé du lịch theo giá bán chưa giảm trừ và tách biệt các khoản chiết khấu phát sinh trong kỳ. Qua đó, doanh thu thuần được xác định chính xác hơn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu, kiểm tra và phân tích hiệu quả chính sách chiết khấu mà công ty đang áp dụng.

▪ **Tài khoản 641_ Chi phí bán hàng**

Căn cứ vào bảng chấm công và bảng lương trang 70

Em đã thực hiện điều chỉnh lại việc phân bổ chi phí tiền lương theo từng bộ phận nhằm phản ánh đúng chức năng và nhiệm vụ của người lao động. Theo đó, các nhân viên thuộc bộ phận Sale Container... được tách riêng và hạch toán vào chi phí bán hàng (TK 641) do trực tiếp tham gia hoạt động kinh doanh. Riêng các nhân viên phục vụ vẫn được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) như trước đây để phù hợp với tính chất công việc và cơ cấu tổ chức của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Tầng 5, Khu văn phòng, Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế: 0402096950

BẢNG TÍNH - THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 06 năm 2025

Ngày công chuẩn:		25																					
STT	MNV	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công	Lương ngày công	KPI	Phụ cấp				Tổng lương thực tế	Lương đóng BHXH	Trích vào Chi phí Doanh nghiệp					Trích vào Lương nhân viên				
			01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
				48.500.000	278,5	39.580.000	13.880.000	7.500.000	3.420.000	10.225.000	6.135.000	104.620.000	63.000.000	10.710.000	1.890.000	630.000	315.000	13.545.000	5.040.000	945.000	6.815.000	525.000	
1	276	Nguyễn Văn Uy Tín	Content	5.000.000	21,5	4.200.000	2.000.000	1.000.000	430.000	1.075.000	645.000	9.420.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
2	200U	Lê Thế Dũng	Sale	4.500.000	19,5	3.510.000	0	500.000	390.000	975.000	585.000	5.960.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
3	308	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Sale	4.500.000	11,5	2.070.000	0	500.000	375.000	575.000	345.000	3.460.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
4	322	Vũ Thị Ngọc Vững	Nhân viên chăm sóc khách	4.500.000	22,0	3.960.000	3.000.000	500.000	440.000	1.100.000	660.000	9.660.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
5	385	Trần Việt Thịnh	Sale	4.500.000	22,0	3.960.000	0	500.000	440.000	1.100.000	660.000	6.220.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
6	367	Nguyễn Đăng Hên	Design	5.000.000	23,0	4.600.000	2.000.000	1.000.000	460.000	1.150.000	690.000	9.900.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
7	370	Trần Việt Chinh Nhân	Video Editor	5.000.000	22,0	4.400.000	2.500.000	1.000.000	440.000	1.100.000	660.000	10.100.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
8	287	Lê Thị Hoài Thịnh	Deputy MAR	5.000.000	23,0	4.600.000	2.000.000	1.000.000	460.000	1.150.000	690.000	9.900.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
9	434	Châu Thị Ngọc	Deputy MAR	4.500.000	17,0	3.060.000	1.500.000	1.000.000	340.000	850.000	510.000	7.260.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
10	515	Phạm Thị Thanh Tâm	Design	6.000.000	23,0	5.520.000	0	500.000	460.000	1.150.000	690.000	8.320.000	6.000.000	1.020.000	180.000	60.000	30.000	1.290.000	480.000	90.000	60.000	630.000	
11	197	Lương Thảo Nguyên	Content	5.000.000	22,0	4.400.000	500.000	500.000	440.000	1.100.000	660.000	7.600.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
12	222	Phạm Minh Hiếu	Nhân viên chăm sóc khách	4.500.000	22,0	3.960.000	500.000	500.000	440.000	1.100.000	660.000	7.160.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
13	144	Huyền Thị Giang	Trưởng phòng	5.000.000	22,0	4.400.000	2.500.000	500.000	440.000	1.100.000	660.000	9.600.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
		II. BỘ PHẬN LẠI TÀI		44.500.000	170	33.650.000	21.500.000	13.500.000	3.400.000	8.500.000	5.100.000	85.650.000	44.500.000	7.565.000	1.335.000	445.000	222.500	9.567.500	3.560.000	667.500	445.000	4.672.500	
14	11	Nguyễn Đức Trung	Thuyền trưởng	5.000.000	18,5	3.700.000	2.500.000	1.500.000	370.000	925.000	555.000	9.550.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
15	13	Nguyễn Văn Việt	Thuyền trưởng	5.000.000	22,0	4.400.000	1.500.000	1.500.000	440.000	1.100.000	660.000	9.600.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
16	16	Trần Văn Dũng	NV Phục vụ	5.000.000	20,0	4.000.000	2.000.000	1.500.000	400.000	1.000.000	600.000	9.500.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
17	17	Nguyễn Văn Lạc	NV Phục vụ	5.000.000	16,5	3.300.000	3.000.000	1.500.000	330.000	825.000	495.000	9.420.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
18	18	Nguyễn Văn Dâu	Thuyền trưởng	5.000.000	17,0	3.400.000	3.000.000	1.500.000	340.000	850.000	510.000	9.600.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
19	19	Bùi Văn No	Phục vụ	5.000.000	23,5	4.700.000	1.000.000	1.500.000	470.000	1.175.000	705.000	9.550.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
20	22	Nguyễn Đức Hạnh	Thủy thủ	5.000.000	16,5	3.300.000	3.000.000	1.500.000	330.000	825.000	495.000	9.420.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
21	213	Mai Văn Phước	Thủy thủ	5.000.000	18,5	3.700.000	2.500.000	1.500.000	370.000	925.000	555.000	9.550.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
22	217	Trần Minh Tuấn	Thủy thủ	4.500.000	17,5	3.150.000	3.000.000	1.500.000	320.000	875.000	525.000	9.500.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
		III. BỘ PHẬN KẾ TOÁN		19.250.000	84	16.350.000	4.500.000	3.000.000	1.600.000	4.200.000	2.520.000	32.470.000	19.250.000	3.315.000	585.000	195.000	97.500	4.192.500	1.560.000	292.500	195.000	2.047.500	
23	102	Lê Nguyễn Thị Diệu My	Kế toán tiền lương	5.000.000	23,0	4.600.000	0	1.000.000	460.000	1.150.000	690.000	7.900.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
24	105	Đào Nguyễn Huyền Linh	Kế toán thuế	5.000.000	17,0	3.400.000	1.000.000	1.000.000	340.000	850.000	510.000	7.100.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
25	149	Đương Thị Xuân Nhi	Kế toán trưởng	5.000.000	22,0	4.400.000	2.500.000	500.000	440.000	1.100.000	660.000	9.810.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
26	198	Châu Tô Phương Trinh	Kế toán doanh thu	4.500.000	22,0	3.960.000	1.000.000	500.000	440.000	1.100.000	660.000	7.660.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
		IV. BỘ PHẬN TẬP VU		14.000.000	66	12.340.000	5.500.000	1.500.000	1.320.000	3.300.000	1.980.000	24.800.000	14.000.000	2.380.000	420.000	140.000	70.000	3.010.000	1.120.000	210.000	140.000	1.470.000	
27	204	Nguyễn Ngọc Hải	NV tập vụ	4.500.000	23,0	4.140.000	500.000	500.000	460.000	1.150.000	690.000	7.440.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
28	373	Đương Thị Xuân Nhi	NV tập vụ	4.500.000	20,0	3.600.000	3.000.000	500.000	400.000	1.000.000	600.000	9.100.000	4.500.000	765.000	135.000	45.000	22.500	967.500	360.000	67.500	45.000	472.500	
29	194	Huyền Thị Ngọc	NV tập vụ	5.000.000	23,0	4.600.000	2.000.000	500.000	460.000	1.150.000	690.000	8.250.000	5.000.000	850.000	150.000	50.000	25.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	
		TỔNG CỘNG		127.800.000	524,5	102.750.000	42.500.000	25.500.000	9.820.000	26.225.000	15.735.000	222.740.000	127.800.000	23.970.000	4.230.000	1.410.000	705.000	30.315.000	11.280.000	2.115.000	1.410.000	14.085.000	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

<i>Hiện tại</i>	<i>Đề xuất</i>
Công ty đang gộp chung vào TK 642	Nên tách riêng TK 641
+ Bút toán hạch toán trích lương cho bộ bán hàng	+ Bút toán hạch toán trích lương cho bộ phận kinh doanh
Nợ TK 642 : 104.620.000	Nợ TK 641 : 104.620.000
Có TK 334 : 104.620.000	Có TK 334 : 104.620.000
+ Các khoản trích BHXH vào chi phí bộ phận kinh doanh	+ Các khoản trích BHXH vào chi phí bộ phận kinh doanh
Nợ TK 642 : 13.545.000	Nợ TK 641 : 13.545.000
Có TK 3383 : 11.340.000	Có TK 3383 : 11.340.000
Có TK 3384 : 1.890.000	Có TK 3384 : 1.890.000
Có TK 3386 : 630.000	Có TK 3386 : 630.000

Doanh nghiệp cần thực hiện phân loại và hạch toán chi phí tiền lương theo đúng chức năng hoạt động của từng bộ phận. Cụ thể, các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên thuộc bộ phận kinh doanh cần được theo dõi riêng và ghi nhận vào tài khoản 641 – Chi phí bán hàng, thay vì hạch toán chung vào tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp như hiện nay

▪ **Tài khoản 811_Chi phí khác**

<i>Hiện tại</i>	<i>Đề xuất</i>
• Công ty hạch toán theo cơ sở tiền • Ghi nhận toàn bộ vào 811	• Nên hạch toán theo cơ sở dồn tích
+ Bút toán Nợ TK 811 : 3.654 Có TK 112 : 3.654	+ Khi nhận được thông báo bị phạt chậm nộp thuế vào ngày 30/09/2025 Nợ TK 811 : 3.636 Có TK 3339 : 3.636 + Khi thanh toán số tiền bị chậm nộp vào ngày 25/11/2025 Nợ TK 3339 : 3.636 Nợ TK 642 : 18 Có TK 112 : 3.654

- Kế toán cần thực hiện ghi nhận khoản tiền chậm nộp thuế ngay khi nhận được thông báo của cơ quan thuế nhằm đảm bảo phản ánh đầy đủ nghĩa vụ phải trả và chi phí phát sinh theo đúng nguyên tắc kế toán dồn tích và nguyên tắc phù hợp.
- Hiện nay, doanh nghiệp đang ghi nhận toàn bộ số tiền bị trừ trên sao kê ngân hàng vào TK 811 – Chi phí khác, bao gồm cả phí giao dịch ngân hàng. Việc hạch toán này chưa phản ánh đúng bản chất từng khoản chi phí. Theo đó, khoản tiền chậm nộp thuế cần được ghi nhận vào TK 811, còn phí ngân hàng nên được hạch toán riêng vào chi phí quản lý doanh nghiệp hoặc chi phí tài chính

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những nội dung cốt lõi của hệ thống kế toán doanh nghiệp, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp thông tin tài chính trung thực, khách quan và kịp thời. Thông qua đó, doanh nghiệp có thể đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời làm cơ sở quan trọng cho việc hoạch định chiến lược, kiểm soát chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế ngày càng biến động.

Trong quá trình thực tập và nghiên cứu thực tế tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing, em đã có điều kiện gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, từ đó hiểu rõ hơn về cách thức tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí tại doanh nghiệp. Việc tiếp cận trực tiếp với hệ thống chứng từ, sổ sách và số liệu thực tế đã giúp em có cái nhìn toàn diện hơn, đồng thời nhận diện được những ưu điểm trong công tác kế toán mà công ty đang duy trì, cũng như những hạn chế còn tồn tại cần được xem xét, hoàn thiện.

Trên cơ sở đó, em đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Những đề xuất này hướng đến việc hoàn thiện quy trình hạch toán, nâng cao tính minh bạch thông tin và hỗ trợ hiệu quả hơn cho công tác quản lý tài chính trong điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp.

Mặc dù đã nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và thực hiện, song do hạn chế về thời gian, kinh nghiệm thực tiễn cũng như trình độ chuyên môn còn đang trong quá trình hoàn thiện, bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến quý báu từ quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn cả về nội dung lẫn hình thức.

Cuối cùng, em xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Ban Giám đốc cùng toàn thể anh/chị tại Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực tập. Đồng thời, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến T.S Lê Thị Cẩm Giang tận tình hướng dẫn, định hướng và đồng hành cùng em trong quá trình thực hiện khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tư 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành 22/12/2014
- Giáo trình thuế và báo cáo thuế của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Các chứng từ kế toán và sổ sách kế toán của Công ty Cổ Phần Aphrodite SaiLing
- Các bài khóa luận tốt nghiệp tại thư viện Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuẩn mực kế toán số 14: Doanh thu và thu nhập khác
- Chuẩn mực kế toán số 01: Chuẩn mực kế toán chung

*Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026***MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI****Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm**

Tôi, Nguyễn Thị Minh Trâm, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**
ChatGPT
- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):
Chỉnh sửa nội dung, lời văn
- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**
Chương 2, các lời văn mở đầu nghiệp vụ
- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.**
 - ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.

- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký:

Ngày:

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. SỔ NHẬT KÝ CHUNG NĂM 2025	106
PHỤ LỤC 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	109
PHỤ LỤC 3. MẪU HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ	110
PHỤ LỤC 4. QUY ĐỊNH CHUNG.....	111
PHỤ LỤC 5. BẢNG GIÁ DỊCH VỤ	112
PHỤ LỤC 6. QUY ĐỊNH VỀ CÁC KHOẢN PHỤ THU	113
PHỤ LỤC 7. QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH TRẢ THUỜNG.....	114
PHỤ LỤC 8. PHIẾU THU.....	115
PHỤ LỤC 9. GIẤY BÁO CÓ.....	116
PHỤ LỤC 10. SAO KÊ NGÂN HÀNG	117
PHỤ LỤC 11. SAO KÊ NGÂN HÀNG	118
PHỤ LỤC 12. CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN	119
PHỤ LỤC 13. BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN NỢ THUẾ	120
PHỤ LỤC 14.THÔNG BÁO XÁC NHẬN TRẠNG THÁI GIAO DỊCH.....	121
PHỤ LỤC 15. SAO KÊ NGÂN HÀNG	122

PHỤ LỤC 1.
SỔ NHẬT KÝ CHUNG NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
			Số lũy kế kỳ trước chuyển sang			54.735.279.497	54.735.279.497
01/01/2025	01/01/2025	MDV001/25	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024	6427	331	272.727	
01/01/2025	01/01/2025	MDV001/25	Cước dịch vụ Viễn thông-Công nghệ thông tin tháng 12 năm 2024	331	6427		272.727
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/25	Thuế môn bài phải nộp năm 2025	6425	3339	3.000.000	
01/01/2025	01/01/2025	NVK001/25	Thuế môn bài phải nộp năm 2025	3339	6425		3.000.000
01/01/2025	01/01/2025	PC001/25	Chi tiền mặt thanh toán cho trung tâm	331	1111	900.000	
01/01/2025	01/01/2025	PC001/25	Chi tiền mặt thanh toán cho trung tâm	1111	331		900.000
28/01/2025	28/01/2025	MDV007/25	Phí dịch vụ trạm sạc tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	6427	331	1.769.676	
28/01/2025	28/01/2025	MDV007/25	Phí dịch vụ trạm sạc tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	331	6427		1.769.676
28/01/2025	28/01/2025	MDV007/25	Phí dịch vụ trạm sạc tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	1331	331	141.576	
28/01/2025	28/01/2025	MDV007/25	Phí dịch vụ trạm sạc tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	331	1331		141.576
28/01/2025	28/01/2025	MDV008/25	Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLNVBL9K2RH740165	6427	331	833.333	
28/01/2025	28/01/2025	MDV008/25	Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLNVBL9K2RH740165	331	6427		833.333
28/01/2025	28/01/2025	MDV008/25	Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLNVBL9K2RH740165	1331	331	66.667	
28/01/2025	28/01/2025	MDV008/25	Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 1 năm 2025 cho số khung xe RLNVBL9K2RH740165	331	1331		66.667
31/01/2025	31/01/2025	KHTS001/25	Khấu hao tài sản tháng 1 năm 2025	6274	2141	84.261.917	
31/01/2025	31/01/2025	KHTS001/25	Khấu hao tài sản tháng 1 năm 2025	2141	6274		84.261.917
31/01/2025	31/01/2025	KHTS001/25	Khấu hao tài sản tháng 1 năm 2025	6424	2141	18.216.288	
31/01/2025	31/01/2025	KHTS001/25	Khấu hao tài sản tháng 1 năm 2025	2141	6424		18.216.288
31/01/2025	31/01/2025	PBCC001/25	Phân bổ CCDC tháng 1 năm 2025	6423	242	5.919.578	
31/01/2025	31/01/2025	PBCC001/25	Phân bổ CCDC tháng 1 năm 2025	242	6423		5.919.578
08/02/2025	08/02/2025	BH026/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	131	5113	5.918.519	
08/02/2025	08/02/2025	BH026/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5113	131		5.918.519
08/02/2025	08/02/2025	BH026/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	131	5111	606.482	
08/02/2025	08/02/2025	BH026/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5111	131		606.482
08/02/2025	08/02/2025	BH026/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	131	33311	521.999	
08/02/2025	08/02/2025	BH026/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	33311	131		521.999
08/02/2025	08/02/2025	XK005/25	Xuất bán xoài sấy dẻo, vô bưởi sấy chanh dây, rong biển cháy tỏi	632	1561	277.777	
08/02/2025	08/02/2025	XK005/25	Xuất bán xoài sấy dẻo, vô bưởi sấy chanh dây, rong biển cháy tỏi	1561	632		277.777
09/02/2025	09/02/2025	BH027/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	131	5113	7.398.148	
09/02/2025	09/02/2025	BH027/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5113	131		7.398.148
09/02/2025	09/02/2025	BH027/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	131	5111	217.593	
09/02/2025	09/02/2025	BH027/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	5111	131		217.593
09/02/2025	09/02/2025	BH027/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	131	33311	609.259	
09/02/2025	09/02/2025	BH027/25	Bán dịch vụ vé tàu và dịch vụ ăn uống	33311	131		609.259
22/04/2025	22/04/2025	BH106/25	Bán vé Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	131	5113	31.450.000	
22/04/2025	22/04/2025	BH106/25	Bán vé Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	5113	131		31.450.000
22/04/2025	22/04/2025	BH106/25	Bán vé Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	131	33311	2.516.000	
22/04/2025	22/04/2025	BH106/25	Bán vé Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	33311	131		2.516.000
22/04/2025	22/04/2025	PC043/25	Chi tiền mặt thanh toán cho công ty	331	1111	3.948.000	
22/04/2025	22/04/2025	PC043/25	Chi tiền mặt thanh toán cho công ty	1111	331		3.948.000
30/04/2025	30/04/2025	KHTS004/25	Khấu hao tài sản tháng 4 năm 2025	6424	2141	18.216.288	
30/04/2025	30/04/2025	KHTS004/25	Khấu hao tài sản tháng 4 năm 2025	2141	6424		18.216.288
30/04/2025	30/04/2025	PBCC022/25	Phân bổ CCDC tháng 4 năm 2025	6423	242	8.176.270	
30/04/2025	30/04/2025	PBCC022/25	Phân bổ CCDC tháng 4 năm 2025	242	6423		8.176.270
30/04/2025	30/04/2025	NVK024/25	Lương phải trả cho nhân viên tháng 4/2025	6421	3341	167.301.923	
30/04/2025	30/04/2025	NVK024/25	Lương phải trả cho nhân viên tháng 4/2025	3341	6421		167.301.923
30/04/2025	30/04/2025	NVK024/25	Lương phải trả cho nhân viên tháng 4/2025	622	3341	85.900.000	
30/04/2025	30/04/2025	NVK024/25	Lương phải trả cho nhân viên tháng 4/2025	3341	622		85.900.000
01/05/2025	01/05/2025	NVK025/25	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty Totobooking	131	711	123	
01/05/2025	01/05/2025	NVK025/25	Xử lý chênh lệch công nợ Công ty Totobooking	711	131		123
01/05/2025	01/05/2025	BH121/25	Bán Vé tàu du lịch	131	5113	8.798.960	
01/05/2025	01/05/2025	BH121/25	Bán Vé tàu du lịch	5113	131		8.798.960
01/05/2025	01/05/2025	BH121/25	Bán Vé tàu du lịch	131	33311	703.917	
01/05/2025	01/05/2025	BH121/25	Bán Vé tàu du lịch	33311	131		703.917

QLDN
Nghiep vu 4

QLDN
Nghiep vu 5

QLDN
Nghiep vu 3

Nghiep vu 2

Giá vốn
Nghiep vu 2

Nghiep vu 1

QLDN
Nghiep vu 2

Thu nhap khác
Nghiep vu 1

29/06/2025	29/06/2025	PC087/25	Chi tiền mặt thanh toán công ty	331	1111	2.320.970		
29/06/2025	29/06/2025	PC087/25	Chi tiền mặt thanh toán công ty	1111	331		2.320.970	
30/06/2025	30/06/2025	BC128/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121-VTB 694629097777	515	25.945		Doanh thu hoạt động tài chính
30/06/2025	30/06/2025	BC128/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	69462909777 7		25.945	
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	6421	3383	16.887.500		
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	3383	6421		16.887.500	
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	6421	3384	2.895.000		QLDN Nghịệp vụ 1
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	3384	6421		2.895.000	
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	6421	3386	965.000		
30/06/2025	30/06/2025	NVK039/25	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí doanh nghiệp tháng 6/2025	3386	6421		965.000	
30/06/2025	30/06/2025	NVK040/25	Lương phải trả cho nhân viên tháng 6/2025	6421	3341	161.890.000		
30/06/2025	30/06/2025	NVK040/25	Lương phải trả cho nhân viên tháng 6/2025	3341	6421		161.890.000	
30/06/2025	30/06/2025	NVK043/25	Kết chuyển giá vốn 154 -> 632	632	154	659.374.763		Giá vốn Nghịệp vụ 1
30/06/2025	30/06/2025	NVK043/25	Kết chuyển giá vốn 154 -> 632	154	632		659.374.763	
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	621	82.901.844		
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	621	154		82.901.844	
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	622	287.621.019		
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	622	154		287.621.019	
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6273	13.562.823		
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	6273	154		13.562.823	
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6274	257.785.752		
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	6274	154		257.785.752	
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6277	18.517.754		
30/06/2025	30/06/2025	NVK042/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	6277	154		18.517.754	
30/06/2025	30/06/2025	BC129/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1121-TCB 1903713142237	515	3		
30/06/2025	30/06/2025	BC129/25	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	515	19037131422 379		3	
01/07/2025	01/07/2025	BC130/25	Nhận tiền đặt cọc tour	1121-VTB 694629097777	131	5.000.000		
01/07/2025	01/07/2025	BC130/25	Nhận tiền đặt cọc tour	131	69462909777		5.000.000	
02/07/2025	02/07/2025	MDV100/25	Mua Cước dịch vụ viễn thông	6427	331	272.727		
02/07/2025	02/07/2025	MDV100/25	Mua Cước dịch vụ viễn thông	331	6427		272.727	
02/07/2025	02/07/2025	MDV100/25	Mua Cước dịch vụ viễn thông	1331	331	27.273		
02/07/2025	02/07/2025	MDV100/25	Mua Cước dịch vụ viễn thông	331	1331		27.273	
04/07/2025	04/07/2025	PC090/25	Chi tiền mặt thanh toán cho công ty	331	1111	9.000.000		
04/07/2025	04/07/2025	PC090/25	Chi tiền mặt thanh toán cho công ty	1111	331		9.000.000	
04/07/2025	04/07/2025	MH049/25	Mua DO 0.001S-V	621	331	8.333.333		
04/07/2025	04/07/2025	MH049/25	Mua DO 0.001S-V	331	621		8.333.333	
04/07/2025	04/07/2025	MH049/25	Mua DO 0.001S-V	1331	331	666.667		
04/07/2025	04/07/2025	MH049/25	Mua DO 0.001S-V	331	1331		666.667	
11/07/2025	11/07/2025	NVK046/25	Thu phí hoàn cọc của công ty Phương Nam	131	711	1.850.000		Thu nhập khác vụ 2
11/07/2025	11/07/2025	NVK046/25	Thu phí hoàn cọc của công ty Phương Nam	711	131		1.850.000	
12/07/2025	12/07/2025	BH391/25	Bán Vé tàu du lịch_ Khám phá Sơn Trà (Người lớn)	131	5113	739.815		
12/07/2025	12/07/2025	BH391/25	Bán Vé tàu du lịch_ Khám phá Sơn Trà (Người lớn)	5113	131		739.815	
12/07/2025	12/07/2025	BH391/25	Bán Vé tàu du lịch_ Khám phá Sơn Trà (Người lớn)	131	33311	59.185		
12/07/2025	12/07/2025	BH391/25	Bán Vé tàu du lịch_ Khám phá Sơn Trà (Người lớn)	33311	131		59.185	

17/08/2025	17/08/2025	BH1319/25	Bán Vé tàu du lịch_ Trải nghiệm chinh phục biển cả (Người lớn)	131	5113	1.295.370	
17/08/2025	17/08/2025	BH1319/25	Bán Vé tàu du lịch_ Trải nghiệm chinh phục biển cả (Người lớn)	5113	131		1.295.370
17/08/2025	17/08/2025	BH1319/25	Bán Vé tàu du lịch_ Trải nghiệm chinh phục biển cả (Người lớn)	131	33311	103.630	
17/08/2025	17/08/2025	BH1319/25	Bán Vé tàu du lịch_ Trải nghiệm chinh phục biển cả (Người lớn)	33311	131		103.630
18/08/2025	18/08/2025	BH1320/25	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	131	5113	18.500.000	
18/08/2025	18/08/2025	BH1320/25	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	5113	131		18.500.000
18/08/2025	18/08/2025	BH1320/25	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	131	33311	1.480.000	
18/08/2025	18/08/2025	BH1320/25	Bán Thuê Tàu khám phá đảo Sơn Trà	33311	131		1.480.000
22/09/2025	22/09/2025	BC228/25	Nhận tiền của công ty ĐỒNG DƯƠNG	1121-VTB 694629097777	131	19.574.800	
22/09/2025	22/09/2025	BC228/25	Nhận tiền của công ty ĐỒNG DƯƠNG	131	1121-VTB 69462909777 7		19.574.800
22/09/2025	22/09/2025	UNC403/25	Lãi vay	635	69462909777 7	164.716.763	
22/09/2025	22/09/2025	UNC403/25	Lãi vay	1121-VTB 694629097777	635		164.716.763
22/09/2025	22/09/2025	UNC402/25	Phí dịch vụ ngân hàng	6427	69462909777 7	214.500	
22/09/2025	22/09/2025	UNC402/25	Phí dịch vụ ngân hàng	1121-VTB 694629097777	6427		214.500
25/11/2025	25/11/2025	UNC499/25	Phí dịch vụ ngân hàng	6427	69462909777	10.000	
25/11/2025	25/11/2025	UNC499/25	Phí dịch vụ ngân hàng	1121-VTB 694629097777	6427		10.000
25/11/2025	25/11/2025	UNC499/25	Phí dịch vụ ngân hàng	1331	1121-VTB 69462909777	1.000	
25/11/2025	25/11/2025	UNC499/25	Phí dịch vụ ngân hàng	1121-VTB 694629097777	1331		1.000
25/11/2025	25/11/2025	UNC495/25	Chậm nộp thuế thu nhập cá nhân	811	1121-VTB 69462909777 7	3.654	
25/11/2025	25/11/2025	UNC495/25	Chậm nộp thuế thu nhập cá nhân	1121-VTB 694629097777	811		3.654
25/11/2025	25/11/2025	UNC496/25	Chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	811	1121-VTB 69462909777	2.925.832	
25/11/2025	25/11/2025	UNC496/25	Chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	694629097777	811		2.925.832
26/11/2025	26/11/2025	MDV227/25	Mua Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 11 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	6427	331	2.599.259	
26/11/2025	26/11/2025	MDV227/25	Mua Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 11 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	331	6427		2.599.259
26/11/2025	26/11/2025	MDV227/25	Mua Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 11 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	1331	331	207.941	
26/11/2025	26/11/2025	MDV227/25	Mua Gói cước dịch vụ thuê pin tháng 11 năm 2025 cho số khung xe RLLV2CKA3PV009799	331	1331		207.941
31/12/2025	31/12/2025	NVK116/25	Chi phí thuế TNDN phải nộp năm 2025	82111	3334	3.094.442	
31/12/2025	31/12/2025	NVK116/25	Chi phí thuế TNDN phải nộp năm 2025	3334	82111		3.094.442
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	621	41.574.444	
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	621	154		41.574.444
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	622	409.417.650	
....							
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6273	10.731.807	
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	6273	154		10.731.807
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6274	257.785.752	
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	6274	154		257.785.752
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	154	6277	41.318.585	
31/12/2025	31/12/2025	NVK083/25	Kết chuyển CPSX -> TK 154	6277	154		41.318.585
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	632	3.060.018.679	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	632	911		3.060.018.679
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	635	1.533.640.763	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	635	911		1.533.640.763
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6421	2.157.815.045	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6421	911		2.157.815.045
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6423	85.058.060	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6423	911		85.058.060
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6424	218.595.456	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6424	911		218.595.456
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6425	3.000.000	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6425	911		3.000.000
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	6427	342.556.392	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6427	911		342.556.392
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	811	19.155.129	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	811	911		19.155.129
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	82111	3.094.442	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	82111	911		3.094.442
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5111	911	115.091.162	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5111		115.091.162
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	5113	911	6.249.911.906	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	5113		6.249.911.906
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	515	911	1.624.283	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	515		1.624.283
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	711	911	1.858.763	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	711		1.858.763
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	4212	911	1.054.447.852	
31/12/2025	31/12/2025	NVK117/25	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212		1.054.447.852
			Cộng số phát sinh			155.634.368.203	155.634.368.203

Nhiệm vụ 3

Chi phí tài chính

Chi phí khác

Xác nhận kết quả kinh doanh

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang số ...
- Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm 20....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2.
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHỤ LỤC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH**

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE
SAILING

[03] Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: **B 02 – DN**
(Ban hành theo
Thông tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014 của
Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	6.365.003.068	6.442.609.563
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.365.003.068	6.442.609.563
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	3.060.018.679	2.598.063.802
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.304.984.389	3.844.545.761
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	1.624.283	539.811
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	1.533.640.763	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.533.640.763	0
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	2.807.024.953	2.302.189.537
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.034.057.044)	1.542.896.035
11. Thu nhập khác	31	VII.6	1.858.763	640
12. Chi phí khác	32	VII.7	19.155.129	41.819.137
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(17.296.366)	(41.818.497)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.051.353.410)	1.501.077.538
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	3.094.442	308.579.335
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.054.447.852)	1.192.498.203
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 12 năm
2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN THANH TÂM

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

 APPROCITE CÔNG TY CỔ PHẦN AFRICHITE SAILING AFRICHITE SAILING JOINT STOCK COMPANY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <i>Independence - Freedom - Happiness</i>
Số (NA): 01/2025/HĐDV – APS	Đà Nẵng, ngày 01 tháng 01 năm 2025 Dương, 01 st January, 2025
HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ SERVICE SUPPORT CONTRACT	
Chin et Bộ 1 đại Diện v 2015 số 91/2015/QH13 của Quốc Hội một công xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 24/11/2015; <i>Pursuant to the Civil Code in 2015 No. 91/2015/QH13 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, dated November 24th, 2015;</i> Chin et nhà chủ và khả năng tiếp tế của các bên trong hợp đồng; <i>Based on the actual needs and capabilities of the parties to the contract;</i> Hợp Đồng này được lập vào ngày 01 tháng 10 năm 2024, tại Sơn Trà Marina, phường Thuồng Quang, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, bởi và giữa các Bên sau đây: <i>This Contract is made on 01st October, 2024, at Sơn Trà Marina, Thuồng Quang ward, Sơn Trà district, Đà Nẵng city, by and between the following Parties:</i>	
Bên cung ứng dịch vụ (Bên A) : CÔNG TY CỔ PHẦN AFRICHITE SAILING Service provider (Party A) : AFRICHITE SAILING JOINT STOCK	
Mô số thuế	: 0402090950
Tax code	: 0402090950
Địa chỉ	: Khu văn phòng - Sơn Trà Marina, đường Hồ Xánh, phường Thuồng Quang, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Địa chỉ	: Sơn Trà Marina – Office area, Ho.Xanh Str., Thuồng Quang Ward, Sơn Trà District, Đà Nẵng.
Đại diện là	: (Ông) NGUYỄN THANH TÂM – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Representative	: (Mr.) NGUYỄN THANH TÂM – Position: Director
Số điện thoại liên hệ	: 092 43 66 68
Contact phone number	: 092 43 66 68
Tài khoản số	: 68462907777 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietcombank)
– CN Ngân Hàng	
Bank Account No.	: 68462907777 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for
Industry and Trade - Vietcombank	
Và bên	
And another party:	

Bên sử dụng dịch vụ (bên B)

**COMPANY
THROUGH SERVICE (Party B)**

Mã số thuế

: 0401948634

Tax code

: 0401948634

Địa chỉ

: 179 Trần Hưng Đạo, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Đà Nẵng

Tax code

: 179 Trần Hưng Đạo St, An Hai Bac Prc, Son Tra Dist, Da Nang City

Đại diện lý

: (Bà) Trương Thị Anh Tuyết – Chức vụ: Giám đốc

Representative

: (Bà) Trương Thị Anh Tuyết – Position: Director

Số điện thoại liên hệ

: 0935520196

Contact phone number

: 0935520196

Tài khoản số

: 1001000293022 – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

(Vietcombank)

Bank Account No.

: 1001000293022 – Vietcombank

Hai bên thỏa thuận kết Hợp đồng cung ứng dịch vụ (sau đây gọi tắt là Hợp Đồng) với các nội dung cụ thể như sau:

The two parties agree to sign a Service Supply Contract (hereinafter referred to as the Contract) with the following specific contents:

Bên B có nhu cầu và Bên A đồng ý cung cấp tour tham quan địa điểm: “Khám phá Sơn Trà kỳ vĩ”, nội dung dịch vụ cụ thể như sau:

Party B has a need and Party A agrees to provide the tour: “Discover the magnificent Sơn Trà”, the specific service content is as follows:

Điểm 1: Chương trình tham quan địa điểm/ Article 1: Sightseeing tour

Bên A chỉ cho bên B chương trình tham quan, địa điểm/

Party A organizes a tour program for Party B:

- Phương Tiện: Du thuyền Aphrodite S16 tiêu chuẩn

(Bao gồm: 15 khách, 03 thủy thủ và 01 service staff với full certificates and degrees)
Vehicle: Standard Aphrodite S16 Yacht

- Dịch vụ tiêu chuẩn: Ăn nhẹ trên du thuyền (thoa quýt, bánh ngọt); trải nghiệm các hoạt động thể thao nước; nước uống; khăn lạnh phục vụ trên suốt hành trình; tham quan ngắm cảnh, địa chỉ.

Standard service: Snack on cruise (fruit, cakes); experience water sports activities; Drinking water, cold towels served throughout the journey; sightseeing, fishing.

- Báo hiểm vận chuyển hành khách theo quy định.


APHRODITE

Passenger transport insurance according to regulations.

- Lịch trình tham quan: Son Trà Marina – Hòn Sơn – Bãi Bụt – Bãi Nâu – Sơn Trà Marina.

Sightseeing schedule: Son Trà Marina - Hòn Sơn - Bãi Bụt - Bãi Nâu - Sơn Trà Marina.

- Thời gian tham quan không quá 180 phút (có độ dài từ 10 giờ 30 đến 13 giờ 30 hàng ngày). Trường hợp phải thay đổi chuyến, bên B và ứng dụng thông báo cho bên A trước 24 giờ trước giờ khởi hành và nhận được thư xác nhận của bên A.

Visiting time should not exceed 180 minutes (fixed from 10:30 to 13:30 every day). In case of a trip, Party B should notify Party A 24 hours before departure and receive a confirmation letter from Party A.

Lưu ý: Tả cá dịch vụ ăn uống phục vụ cho tour phải được cấp bởi Bên A với đơn giá kê.

Khách hàng vui lòng có mặt tại Son Trà Marina trước giờ khởi hành cấp bộ và mang theo giấy tờ tùy thân.

Note: All catering services for tour must be provided by Party A with the accompanying unit price.

Please be at Son Trà Marina 30 minutes before departure time and bring identification.

Điểm 2: Số lượng khách/ 30 minutes: 2 Number of guests

Số lượng khách tối thiểu mà B phải chuyển cho bên A là: 200 khách/tháng và từ 5 khách/chuyến. Số lượng khách tối đa có thể khởi hành cùng một lúc là 45 khách.

The minimum number of guests that Party B must transfer to Party A is: 200 guests/month and from 5 guests/trip. And the maximum number of passengers that can depart at the same time is 45 guests.

Điểm 3: Thời gian tiếp nhận công việc

Thời gian tiếp nhận công việc: trong 24 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Time to perform the work: for 24 months from January 1, 2025 to December 12, 2026.

Địa điểm, tài khách: Sơn Trà Marina (đường Hòn Xanh, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng)

Pick up and drop off point: Son Trà Marina (Hòn Xanh street, Thọ Quang ward, Sơn Trà district, Đà Nẵng)

Người chịu trách nhiệm liên hệ bên A: Bà Mai Thị Bích Loan. Số điện thoại: 0916851177

Person responsible for contacting party A: Ms. Mai Thị Bích Loan. Phone number: 0916851177

Người chịu trách nhiệm liên hệ bên B: Bà Trương Thị Ánh Tuyết. Số điện thoại: 0935250196

Person responsible for contacting party B: Ms. Trương Thị Ánh Tuyết. Phone number: 0935250196

PHẦN MỘT: THÔNG TIN VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 1: Thông tin chung

Bản hợp đồng này được lập ra để xác nhận và ghi rõ các điều kiện và điều khoản của việc cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ địa điểm A đến địa điểm B.

Điều 2: Mục đích và phạm vi áp dụng

Dịch vụ vận chuyển hàng hóa này được cung cấp cho các khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa từ địa điểm A đến địa điểm B.

Điều 3: Phạm vi áp dụng

Dịch vụ vận chuyển hàng hóa này được áp dụng cho các khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa từ địa điểm A đến địa điểm B.

Điều 4: Thời hạn hiệu lực

Dịch vụ vận chuyển hàng hóa này có hiệu lực kể từ ngày ký kết hợp đồng này.

Điều 5: Điều kiện áp dụng

Dịch vụ vận chuyển hàng hóa này được áp dụng cho các khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa từ địa điểm A đến địa điểm B.

Điều 6: Dịch vụ khuyến mãi/Promotion service:

- Giảm giá ưu đãi, hoặc miễn phí.

Điều 7: Miễn phí vận chuyển

Free parking for cars and motorcycles.


APHRODITE

Điều 7: Điều kiện phát hủy hợp đồng/ Article 7: Conditions for contract cancellation

Trong trường hợp bên B báo hủy bất cứ thời điểm từ 02 giờ đến 04 giờ trước khi khởi hành, bên B phải bồi đắp chi phí chi trả 30 % giá trị dịch vụ; báo hủy trước 4 giờ, thì phải chi trả 100% giá trị dịch vụ. Trong vòng 2 giờ trước khi khởi hành thì phải chi trả 100% giá trị dịch vụ.

In case Party B cancels the reservation from 02 hours to 04 hours before departure, Party B must pay a fine of 30% of the service value. Cancellation 4 hours in advance, 100% service fee will be charged. Cancellation within 2 hours before departure will be subject to a penalty of 100% of the service price.

Trong trường hợp vì một lý do bất khả kháng nào đó (bão lụt, hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh,...) hợp đồng không thể thực hiện được thì hai bên bản hủy đều thời gian thực hiện nội dung hợp đồng hoặc hủy chuyến.

In case the contract cannot be performed due to some force majeure reason (flood, flood, fire, natural disaster, war, etc.), the two parties shall discuss to postpone the implementation of the contract, terminate or cancel the trip.

Trong trường hợp bên B không có đủ 200 khách/ không thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay mà không cần thực hiện tiếp các nội dung khác của hợp đồng (trừ trường hợp bất khả kháng).

In case Party B does not have enough 200 guests/month, Party A has the right to unilaterally terminate this contract without continuing to perform the other contents of the contract (Force majeure cause).

Điều 7: Trách nhiệm của các bên

Bên B có trách nhiệm thông báo chi tiết và xác nhận về lượng khách kèm theo danh sách trích ngang (họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch) của đoàn khách trước 01 ngày đoàn khởi hành đi bên A.

Party B is responsible for detailing and confirming the number of guests together with a list of excerpts (full name, date of birth, gender, nationality) of the delegation 1 day before the group departs for Party A.

Bên A cam kết không ghi, gộp khách của bên B với khách khác hoặc các hành vi tương tự như vậy; và trong trường hợp cung khùng ghi, gộp mà bên B không đồng ý, không cung cấp dịch vụ (như đang cung cấp cho bên B theo Hợp đồng này) cho bất kỳ ai khác, code tour, đi vào và vào khách.

Party A commits to not to pair or combine Party B's guests with other guests or similar acts; and in the same time frame, not to provide tour service, do not provide services (as provided by Party B under this Contract) to any other organization, company, unit...

Bên A có trách nhiệm đưa đơn, phụ vụ đoàn khách của bên B đúng như trong lý trình chi tiết của theo hợp đồng, báo cáo chất lượng dịch vụ theo hợp đồng.

Party A is responsible for transporting and serving the delegation of Party B exactly as in the detailed itinerary of the contract, ensuring the quality of service according to the contract.

Bên B thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho bên A tổng giá trị hợp đồng theo phương thức đã nêu trên. Nếu phát sinh chi phí cho việc làm hay yêu cầu của bên B thì bên B phải thanh toán thêm khoản chi phí đó cho bên A.


APHRODITE

của cách này. Hai Bên sẽ nhận chứng thương lượng để sửa đổi các điều khoản vô hiệu trên cơ sở ý chí của hai Bên như thể hiện tại Hợp đồng này.

If one or more provisions of this Contract are held invalid under applicable law, the validity of the remaining provisions of this Contract shall not be affected or voided in any way. The two Parties will promptly negotiate to amend the invalid terms on the basis of the will of the two Parties as shown in this Contract.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

This Contract takes effect from the date of signing. This contract is made in 04 (four) copies. Each Party keeps 02 (two) copies with the same legal value.

Đại diện Bên A <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> Representative of Party A <i>(Signature and full name)</i>   TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Thanh Xuân</i>	Đại diện Bên B <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> Representative of Party B <i>(Signature and full name)</i>   Trưởng Thị Anh Tuyết
---	---

PHỤ LỤC 4.
QUY ĐỊNH CHUNG

 APHRODITE CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING Số/No.:0125/QĐ-APS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2025
---	--

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chính sách bán hàng của Aphrodite Sailing năm 2025
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing;
- Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt AnGroup;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Aphrodite Sailing.

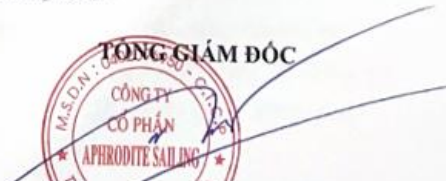
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh:
Quyết định này áp dụng cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Aphrodite Sailing

Điều 2: Cung ứng dịch vụ:
Tất cả các hoạt động kinh doanh mà sản phẩm nằm trong quyết định này phải được thực hiện trên cơ sở quyết định này.
Các hợp đồng cung ứng dịch vụ phải được thực hiện dựa trên hợp đồng mẫu của Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing.

Điều 3: Thời gian áp dụng:
Từ 7 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút từ thứ 2 đến chủ nhật hằng tuần.

Điều 4: Giá trị dịch vụ:
Tất cả giá cả quy định trong quyết định này chưa bao gồm thuế, đã bao gồm phí, bảo hiểm hành khách. Trừ một số quy định cụ thể nêu trong phần phụ lục.
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.



PHỤ LỤC 5.
BẢNG GIÁ DỊCH VỤ

*Quy định về giá dịch vụ bán lẻ của du thuyền Aphrodite S16/
Đính kèm quyết định số 02.2023/QĐ-APS/ Attachment to Decision No. 02.2023/QĐ-APS*

STT No.	Dịch vụ/ Services	Thời gian tour/ Timeline	Giá đề xuất/ Suggested Price
1	Khám phá Sơn Trà kỳ vĩ cùng Aphrodite S16	2 giờ	799.000 VNĐ/người 39 \$/pax
2	Trải nghiệm chinh phục biển cả cùng Aphrodite S16	4 giờ	1.399.000 VNĐ/người 68 \$/pax
3	Tận hưởng phong cách sống đỉnh cao cùng Aphrodite S16	4 giờ	18.500.000 VNĐ/chuyến 902 \$/inclusive
Giá trẻ em: Dưới 2 tuổi miễn phí (ngồi chung); từ 2-12 tuổi 80% giá vé; trên 12 tuổi 100% giá vé.			

Lưu ý:

- Giá vé chưa bao gồm VAT;
- Giá vé bao gồm bảo hiểm hành khách (điều khoản đính kèm) và các dịch vụ đi kèm (nước uống detox, trái cây, bánh ngọt,...) trong suốt hành trình;
- Chi phí phát sinh quá thời gian thuê bao chuyến của gói dịch vụ "Tận hưởng phong cách sống đỉnh cao cùng Aphrodite" là 2.500.000 VNĐ/giờ;
- Các ngày áp dụng phụ thu Lễ - Tết 30%: 30/4, 1/5, 2/9, giỗ tổ Hùng Vương, Tết dương lịch và Tết âm lịch (chưa bao gồm VAT);
- Thời gian tour chưa bao gồm 30 phút hướng dẫn an toàn chuyến đi và hướng dẫn sử dụng trang thiết bị trên du thuyền;
- Giá dịch vụ áp dụng cho đặt chỗ từ 05 khách trở lên trong 1 chuyến;
- Quý khách vui lòng có mặt trước 30 phút giờ khởi hành;

2096
ÔNG
Ồ PH
JUDIT

PHỤ LỤC 6.
QUY ĐỊNH VỀ CÁC KHOẢN PHỤ THU

Quy định về các khoản phụ thu

1/ Tour daily

- Ngày thường:

+ Khách hàng hủy vé trước 48 tiếng khởi hành bị mất phí 10% áp dụng cho tất cả các lý do hủy vé.

+ Khách hàng hủy vé trước 4 tiếng – 48 tiếng so với giờ khởi hành bị mất phí 50% áp dụng cho tất cả các lý do hủy vé.

+ Sau thời gian quy định trên khách hàng bị mất phí 70% (tương ứng số tiền đã đặt cọc).

- Ngày lễ: (30/04, 1/5, 2/9, Tết dương lịch, Tết âm lịch, giỗ tổ Hùng Vương): khách hàng hủy vé mất phí 70% áp dụng cho tất cả các lý do hủy vé.

Với mong muốn mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng sử dụng dịch vụ, mức phụ thu trên nhằm mục đích trong trường hợp bất khả kháng trên du thuyền còn ít nhất từ 02 – dưới 05 khách vẫn có thể khởi hành.

2/ Tour charter

- Ngày thường:

+ Khách hàng hủy vé trước 48 tiếng khởi hành bị mất phí 10% áp dụng cho tất cả các lý do hủy vé.

+ Khách hàng hủy vé trước 4 tiếng – 48 tiếng khởi hành bị mất phí 20% giá vé áp dụng cho tất cả các lý do hủy vé.

+ Sau thời gian quy định trên khách hàng hủy vé với tất cả các lý do hủy vé mất phí 30% (tương ứng với số tiền đã đặt cọc).

- Ngày Lễ: (30/4, 1/5, 2/9, Tết dương lịch, Tết âm lịch, giỗ tổ Hùng Vương): khách hàng hủy vé mất phí 30% áp dụng cho tất cả các lý do hủy vé.

***Lưu ý: Trường hợp thời tiết nơi tổ chức tour không thuận lợi, đơn vị cung cấp dịch vụ không thực hiện được chương trình tour cho đối tác thì bên phía cung cấp sẽ hoàn trả 100% tiền cọc cho khách hàng.**

PHỤ LỤC 7.
QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH TRẢ THƯỞNG

Quy định về chính sách trả thưởng cho đối tác bán hàng của du thuyền Aphrodite S16

Đính kèm quyết định số 02.2023/QĐ-APS / Attachment to Decision No. 02.2023/QĐ-APS

1. Chính sách này áp dụng cho các đơn vị là đối tác hợp tác, hướng dẫn viên, tài xế, lễ tân nhà hàng, khách sạn.
2. Mỗi đối tác đưa khách đến sử dụng dịch vụ du thuyền của Aphrodite tại Sơn Trà Marina sẽ được trả thưởng **150,000 VNĐ/vé áp dụng cho daily tour** (Thực hiện trả thưởng kể cả trường hợp booking đủ số vé tối thiểu: đi từ 2-4 khách mua 5 vé);
3. Áp dụng chi chiết khấu 15% tổng bill (bao gồm menu đồ ăn + nước) đặt trước cho đối tác, công ty du lịch, HDV, tài xế,...;
4. Với tour charter áp dụng chiết khấu 15% giá tour
5. Đối tác chỉ được trả thưởng trong trường hợp khách hàng chưa đặt chỗ trước, không thông qua các công ty lữ hành. Đối tác vui lòng thông báo đặt chỗ cho khách trước khi đưa khách đến sử dụng dịch vụ du thuyền của Aphrodite
6. Đối tác vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận thưởng trực tiếp tại quầy thu ngân hoặc nhận chuyển khoản. Thời gian trả thưởng trong vòng 24h giờ tính từ lúc khách hoàn thành chuyến đi. Trường hợp khách hàng sử dụng dịch vụ trong hai ngày chủ nhật hoặc các ngày lễ lớn, thời gian trả thưởng là thứ hai tiếp theo hoặc ngày làm việc đầu tiên sau thời gian nghỉ lễ theo quy định.

PHỤ LỤC 8.
PHIẾU THU

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING

Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch
Đăng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà
Nẵng
Mã số thuế: 0402096950

Mẫu số: 01 – TT

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

PHIẾU THU

Ngày 8 tháng 2 năm 2025

Quyển số:

Số: PT224/25

Nợ: 1111

Có: 131

Họ và tên người nộp tiền: Người mua không lấy hóa đơn

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thu tiền mặt từ Người mua không lấy hóa đơn

Số tiền: **7.047.000 VND**

(Viết bằng chữ): **Bảy triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

PHỤ LỤC 9.
GIẤY BẢO CỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
*Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch
Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà
Nẵng*
Mã số thuế: 0402096950

GIẤY BẢO CỐ

Người nộp tiền:	CÔNG TY TNHH ILA VIỆT NAM	Số:	BC208/25
Địa chỉ:	19-21-23 Mạc Đĩnh Chi, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ngày:	18/08/2025
Lý do:	Thu tiền chuyển tiền du thuyền		
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: VTB-684629097777			
Tại ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		
Số tiền:	14.980.000 VND		
Số tiền bằng chữ:	Mười bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng.		
Diễn Giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi có
Thu tiền chuyển tiền du thuyền	14.980.000	1121-VTB 694629097777	131

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
*Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch
Đằng, 50, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà
Nẵng*
Mã số thuế: 0402096950

GIẤY BẢO CỐ

Người nộp tiền:	CÔNG TY TNHH ILA VIỆT NAM	Số:	BC194/25
Địa chỉ:	19-21-23 Mạc Đĩnh Chi, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ngày:	06/08/2025
Lý do:	Nhận tiền đặt cọc của công ty		
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: VTB-684629097777			
Tại ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		
Số tiền:	5.000.000 VND		
Số tiền bằng chữ:	Năm triệu đồng.		
Diễn Giải	Số tiền	Ghi Nợ	Ghi có
Nhận tiền đặt cọc của công ty	5.000.000	1121-VTB 694629097777	131

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

PHỤ LỤC 10.
SAO KÊ NGÂN HÀNG

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
VIETINBANK



LỊCH SỬ GIAO DỊCH - TRANSACTION HISTORY
VIETINBANK eFAST

1. Thông tin chi tiết tài khoản/ Account detail

Công ty/Company name: CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
Số tài khoản/ Account No.: 694629097777
Loại tài khoản/Account type: Tài khoản thanh toán
Loại tiền tệ/Currency: VND
Số dư hiện tại/Account Balance:
Số dư khả dụng/ Available Balance:
Số dư đầu kỳ/Opening Balance:
Số dư cuối kỳ/Closing Balance:
Chu kỳ yêu cầu/From date- to date: 2025-08-01 - 2025-08-31
Tổng giá trị ghi có/ Total credits:
Tổng số giao dịch ghi có/ Total number of credit : 31
Tổng giá trị ghi nợ/ Total debits:
Tổng số giao dịch ghi nợ/ Total number of debits: 60

2. Chi tiết lịch sử giao dịch/ Transaction history detail

STT/No.	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có / Credit	Số dư TK/ Account Balance	Tên tài khoản đối ứng/ Corresponive name
1	31-08-2025 01:48:16	Trả lại tại khoản DDA		0,007.088,00	13.853.916,00	
76	06-08-2025 20:44:52	PH GD:06.08.2025:THE=402878*9817:APP=895268:TID=02046642:A PHRODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	11.935,00	0,00	52.969.021,00	
77	06-08-2025 20:44:52	PH GD:06.08.2025:THE=402878*9817:APP=895268:TID=02046642:APHR ODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	0,00	310.000,00	52.980.956,00	
78	06-08-2025 15:47:11	PH GD:06.08.2025:THE=478897*7551:APP=122723:TID=02046642:APHR ODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	0,00	5.000.000,00	52.670.956,00	ILA VIETNAM LTD. CO./ILA VIETNAM
81	04-08-2025 20:49:43	PH GD:04.08.2025:THE=478897*7551:APP=122723:TID=02046642:APHR ODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	0,00	420.000,00	36.687.126,00	
82	04-08-2025 10:55:09	PH GD:04.08.2025:THE=478897*7551:APP=122723:TID=02046642:APHR ODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	15.000.000,00	0,00	36.267.126,00	CTY TNHH XANG DAU TAY NAM S.W.P CN ME
84	02-08-2025 08:36:33	PH GD:02.08.2025:THE=478897*7551:APP=122723:TID=02046642:APHR ODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	0,00	586.051,00	35.017.126,00	CT CP DT PT DONG DUONG
85	01-08-2025 20:44:57	PH GD:01.08.2025:THE=532092*5103:APP=101620:TID=02046642:A PHRODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	7.315,00	0,00	34.431.075,00	
86	01-08-2025 20:44:57	PH GD:01.08.2025:THE=532092*5103:APP=101620:TID=02046642:APHR ODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	0,00	190.000,00	34.438.390,00	
87	01-08-2025 20:44:18	PH GD:01.08.2025:THE=483931*0137:APP=762186:TID=02046642:A PHRODITE SAILING:TANG 5, KS BACH DANGHAI	174.654,00	0,00	34.248.390,00	

Từ ngày 21/03/2025, VietinBank thực hiện cập nhật lại báo cáo sao kê, trong đó bổ sung trường thông tin Ngày phát sinh giao dịch.
From 21/03/2025, Vietinbank will update its statement report, adding the Transaction Date field.

PHỤ LỤC 11.
SAO KÊ NGÂN HÀNG

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
VIETINBANK



LỊCH SỬ GIAO DỊCH - TRANSACTION HISTORY
VIETINBANK eFAST

1 .Thông tin chi tiết tài khoản/ Account detail

Công ty/Company name: **CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING**

Số tài khoản/ Account: **684629097777**

Loại tài khoản/Account: **Tài khoản thanh toán**

Loại tiền tệ/Currency: **VND**

Số dư hiện tại/Account

Số dư khả dụng/ Available Balance:

Số dư đầu kỳ/Opening Balance:

Số dư cuối kỳ/Closing Balance:

Chu kỳ yêu cầu/From: **2025-07-01 - 2025-07-31**

Tổng giá trị ghi có/ Total credits:

có/

Total number of

57

Tổng giá trị ghi nợ/ Total debits:

nợ/

Total number of debits:

67

2 .Chi tiết lịch sử giao dịch/ Transaction history detail

STT/No.	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction desc	Nợ/ Debit	Có / Credit	Tên tài khoản đối ứng/ Corresponsive name
....					...
110	07-07-2025	07.07.2025:THE=540964*6170:APP=072292:TID=02046642:APHRODITE SAILING;TANG 5; KS BACH DANGHAI C:TP.DANANG;VN:MID=1000000000544	0,00	7.990.000,00	
....					...
112	06-07-2025	Phi GD:06.07.2025:THE=455702*2303:APP=701326:TID=02046642:APHRODITE	10.203,00	0,00	
113	06-07-2025	06.07.2025:THE=455702*2303:APP=701326:TID=02046642:APHRODITE SAILING;TANG 5; KS BACH DANGHAI	0,00	265.000,00	
114	04-07-2025	CT DEN:486T25705N01MX39 PNTRIP dat coc Du Thuyen Catamaran DN PNT12180725V	0,00	5.000.000,00	CT TNHH DU LICH VA TM QUOC TE PHUONG NAM
....					...
116	02-07-2025	Phi GD:02.07.2025:THE=547752*9724:APP=916296:TID=02046642:APHRODITE SAILING;TANG 5; KS BACH DANGHAI C:TP.DANANG;VN:MID=1000000000544	87.973,00	0,00	

PHỤ LỤC 12. **CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN**



BẢO HIỂM XÃ HỘI KHU VỰC XXII
BẢO HIỂM XÃ HỘI LIÊN HUYỆN SƠN TRÀ - NGŨ
HÀNH SƠN

Mẫu C12-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 505/QĐ-BHXH
ngày 27/3/2020 của BHXH Việt Nam)

CHI TIẾT KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN

Tháng 06 năm 2025

Kính gửi:	Công ty Cổ phần Aphrodite Sailing
Địa chỉ:	Tầng 5, Khu văn phòng - Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Mã đơn vị:	TC5333C
	Điện thoại: 0905230192

Bảo hiểm xã hội liên huyện Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD - BNN của đơn vị

STT	NỘI DUNG	BHXH		BHYT	BHTN	BHTNLD, BNN	CỘNG
		ÔĐ, TS	HTTT				
A	Kỳ trước mang sang	4,050,000	29,700,000	6,075,000	2,700,000	675,000	43,200,000
1	Số lao động	28	28	28	28	28	
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu	4,050,000	29,700,000	6,075,000	2,700,000	675,000	43,200,000
3	Thiếu lãi						
B	Phát sinh trong kỳ	4,230,000	31,020,000	6,345,000	2,820,000	705,000	45,120,000
1	Số lao động						
1.1	Tăng	1	1	1		1	
1.2	Giảm						
2	Quỹ lương	141,000,000	141,000,000	141,000,000	141,000,000	141,000,000	
2.1	Tăng	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	
2.2	Giảm						
3	Phải đóng	4,230,000	31,020,000	6,345,000	2,820,000	705,000	45,120,000
3.1	Tăng	180,000	1,320,000	270,000	120,000	30,000	1,920,000
3.2	Giảm						
4	Điều chỉnh phải đóng kỳ trước						
4.1	Tăng						
	Trong đó: năm trước						
4.2	Giảm						
	Trong đó: năm trước						
4.3	Điều chỉnh						
5	Lãi						
5.1	Số tiền tính lãi						
5.2	Tỷ lệ tính lãi	0.644	0.644	0.986	0.644	0.644	
5.3	Tổng tiền lãi						
C	Số tiền đã nộp trong kỳ						88,320,000
1	+ UNC số 02198, Ngày 04/06/2025						43,200,000
2	+ UNC số 02802, Ngày 30/06/2025						45,120,000
D	Phân bổ tiền đóng	8,280,000	60,720,000	12,420,000	5,520,000	1,380,000	88,320,000
1	Phải đóng	8,280,000	60,720,000	12,420,000	5,520,000	1,380,000	88,320,000
2	Tiền lãi						
Đ	Chuyển kỳ sau						
1	Số lao động	29	29	29	29	29	
2	Phải đóng						
2.1	Thừa						
2.2	Thiếu						
3	Thiếu lãi						

a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH bắt buộc cho 29 lao động đến hết tháng 06/2025
b) Kết quả đơn vị đã đóng BHTN bắt buộc cho 29 lao động đến hết tháng 06/2025
c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLD, BNN bắt buộc cho 29 lao động đến hết tháng 06/2025
d) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT bắt buộc cho 29 lao động đến hết tháng 06/2025
đ) Số nộp thừa ghi nộp cho kỳ sau là: 0 VND
e) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất đề nghị đến cơ quan Bảo hiểm xã hội liên huyện Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn để kiểm tra điều chỉnh trước ngày 01/08/2025. Quá thời hạn trên nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 07 năm 2025
GIÁM ĐỐC



Văn Phú Long

PHỤ LỤC 13.
BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN NỢ THUẾ

BẢNG KÊ TỔNG HỢP SỐ TIỀN THUẾ NỢ

(Kèm theo thông báo số 6127 /TB-DAN-KDT ngày 09 tháng 10 năm 2025
của Thuế thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế và các khoản thu khác	Tiểu mục	Tổng số tiền thuế nợ		Số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 09	Số tiền thuế nợ bị cưỡng chế
			Tổng số	Số thừa (TCN)		
I	Tiền thuế và các khoản thu khác (không bao gồm tiền chậm nộp)		20.000			20.000
1	Thuế thu nhập cá nhân - Khấu trừ	1001	20.000			20.000
II	Tiền chậm nộp		3.636		3.636	
II.1	Tiền chậm nộp tính trên khoản nợ đã thanh toán					
II.2	Tiền chậm nộp tính trên khoản nợ chưa thanh toán		3.636		3.636	
1	Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân	4917	3.636		3.636	

PHỤ LỤC 14.
THÔNG BÁO XÁC NHẬN TRẠNG THÁI GIAO DỊCH

Mẫu số: 05/TB-NHTM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC của Bộ
Tài Chính)

NGÂN HÀNG VTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: NTDT_VTB_13556621/TB-NHTM

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v Xác nhận trạng thái giao dịch

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING**

Mã số thuế: 0402096950

Vào 17 giờ 10 phút 02 giây, ngày 25 tháng 11 năm 2025, Ngân hàng VTB thông báo trạng thái thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử của người nộp thuế, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Giá trị
1	Số tham chiếu	11220250351606885
2	Mã hiệu chứng từ	2520113TSA
3	Số chứng từ	0024312
4	MST thụ hưởng	0402096950
5	Tên người thụ hưởng	CÔNG TY CỔ PHẦN APHRODITE SAILING
6	Tài khoản trích nợ	684629097777 - VTB
7	Nộp cho KBNN	7111 -Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước
8	Ngày nộp thuế điện tử	25-Nov-2025 17:10:00
9	Tổng số khoản	1
10	Tổng số tiền nộp NSNN	3.654
11	Loại tiền	VND
12	Trạng thái	Nộp thuế thành công
13	Phí	

Để tra cứu thông tin đã nộp thuế điện tử nói trên, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: <http://thuementu.gdt.gov.vn> hoặc <http://nophue.gdt.gov.vn>

PHỤ LỤC 15.
SAO KẾ NGÂN HÀNG

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
VIETINBANK



LỊCH SỬ GIAO DỊCH - TRANSACTION HISTORY
VIETINBANK eFAST

Công ty/Comp: **CONG TY CO PHAN APHRODITE SAILING**

Số tài khoản/ A **684629097777**

Loại tài khoản/ **Tài khoản thanh toán**

Loại tiền tệ/Cur **VND**

Số dư hiện tại/

Số dư khả dụng/ Available Balance:

Số dư đầu kỳ/Opening Balance:

Số dư cuối kỳ/ **47.531.711,00**

Chu kỳ yêu cầu **2025-11-01 - 2025-11-30**

Tổng giá trị ghi có/ Total credits:

dịch ghi có/

Total number **7**

Tổng giá trị ghi nợ/ Total debits:

ghi nợ/

Total number of **51**

STT/No.	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có / Credit	Tên tài khoản đối ứng/ Correspondive name
1			...		
20	25-11-2025	Số GD: 486A25B165ZXTQ2D KB:0161-KBNN KHU VUC XIII - PHONG KE TOAN NHA NUOC;NgàyNT:25112025;MST:0402096950;CQT:1054323;LT:01;DBHC:20242(C:555-TM:4917-KT:00/Q4/2023-ST:3654;);Gchu:Nop Thue Dien Tu	3.654,00	0,00	Thue Thanh pho Da Nang
21	25-11-2025	CT DEN:532910487417 Nop tien vao tk cong ty FT25329016651709	0,00	10.000.000,00	NGUYEN THANH TAM
22	20-11-2025	Tra no TK vay 805007020955,so tien 97163 VND	97.163,00	0,00	
23	...	...	...	...	...
24	18-11-2025	CT DEN:486T25B0ULE93DSG CTY TNHH MTV GHOST TOUR chuyen tien du thuyen	0,00	6.514.200,00	CTY TNHH MTV GHOST TOUR
56	10-11-2025	Nop tien	0,00	240.000.000,00	LE TRAN THU HANG
57	10-11-2025	Rut tien (0905230192)	55.000.000,00	0,00	LE TRAN THU HANG
.....					